

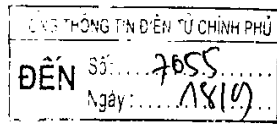
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *25* /2013/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày *12* tháng *9* năm 2013



THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Cao Bằng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày *28* tháng *10* năm 2013.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Website Bộ TN&MT;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, Cục ĐĐ&BVN.

de *th* *an*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Linh Ngọc

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SON VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH CAO BẰNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 25 /2013/TT-BTNMT
ngày 12 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, son văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Cao Bằng được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh tỉnh Cao Bằng được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố Cao Bằng và các huyện, trong đó:

a) Cột “Địa danh” là các địa danh đã được chuẩn hóa, địa danh trong ngoặc đơn là tên gọi khác của địa danh.

b) Cột “Nhóm đối tượng” là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh son văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột “Tên ĐVHC cấp xã” là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của “phường”, TT. là chữ viết tắt của “thị trấn”.

d) Cột “Tên ĐVHC cấp huyện” là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của “thành phố”, H. là chữ viết tắt của “huyện”.

đ) Cột “Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng” là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột “Địa danh”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột “Tọa độ trung tâm”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột “Tọa độ điểm đầu” và “Tọa độ điểm cuối”.

e) Cột “Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình” là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

g) Trường hợp địa danh mới được bổ sung vào Danh mục và chưa có trên bản đồ địa hình quy định tại mục 1 Phần này thì phải thể hiện đầy đủ tên địa danh, nhóm đối tượng, tên ĐVHC cấp xã, tên ĐVHC cấp huyện.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ
TỈNH CAO BẰNG

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Cao Bằng gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Cao Bằng	3
2	Huyện Bảo Lạc	11
3	Huyện Bảo Lâm	31
4	Huyện Hạ Lang	42
5	Huyện Hà Quảng	55
6	Huyện Hòa An	69
7	Huyện Nguyên Bình	87
8	Huyện Phục Hòa	101
9	Huyện Quảng Uyên	110
10	Huyện Thạch An	124
11	Huyện Thông Nông	140
12	Huyện Trà Lĩnh	151
13	Huyện Trùng Khánh	161

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ 1	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 2	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 40' 39"	106° 13' 22"					F-48-33-C
tổ 3	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
quốc lộ 3	KX	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng			22° 40' 53"	106° 13' 49"	22° 40' 46"	106° 12' 07"	F-48-33-C
tổ 4	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Bàn Lặng 1	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 29"	106° 12' 35"					F-48-33-C
xóm Bàn Lặng 2	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Bàn Lầy	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 17"	106° 12' 40"					F-48-33-C
xóm Bàn Mới	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 40' 36"	106° 13' 08"					F-48-33-C
sông Bằng Giang	TV	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng			22° 41' 23"	106° 13' 55"	22° 41' 42"	106° 12' 06"	F-48-33-C
Trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng	KX	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 40' 52"	106° 13' 29"					F-48-33-C
nhà máy gang thép	KX	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 28"	106° 12' 54"					F-48-33-C
xóm Giáy	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khau Cút	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khau Hân 1	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khau Hân 2	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
Khau Mị	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 40' 24"	106° 12' 16"					F-48-33-C
miếu Khau Rọc	KX	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khau Rọc	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khau Xá	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 40' 44"	106° 12' 16"					F-48-33-C
Khuổi Kép	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 39' 12"	106° 12' 25"					F-48-33-C
khu di tích Lưu niệm đồng chí Hoàng Đình Giọng	KX	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 40' 38"	106° 12' 24"					F-48-33-C
xóm Nà Quác	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 14"	106° 12' 26"					F-48-33-C
xóm Nà Tanh	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 40' 57"	106° 12' 13"					F-48-33-C
xóm Nà Toàn 1	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 25"	106° 12' 52"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Toàn 2	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Sông Mãng	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 34"	106° 12' 13"					F-48-33-C
xóm Thám Hoàng 1	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 02"	106° 13' 14"					F-48-33-C
xóm Thám Hoàng 2	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Vô Dặm	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 05"	106° 12' 41"					F-48-33-C
sông Bằng Giang	TV	P. Hợp Giang	TP. Cao Bằng			22° 40' 26"	106° 15' 04"	22° 39' 41"	106° 15' 31"	F-48-33-D
tương đài Chủ tịch Hồ Chí Minh	KX	P. Hợp Giang	TP. Cao Bằng	22° 40' 00"	106° 15' 24"					F-48-33-D
sông Hiến	TV	P. Hợp Giang	TP. Cao Bằng			22° 40' 25"	106° 15' 04"	22° 39' 39"	106° 15' 23"	F-48-33-D
chùa Phố Cũ	KX	P. Hợp Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
sân vận động Thị xã	KX	P. Hợp Giang	TP. Cao Bằng	22° 40' 16"	106° 15' 19"					F-48-33-D
nền nhà Tỉnh ủy Cao Bằng	KX	P. Hợp Giang	TP. Cao Bằng							
quốc lộ 3	KX	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng			22° 40' 28"	106° 14' 50"	22° 40' 28"	106° 14' 50"	F-48-32-C
đường tỉnh 203	KX	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng			22° 40' 34"	106° 14' 07"	22° 41' 31"	106° 14' 07"	F-48-32-C
xóm Bân Vuộm	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng	22° 41' 28"	108° 14' 34"			22° 38' 48"	106° 16' 57"	F-48-33-C
sông Bằng Giang	TV	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng	KX	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng	22° 40' 40"	106° 15' 04"					F-48-32-C
xóm Gia Bình	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Gia Cung	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
cầu Gia Cung	KX	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng	22° 40' 28"	106° 14' 50"					F-48-32-C
xóm Giã Ngâm	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng	22° 41' 01"	106° 14' 16"					F-48-33-C
xóm Khau Thúa 1	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khau Thúa 2	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khau Thúa 3	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khuổi Đứa	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Nà Bám	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng	22° 41' 31"	106° 14' 09"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Kéo	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng	22° 40' 53"	106° 15' 28"					F-48-33-D
xóm Nà Pé	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng	22° 40' 59"	106° 15' 04"					F-48-33-D
xóm Nà Sang	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Trúc 1	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Trúc 2	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Trúc 3	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Xương Gõ	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 1	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 2	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 3	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 4	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 5	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 6	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 7	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 8	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 9	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 10	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 12	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 13	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 14	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 15	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 16	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 17	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 18	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 19	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ 16	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 17	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 18	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 19	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 20	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 21	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 22	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 23	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 24	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 25	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 26	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 27	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 28	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 29	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 30	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 31	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 32	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
sông Bằng Giang	TV	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng			22° 40' 25"	106° 15' 03"	22° 41' 04"	106° 13' 54"	F-48-33-C
sông Hiến	TV	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng			22° 39' 26"	106° 15' 12"	22° 40' 25"	106° 15' 03"	F-48-33-C
tổ 4	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 5	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 6	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 7	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 8	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 9	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
tổ 10	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng								F-48-33-D	
tổ 11	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng								F-48-33-D	
tổ 12	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng								F-48-33-D	
tổ 13	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng								F-48-33-D	
tổ 14	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng								F-48-33-D	
tổ 15	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng								F-48-33-D	
tổ 16	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng								F-48-33-D	
tổ 17	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng								F-48-33-D	
tổ 18	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng								F-48-33-D	
tổ 19	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng								F-48-33-D	
tổ 20	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng								F-48-33-D	
tổ 21	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng								F-48-33-D	
tổ 22	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng								F-48-33-D	
quốc lộ 4A	KX	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng								F-48-33-D	
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng	KX	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng	22° 39' 14"	106° 16' 05"						F-48-33-D	
núi Địa Chất	SV	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng	22° 38' 39"	106° 15' 36"						F-48-33-D	
pháo đài Quân sự tỉnh	KX	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng								F-48-33-D	
quốc lộ 4A	KX	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng			22° 35' 02"	106° 18' 38"	22° 37' 34"	106° 17' 34"		F-48-33-D	
xóm Bản Núi	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 35' 56"	106° 19' 29"						F-48-33-D	
xóm Bó Giới	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 35' 57"	106° 20' 20"						F-48-33-D	
xóm Cốc Găng	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 36' 45"	106° 17' 55"						F-48-33-D	
cầu Cốc Găng	KX	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 36' 38"	106° 18' 04"						F-48-33-D	
núi Đông Đan	SV	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 37' 49"	106° 18' 26"						F-48-33-D	
núi Khau Tén	SV	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 36' 41"	106° 17' 01"						F-48-33-D	
xóm Khuổi Sáo	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 37' 12"	106° 17' 46"						F-48-33-D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Nà	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 35' 28"	106° 20' 18"					F-48-33-D
xóm Nà Chang	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 37' 04"	106° 18' 53"					F-48-33-D
xóm Nà Dĩa	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 34' 45"	106° 19' 48"					F-48-33-D
xóm Nà Sào	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 35' 23"	106° 18' 31"					F-48-33-D
xóm Nà Tầu - Boong Quang	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 36' 15"	106° 17' 40"					F-48-33-D
xóm 1	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 43"	106° 16' 56"					F-48-33-D
xóm 2	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 23"	106° 16' 53"					F-48-33-D
xóm 3	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 14"	106° 16' 46"					F-48-33-D
xóm 4	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 06"	106° 17' 11"					F-48-33-D
quốc lộ 4A	KX	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng			22° 37' 34"	106° 17' 34"	22° 38' 45"	106° 16' 33"	F-48-33-D
sông Bằng Giang	TV	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng				106° 17' 31"	22° 38' 44"	106° 16' 41"	F-48-33-D
núi Búng Bái	SV	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 27"	106° 17' 34"					F-48-33-D
xóm Nà Đoong	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 27"	106° 16' 38"					F-48-33-D
xóm Nà Lũng	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 37' 21"	106° 16' 42"					F-48-33-D
mỏ sắt Nà Lũng	KX	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
xóm Nà Thỏ	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 03"	106° 17' 06"					F-48-33-D
xóm Nà Thơm	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 37' 40"	106° 17' 28"					F-48-33-D
Trại giam	KX	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 40"	106° 17' 13"					F-48-33-D
Nhà máy Xi măng	KX	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 37' 48"	106° 17' 39"					F-48-33-D
xóm 4A1	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
xóm 4A2	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
xóm 4B1	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm 4B2	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
sông Hiến	TV	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng			22° 38' 48"	106° 14' 38"	22° 39' 26"	106° 15' 12"	F-48-33-D
xóm Nà Chường 1	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nhà Chường 2	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
xóm Nhà Gà	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng	22° 39' 20"	106° 14' 46"					F-48-33-C
xóm Nhà Hoàng	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng	22° 39' 38"	106° 14' 28"					F-48-33-C
xóm Nhà Lắc	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng	22° 39' 45"	106° 15' 04"					F-48-33-D
xóm Nhà Rựa	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng	22° 38' 36"	106° 15' 01"					F-48-33-D
nhà máy Nước	KX	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng	22° 41' 14"	106° 14' 01"					F-48-33-D
xóm Pác Cáy	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng	22° 38' 56"	106° 15' 03"					F-48-33-D
xóm Tân An 1	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
xóm Tân An 2	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
xóm Tân An 3	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
xóm Tân An 4	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
núi Thiên Phán	SV	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng	22° 38' 23"	106° 14' 38"					F-48-33-C
quốc lộ 3	KX	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng			22° 40' 46"	106° 12' 07"	22° 39' 55"	106° 11' 42"	F-48-33-C
quốc lộ 34	KX	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng			22° 40' 40"	106° 11' 51"	22° 39' 59"	106° 10' 49"	F-48-33-C
xóm 2 Nam Phong	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 40' 55"	106° 11' 42"					F-48-33-C
xóm 3 Nam Phong	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 40' 34"	106° 11' 52"					F-48-33-C
xóm 3 Ngọc Quyền	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 41' 47"	106° 11' 30"					F-48-33-C
xóm 4 Ngọc Quyền	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 41' 13"	106° 11' 21"					F-48-33-C
xóm 5 Hồng Quang	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 42' 00"	106° 11' 00"					F-48-33-C
xóm Bản Làng	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 40' 49"	106° 11' 03"					F-48-33-C
sông Bằng Giang	TV	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng			22° 42' 23"	106° 10' 52"	22° 41' 42"	106° 12' 06"	F-48-33-C
Cốc Mười	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng							
xóm Đà Quận	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 41' 10"	106° 11' 00"					F-48-33-C
chùa Đà Quận	KX	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 41' 54"	106° 10' 56"					F-48-33-C
xóm Đồng Chúp	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 41' 44"	106° 11' 52"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm				Tọa độ điểm đầu				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
chùa Đồng Lân	KX	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 41' 10"	106° 06' 48"							F-48-33-C
xóm Hồng Quang	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 41' 25"	106° 10' 52"							F-48-33-C
xóm Khau Đồn	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 40' 31"	106° 11' 13"							F-48-33-C
xóm Khau Tông	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 40' 12"	106° 11' 10"							F-48-33-C
xóm Pác Phiêng	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng									
đền Quan Triều	KX	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng									F-48-33-C
đường tỉnh 203	KX	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng			22° 41' 31"	106° 14' 07"	22° 42' 02"	106° 11' 33"			F-48-33-C
xóm Bản Ngàn	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 42' 57"	106° 03' 53"							F-48-33-C
xóm Bản Tại	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 42' 04"	106° 12' 14"							F-48-33-C
xóm Bản Thín	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 42' 11"	106° 12' 07"							F-48-33-C
sông Bằng Giang	TV	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng			22° 41' 42"	106° 12' 06"	22° 41' 23"	106° 13' 55"			F-48-33-C
xóm Đồng Cống	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 41' 49"	106° 13' 51"							F-48-33-D
xóm Đức Chính 1	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 43' 04"	106° 04' 47"							F-48-33-C
xóm Đức Chính 2	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng									F-48-33-C
xóm Đức Chính 3	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng									F-48-33-C
đền Kỳ Sầm	KX	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 41' 40"	106° 14' 00"							F-48-33-C
xóm Lỗ Ngọa	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 43' 04"	106° 03' 17"							F-48-33-C
xóm Nà Chiêm	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 42' 02"	106° 12' 57"							F-48-33-D
núi Nà Lin	SV	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 43' 15"	106° 12' 48"							F-48-33-C
xóm Nà Luồng	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 41' 57"	106° 12' 04"							F-48-33-C
xóm Nà Mạ	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 43' 43"	106° 03' 12"							F-48-33-C
xóm Vò Đuôn	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 42' 03"	106° 11' 42"							F-48-33-C
xóm Vò Tấu	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 42' 31"	106° 12' 25"							F-48-33-C
tổ dân phố 1	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 42"	105° 40' 24"							F-48-32-A
tổ dân phố 2	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 45"	105° 40' 27"							F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 3	DC	T.T. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 49"	105° 40' 30"					F-48-32-A
tổ dân phố 4	DC	T.T. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 47"	105° 40' 51"					F-48-32-A
tổ dân phố 5	DC	T.T. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 43"	105° 40' 58"					F-48-32-A
tổ dân phố 6	DC	T.T. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 57' 05"	105° 40' 34"					F-48-32-A
tổ dân phố 7	DC	T.T. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 53"	105° 40' 21"					F-48-32-A
tổ dân phố 8	DC	T.T. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 57' 39"	105° 40' 13"					F-48-32-A
tổ dân phố 9	DC	T.T. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc							
tổ dân phố 10	DC	T.T. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 34"	105° 40' 22"					F-48-32-A
tổ dân phố 11	DC	T.T. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 57' 07"	105° 40' 45"					F-48-32-A
quốc lộ 34	KX	T.T. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc			22° 56' 28"	105° 40' 18"	22° 57' 35"	105° 40' 10"	F-48-32-A
cầu Bảo Lạc 1	KX	T.T. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc							F-48-32-A
cầu Bảo Lạc 2	KX	T.T. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc							F-48-32-A
núi Khuổi Tậu	SV	T.T. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 57' 08"	105° 39' 33"					F-48-32-A
xóm Nà Chùa	DC	T.T. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 37"	105° 40' 13"					F-48-32-A
xóm Nà Dương	DC	T.T. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc							
sườn Nà Dương	TV	T.T. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc			22° 55' 56"	105° 41' 15"	22° 56' 57"	105° 40' 32"	F-48-32-A
xóm Nà Pẩn	DC	T.T. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 57' 53"	105° 40' 31"					F-48-32-A
xóm Nà Phạ	DC	T.T. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 47"	105° 40' 03"					F-48-32-A
xóm Nà Sài	DC	T.T. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc							
sông Neo	TV	T.T. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc			22° 55' 40"	105° 39' 59"	22° 57' 16"	105° 40' 49"	F-48-32-A
sườn Pác Pết	TV	T.T. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc			22° 56' 16"	10° 54' 27"	22° 56' 48"	105° 42' 12"	F-48-32-A
chùa Văn An	KX	T.T. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc							
quốc lộ 34	KX	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc			22° 58' 12"	105° 38' 44"	22° 56' 11"	105° 35' 03"	
xóm Bản Lũng	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 58' 49"	105° 34' 32"					F-48-32-A
xóm Bản Rừng	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 58' 13"	105° 38' 06"					F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phân hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Căng Ló	SV	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 56' 54"	105° 34' 27"					F-48-32-A
xóm Cốc Chom	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 57' 35"	105° 34' 09"					F-48-32-A
xóm Cốc Lũng	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 58' 30"	105° 35' 32"					F-48-32-A
sông Gâm	TV	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc			22° 58' 19"	105° 38' 47"	22° 58' 11"	105° 33' 58"	F-48-32-A
xóm Khuổi Bốc	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 56' 52"	105° 36' 46"					F-48-32-A
xóm Khuổi Pét	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 57' 56"	105° 34' 33"					F-48-32-A
xóm Khuổi Rệp	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 55' 47"	105° 35' 27"					F-48-32-A
xóm Nà Rò	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 56' 48"	105° 35' 44"					F-48-32-A
xóm Nà Siêm	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 58' 37"	105° 38' 11"					F-48-32-A
xóm Po Pán	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 59' 53"	105° 35' 31"					F-48-32-A
Đồn Biên phòng Cỏ Ba	KX	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 36"	105° 45' 21"					F-48-32-B+20-D
Cốc Nạc	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 25"	105° 46' 03"					F-48-32-B+20-D
bản Diểu	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 04"	105° 44' 07"					F-48-20-C
núi Đông Pu	SV	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 52"	105° 42' 21"					F-48-32-A
sông Gâm	TV	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc				105° 47' 13"	22° 56' 48"	105° 41' 28"	F-48-32-A; F-48-32-B+20-D
sông Giưỡng	TV	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc				105° 44' 54"	23° 01' 09"	105° 45' 29"	F-48-32-A
xóm Khuổi Giào	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	22° 57' 58"	105° 44' 22"					F-48-32-A
thung lũng Láo Lú	SV	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	23° 01' 51"	105° 45' 10"					F-48-32-B+20-D
Lên Trì	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 10"	105° 45' 42"					F-48-32-B+20-D
Lũng Cuồng	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	23° 01' 02"	105° 44' 45"					F-48-20-C
Lũng Giảng	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	23° 01' 33"	105° 44' 13"					F-48-20-C
Lũng Nà	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	23° 01' 31"	105° 43' 21"					F-48-20-C
Lũng Rào	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	23° 01' 07"	105° 46' 28"					F-48-32-B+20-D
Lũng Tạc	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 20"	105° 44' 23"					F-48-20-C
xóm Lũng Vây	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
Lược Xà	DC	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 15"	105° 45' 30"							F-48-32-B+20-D
Lý Lũng	DC	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 45"	105° 43' 08"							F-48-20-C
núi Mo Thiên Linh	SV	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 57"	105° 46' 05"							F-48-32-B+20-D
Nà Bàng	DC	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 48"	105° 46' 03"							F-48-32-B+20-D
xóm Nà Bóp	DC	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 31"	105° 44' 21"							F-48-32-A
Nà Bùn	DC	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 25"	105° 44' 24"							F-48-32-A
Nà Cầm	DC	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 51"	105° 44' 04"							F-48-32-A
Nà Đin	DC	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 04"	105° 44' 44"							F-48-32-A
xóm Nà Đôm	DC	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 20"	105° 42' 54"							F-48-32-A
Nà Đông	DC	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 01"	105° 44' 47"							F-48-32-B+20-D
Nà Hùn	DC	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 43"	105° 44' 32"							F-48-32-A
Nà Lai	DC	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	22° 57' 39"	105° 42' 16"							F-48-32-A
Nà Láng	DC	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 46"	105° 43' 36"							F-48-32-A
Nà Lềng	DC	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 19"	105° 43' 27"							F-48-20-C
xóm Nà Lũng	DC	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 52"	105° 44' 33"							F-48-32-A
Nà Mỏ	DC	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 51"	105° 42' 31"							F-48-32-A
Nà Phát	DC	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 10"	105° 45' 07"							F-48-32-B+20-D
xóm Nà Rào	DC	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 59"	105° 45' 51"							F-48-32-B+20-D
Nà Riền	DC	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 13"	105° 44' 27"							F-48-32-A
xóm Nà Tao	DC	xã Có Ba	H. Bảo Lạc									
xóm Ngâm Lồm	DC	xã Có Ba	H. Bảo Lạc									
núi Ngâm Lồm	SV	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 50"	105° 45' 59"							F-48-32-B+20-D
suối Nôm	TV	xã Có Ba	H. Bảo Lạc					22° 59' 43"	105° 44' 14"	22° 58' 37"	105° 44' 19"	F-48-32-B+20-D
Pác Đin	DC	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	22° 56' 55"	105° 42' 00"							F-48-32-A
núi Pắc Đin	SV	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	22° 57' 36"	105° 41' 46"							F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
đồi Pác Kéo	SV	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	23° 02' 00"	105° 43' 57"							F-48-20-C
Phia Đeng	DC	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 51"	105° 43' 49"							F-48-20-C
Phiêng Lù	DC	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 07"	105° 45' 01"							F-48-32-B+20-D
xóm Phiêng Mòn	DC	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	23° 01' 04"	105° 45' 31"							F-48-32-B+20-D
xóm Phiêng Sáng	DC	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 41"	105° 44' 42"							F-48-32-A
Phiêng Tàng	DC	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 55"	105° 42' 56"							F-48-32-A
Phiêng Vằng	DC	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 44"	105° 45' 31"							F-48-32-B+20-D
suối Sáp Hồ Sáy	TV	xã Có Ba	H. Bảo Lạc			23° 00' 58"	105° 45' 06"	23° 01' 09"	105° 45' 30"			F-48-32-A
bản Tam	DC	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 52"	105° 44' 33"							F-48-32-A
Tẻnh Nà	DC	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 40"	105° 45' 32"							F-48-32-B+20-D
sườn Thiêng Qua	SV	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 34"	105° 46' 39"							F-48-32-B+20-D
lũng Vầy	SV	xã Có Ba	H. Bảo Lạc	23° 02' 26"	105° 43' 29"							F-48-20-C
đường tỉnh 217	KX	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			22° 59' 46"	105° 38' 46"	23° 03' 15"	105° 34' 55"			F-48-20-C; F-48-32-A
Chè Lếch	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 01' 58"	105° 39' 20"							F-48-20-C
suối Cốc Cầu	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 00' 21"	105° 36' 21"	23° 00' 13"	105° 38' 12"			F-48-20-C
xóm Cốc Mòn	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 01' 34"	105° 37' 53"							F-48-20-C
suối Cốc Mòn	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 02' 10"	105° 37' 58"	23° 00' 22"	105° 37' 58"			F-48-20-C
xóm Cốc Muối	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 01' 58"	105° 39' 44"							F-48-20-C
xóm Cốc Pàng	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 03' 14"	105° 34' 54"							F-48-20-C
xóm Cốc Sầu	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 01' 36"	105° 34' 48"							F-48-20-C
suối Cốc Sầu	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 00' 22"	105° 37' 25"	22° 59' 46"	105° 38' 42"			F-48-20-C; F-48-32-A
Cốc Sỳ	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 03' 19"	105° 40' 14"							F-48-20-C
xóm Khuổi Đầm	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 01' 52"	105° 38' 47"							F-48-20-C
Khuổi Khau	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc									F-48-20-C
Khuổi Lả	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 02' 19"	105° 34' 27"							F-48-20-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Khuổi Sả	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 03' 22"	105° 36' 11"							F-48-20-C
xóm Khuổi Tằng	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 00' 29"	105° 36' 52"							F-48-20-C
suối Lê	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 01' 15"	105° 36' 53"	23° 00' 23"	105° 37' 52"			F-48-20-C
Lũng Cò	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	2° 30' 02"	105° 38' 23"							F-48-20-C
Khuổi Nà	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 02' 13"	105° 34' 47"	23° 03' 03"	105° 33' 49"			F-48-20-C
xóm Nà Nộc	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 02' 29"	105° 37' 59"							F-48-20-C
xóm Nà Cam	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 02' 36"	105° 39' 26"							F-48-20-C
Nà Lả	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 04' 23"	105° 38' 11"							F-48-20-C
suối Nà Linh	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 01' 43"	105° 39' 49"	23° 00' 13"	105° 38' 12"			F-48-20-C
xóm Nà Luông	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 03' 29"	105° 37' 15"							F-48-20-C
suối Nà Luông	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 04' 42"	105° 38' 07"	23° 02' 10"	105° 37' 58"			F-48-20-C
xóm Nà Mía	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 03' 01"	105° 39' 14"							F-48-20-C
xóm Nà Nhùng	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 00' 43"	105° 39' 14"							F-48-20-C
Nà Pù	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 01' 34"	10° 53' 66"							F-48-20-C
xóm Nà Rại	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 01' 39"	105° 38' 37"							F-48-20-C
Nà Tả	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 02' 16"	105° 38' 29"							F-48-20-C
Pác Cáp	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 00' 20"	105° 38' 00"							F-48-20-C
suối Pàng	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 03' 11"	105° 39' 14"	23° 02' 10"	105° 37' 58"			F-48-20-C
xóm Vằng Có	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 02' 14"	105° 37' 24"							F-48-20-C
suối Xá	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 02' 50"	105° 35' 50"	23° 03' 22"	105° 35' 01"			F-48-20-C
quốc lộ 34	KX	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc			22° 45' 11"	105° 49' 39"	22° 48' 15"	105° 46' 58"			F-48-32-B+20-D
xóm Bản Buồng	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 03"	105° 44' 34"							F-48-32-A
xóm Bản Chối	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 47"	105° 47' 40"							F-48-32-B+20-D
suối Bản Chối	TV	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc			22° 46' 50"	105° 47' 34"	22° 45' 58"	105° 47' 06"			F-48-32-B+20-D
xóm Bản Miồng	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 44' 35"	105° 46' 24"							F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Bần Ổ	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 00"	105° 47' 20"						F-48-32-D	
Bét	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 12"	105° 44' 31"						F-48-32-A	
Bồ Pu	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 25"	105° 46' 11"						F-48-32-B+20-D	
Cáp Ké	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 54"	105° 45' 24"						F-48-32-B+20-D	
xóm Cốc Thốc	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 22"	105° 49' 11"						F-48-32-B+20-D	
núi Đa Pành	SV	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 26"	105° 48' 57"						F-48-32-B+20-D	
Háng Miêu (Háng Miáo)	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 57"	105° 47' 09"						F-48-32-B+20-D	
xóm Kéo Van	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 04"	105° 48' 53"						F-48-32-B+20-D	
xóm Khưa Lốm	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc									
Khuổi Pét	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 47' 08"	105° 46' 45"						F-48-32-B+20-D	
Lũng Muối	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc								F-48-32-B+20-D	
xóm Lũng Quảng	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 47' 46"	105° 47' 15"						F-48-32-B+20-D	
xóm Lũng Vải	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 47' 20"	105° 48' 18"						F-48-32-B+20-D	
suối Miêu (Miông)	TV	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc				22° 44' 37"	105° 46' 22"	22° 46' 20"	105° 45' 57"	F-48-32-B+20-D	
xóm Nặm Láng	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 42"	105° 49' 50"						F-48-32-B+20-D	
xóm Nặm Lìn	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 52"	105° 48' 43"						F-48-32-B+20-D	
xóm Nặm Pát	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 38"	105° 48' 49"						F-48-32-B+20-D	
sông Neo	TV	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc				22° 44' 25"	105° 47' 44"	22° 45' 58"	105° 47' 06"	F-48-32-B+20-D	
núi Nhặt Bá	SV	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 44' 48"	105° 43' 59"						F-48-32-C	
Pác Cáp	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 44' 30"	105° 48' 16"						F-48-32-D	
xóm Phia Khao	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 33"	105° 47' 43"						F-48-32-B+20-D	
núi Phia Sáng	SV	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 42"	105° 46' 27"						F-48-32-B+20-D	
xóm Phiêng Châu 1	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 57"	105° 45' 57"						F-48-32-B+20-D	
xóm Phiêng Châu 2	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 19"	105° 46' 29"						F-48-32-B+20-D	
xóm Puối Chang	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 40"	105° 47' 16"						F-48-32-B+20-D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	
núi Sinh Dăng	SV	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 21"	105° 46' 42"					F-48-32-B+20-D
núi Sù Phùng Đỏ	SV	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 14"	105° 48' 18"					F-48-32-B+20-D
suối Tát Pá	TV	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc			22° 46' 16"	105° 49' 34"	22° 45' 29"	105° 48' 56"	F-48-32-B+20-D
núi Tù Cung Bó	SV	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 15"	105° 49' 11"					F-48-32-B+20-D
núi Vườn Chu Chong	SV	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 52"	105° 48' 06"					F-48-32-B+20-D
xóm Ca Dầm	DC	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 51' 21"	105° 49' 10"					F-48-32-B+20-D
núi Hồ Phi Lũng	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 49' 44"	105° 50' 37"					F-48-32-B+20-D
xóm Hoi Ngừa	DC	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 51' 51"	105° 49' 36"					F-48-32-B+20-D
núi Hoi Ngừa	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 50' 57"	105° 50' 06"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Sầu	DC	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 51' 48"	105° 50' 29"					F-48-32-B+20-D
xóm Mỹ Lũng	DC	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 51' 00"	105° 49' 45"					F-48-32-B+20-D
núi Pác Káo	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 50' 24"	105° 50' 32"					F-48-32-B+20-D
núi Phia Khau	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 52' 04"	105° 50' 30"					F-48-32-B+20-D
núi Sàng Lũng	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 49' 13"	105° 52' 11"					F-48-32-B+20-D
núi Tả Chung	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 50' 36"	105° 51' 41"					F-48-32-B+20-D
núi Tròng Pàng	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 49' 06"	105° 49' 31"					F-48-32-B+20-D
núi Vải Thai	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 49' 02"	105° 51' 44"					F-48-32-B+20-D
núi Ao Li	SV	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 56' 47"	105° 38' 34"					F-48-32-A
xóm Bản Khuông	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc							F-48-32-A
xóm Bản Pây (Bản Piáy)	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 27"	105° 40' 19"					F-48-32-A
xóm Cốc Xá Dưới	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 56' 19"	105° 38' 00"					F-48-32-A
xóm Cốc Xá Trên	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 56' 36"	105° 37' 58"					F-48-32-A
Trường Dân tộc nội trú huyện	TV	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 02"	105° 40' 15"					F-48-32-A
xóm Khau Cà	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 37"	105° 39' 20"					F-48-32-A
xóm Khau Pầu	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc							F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Lũng Tiến	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 55' 25"	105° 37' 09"							F-48-32-A
xóm Nà Cao	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 56"	105° 39' 37"							F-48-32-A
Nà Cát	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 03"	105° 40' 17"							F-48-32-A
xóm Nà Đuối	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 52' 56"	105° 42' 13"							F-48-32-A
xóm Nà Nôm	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 48"	105° 37' 15"							F-48-32-A
xóm Nà Tền	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 58' 03"	105° 39' 07"							F-48-32-A
xóm Nà Van	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 54"	105° 38' 02"							F-48-32-A
sông Neo	TV	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc			22° 51' 53"	105° 40' 19"	22° 56' 30"		105° 40' 15"		F-48-32-A
núi Phía Đì	SV	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 20"	105° 42' 00"							F-48-32-A
xóm Thang Bưởi	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 55' 04"	105° 39' 54"							F-48-32-A
chùa Vân An	TV	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc									F-48-32-C
quốc lộ 34	KX	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc			22° 51' 55"	105° 40' 21"	22° 50' 05"		105° 44' 31"		F-48-32-A
súoi Bản Riền	TV	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc			22° 50' 55"	105° 43' 11"	22° 51' 01"		105° 42' 31"		F-48-32-A
Cảng Luồng	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 49' 48"	105° 42' 23"							F-48-32-A
xóm Cốc Ngựa	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 51' 41"	105° 42' 41"							F-48-32-A
xóm Khau Pa	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 49' 12"	105° 42' 52"							F-48-32-A
xóm Khuổi Tặc	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc									F-48-32-A
khuổi Lầm	TV	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc			22° 52' 02"	105° 42' 05"	22° 51' 14"		105° 41' 43"		F-48-32-A
xóm Nà Chảo	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 51' 08"	105° 42' 20"							F-48-32-A
Nà Khuổi	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 46' 32"	105° 42' 53"							F-48-32-A
xóm Nà Tông	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 47' 54"	10° 54' 23"							F-48-32-A
xóm Nậm Đứng	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 46' 29"	105° 42' 35"							F-48-32-A
xóm Nậm Xiu	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 48' 53"	105° 42' 16"							F-48-32-A
sông Neo	TV	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc			22° 46' 50"	105° 43' 24"	22° 48' 03"		105° 42' 02"		F-48-32-A
xóm Ngâm Vàng	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 50' 31"	105° 43' 01"							F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Ngâm Vàng	SV	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 51' 19"	105° 42' 55"					F-48-32-A
xóm Phiêng Nà	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 50' 18"	105° 43' 32"					F-48-32-A
Pù Mía	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 51' 38"	105° 41' 39"					F-48-32-A
khuổi Rào	TV	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc			22° 49' 17"	105° 41' 50"	22° 51' 00"	105° 42' 10"	F-48-32-A
núi Rào Mừng	SV	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 52' 10"	105° 42' 22"					F-48-32-A
nậm Siu	TV	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc			22° 48' 21"	105° 42' 50"	22° 48' 55"	105° 42' 06"	F-48-32-A
xóm Bản Cuồn	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 47' 21"	105° 40' 32"					F-48-32-A
Bản Dường	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 49' 09"	105° 37' 36"					F-48-32-A
suối Chàng	TV	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc			22° 48' 41"	105° 37' 59"	22° 51' 18"	105° 40' 31"	F-48-32-A
xóm Chàng Hạ	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 50' 08"	105° 41' 07"					F-48-32-A
núi Khâu Sa	SV	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 48' 42"	105° 39' 26"					F-48-32-A
xóm Khau Sủ	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 49' 15"	105° 41' 30"					F-48-32-A
xóm Khuổi Mực	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 47' 58"	105° 39' 06"					F-48-32-A
Khuổi Sừa	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 48' 33"	105° 39' 13"					F-48-32-A
Nà Càng	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 49' 15"	105° 38' 31"					F-48-32-A
Nậm Luông	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 47' 17"	105° 37' 03"					F-48-32-A
núi Nậm Luông	SV	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 48' 30"	105° 36' 51"					F-48-32-A
sông Neo	TV	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc			22° 46' 50"	105° 43' 24"	22° 48' 03"	105° 42' 02"	F-48-32-A
xóm Phiêng Bướng	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 48' 06"	105° 37' 03"					F-48-32-A
núi Phù Hưng	SV	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 48' 19"	105° 41' 28"					F-48-32-A
xóm Thượng A	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 48' 09"	105° 39' 38"					F-48-32-A
xóm Thượng B	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 48' 09"	105° 39' 38"					F-48-32-A
xóm Vằng Linh	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 50' 54"	105° 40' 10"					F-48-32-A
quốc lộ 34	KX	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc			22° 47' 46"	105° 47' 36"	22° 50' 05"	105° 44' 31"	F-48-32-A
xóm Bản Bét	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc							F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bân Ngà	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 47' 03"	105° 44' 57"							F-48-32-B+20-D
xóm Cẩm Dưới	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 49' 54"	105° 47' 20"							F-48-32-B+20-D
xóm Cẩm Trên	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 50' 09"	105° 47' 20"							F-48-32-B+20-D
núi Chư Lầu	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 46' 24"	105° 45' 10"							F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Sĩ	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc									F-48-32-B+20-D
xóm Khau Trường	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc									F-48-32-A
Khuổi Ruồm	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 46' 49"	105° 43' 59"							F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Giáo	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc									F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Hồ	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 58"	105° 47' 39"							F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Khuôn	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 49' 37"	105° 45' 35"							F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Lài	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 50' 29"	105° 46' 25"							F-48-32-B+20-D
suối Lũng Lài	TV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc			22° 50' 17"	105° 45' 35"	22° 50' 46"	105° 46' 27"			F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Pán	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc									F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Pán	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 42"	105° 46' 41"							F-48-32-B+20-D
núi Lũng Pán	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 49' 02"	105° 46' 50"							F-48-32-B+20-D
suối Lũng Pán	TV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc			22° 48' 23"	105° 46' 11"	22° 47' 27"	105° 45' 31"			F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Păng	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 16"	105° 50' 16"							F-48-32-B+20-D
núi Lũng Rạc	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 51' 15"	105° 44' 53"							F-48-32-A
núi Ma Nặng	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 00"	105° 42' 35"							F-48-32-A
Mào Xan	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 16"	105° 47' 34"							F-48-32-B+20-D
xóm Nà Ca	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc									F-48-32-A
núi Nà Chén	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 46' 53"	105° 45' 30"							F-48-32-B+20-D
thủy điện Nà Han	KX	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 47' 00"	105° 43' 08"							F-48-32-B+20-D
Nà Han	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 47' 45"	105° 42' 31"							F-48-32-A
Nà Tùng	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 47' 01"	105° 43' 09"							F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Nậm Cộp	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 32"	105° 47' 07"			22° 46' 33"	105° 45' 34"	22° 47' 37"	105° 42' 11"	F-48-32-B+20-D
sông Neo	TV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc					22° 46' 33"	105° 45' 34"	22° 47' 37"	105° 42' 11"	F-48-32-A
núi Pác De	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 50' 58"	105° 45' 41"							F-48-32-B+20-D
xóm Pác Lũng	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 50' 51"	105° 44' 25"							F-48-32-A
đèo Pắc Lũng	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 49' 01"	105° 45' 44"							F-48-32-B+20-D
xóm Pác Trá	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 49' 24"	105° 45' 41"							F-48-32-B+20-D
Phiêng Cọc	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 55"	105° 43' 44"							F-48-32-A
Phiêng Co	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 29"	105° 44' 25"							F-48-32-A
xóm Phiêng Páng	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 28"	105° 46' 32"							F-48-32-B+20-D
xóm Phiêng Vàng	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc									F-48-32-B+20-D
núi Phương Dật	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 51' 51"	105° 44' 30"							F-48-32-A
núi Pía Cầu	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 49' 07"	105° 43' 35"							F-48-32-A
núi Pín Vàng	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 49' 09"	105° 44' 48"							F-48-32-A
Pù Lầu	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 47' 36"	105° 43' 36"							F-48-32-A
xóm Pù Ngáo	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 47' 50"	105° 45' 48"							F-48-32-B+20-D
núi Sầm Lũng	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 17"	105° 45' 32"							F-48-32-B+20-D
núi Sầm Nùng Pẩu	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 32"	105° 45' 26"							F-48-32-B+20-D
Thun Hóp	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 24"	105° 49' 24"							F-48-32-B+20-D
núi Thung Lai	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 50' 13"	105° 46' 01"							F-48-32-B+20-D
xóm Bản Diêm	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 55' 58"	105° 45' 02"							F-48-32-B+20-D
xóm Bản Phưởng	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 55' 50"	105° 43' 52"							F-48-32-B+20-D
xóm Cà Lò	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 58' 55"	105° 48' 15"							F-48-32-A
xóm Cốc Lại	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 58' 57"	105° 47' 01"							F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Pục	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 56' 39"	105° 43' 36"							F-48-32-A
đốc Cổng Trời	SV	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 55' 51"	105° 46' 32"							F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm				Tọa độ điểm đầu				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Hồ Lù	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 57' 15"	105° 46' 59"							F-48-32-B+20-D
xóm Kha Rào	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 55' 35"	105° 42' 27"							F-48-32-A
suối Khuổi Sáng	TV	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc					22° 56' 02"	105° 42' 42"	22° 56' 16"	105° 42' 07"	F-48-32-A
đốc Lai Thôn	SV	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	23° 00' 07"	105° 47' 20"							F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Chàm	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 56' 26"	105° 46' 56"							F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Khuyết	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 56' 51"	105° 46' 16"							F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Piao	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	23° 00' 01"	105° 47' 09"							F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Quang	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 56' 06"	105° 47' 01"							F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Quẩy	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 57' 17"	105° 47' 13"							F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Rì	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 57' 57"	105° 46' 55"							F-48-32-B+20-D
Mác Nặng	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 59' 44"	105° 47' 39"							F-48-32-B+20-D
xóm Nà Luông	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 55' 35"	105° 44' 31"							F-48-32-A
xóm Nà Quy	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc									
xóm Pác Kéo	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 57' 38"	105° 47' 11"							F-48-32-B+20-D
lũng Pằng Đèo	SV	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 59' 09"	105° 49' 45"							F-48-32-B+20-D
suối Phía Héo	TV	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc			22° 55' 10"	105° 42' 15"	22° 56' 17"	105° 42' 08"			F-48-32-A
núi Pù Yên Mạ	SV	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 55' 45"	105° 43' 08"							F-48-32-A
xóm Thâm Han	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc									
xóm Xum Hẩu	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 54' 57"	105° 44' 25"							F-48-32-A
xóm Cốc Đức	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 53' 21"								F-48-32-A
xóm Cốc Muối	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 53' 52"	105° 38' 10"							F-48-32-A
Cốc Tém	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 52' 24"	105° 38' 09"							F-48-32-A
xóm Duồng Rình	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 53' 43"	105° 39' 04"							F-48-32-A
suối Duồng Rình	TV	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc			22° 53' 49"	105° 38' 47"	22° 53' 50"	105° 39' 53"			F-48-32-A
Khau Sáng	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 51' 17"	105° 37' 39"							F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Khuổi Khon	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 52' 35"	105° 41' 42"							F-48-32-A
xóm Khuổi Pao	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 52' 50"	105° 40' 34"							F-48-32-A
xóm Khuổi Rừ	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 52' 21"	105° 39' 23"							F-48-32-A
xóm Nà Nằm	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc									
xóm Nà Soen	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 50' 48"	105° 38' 45"							F-48-32-A
sông Neo	TV	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc			22° 51' 54"	105° 40' 19"	22° 53' 55"	105° 40' 09"			F-48-32-A
xóm Ngâm Lồm	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 51' 21"	105° 39' 02"							F-48-32-A
xóm Pác Puồng	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 53' 36"	105° 40' 01"							F-48-32-A
xóm Phiêng Tắc	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 52' 51"	105° 38' 27"							F-48-32-A
xóm Pom Cưởn	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 53' 30"	105° 38' 43"							F-48-32-A
sườn Quang Mậu	TV	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc			22° 51' 23"	105° 39' 08"	22° 52' 00"	105° 40' 08"			F-48-32-A
xóm Siam Kha	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 52' 44"	105° 39' 05"							F-48-32-A
xóm Tát Kè	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 50' 32"	105° 37' 39"							F-48-32-A
xóm Bó Chiêu	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 56' 04"	105° 41' 44"							F-48-32-A
xóm Bó Tẻ	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 54' 08"	105° 45' 23"							F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Lại	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 53' 52"	105° 45' 13"							F-48-32-B+20-D
Cốc Xi	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 51' 52"	105° 44' 11"							F-48-32-A
xóm Khuổi Sầu	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 54' 24"	105° 44' 42"							F-48-32-A
xóm Lũng Vài	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 51' 29"	105° 46' 26"							F-48-32-B+20-D
xóm Mè Van	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 53' 43"	105° 43' 22"							F-48-32-A
núi Nặm Dân	SV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 53' 04"	105° 46' 39"							F-48-32-B+20-D
sườn Nặm Dân	TV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc			22° 52' 04"	105° 47' 01"	22° 54' 41"	105° 45' 32"			F-48-32-B+20-D
xóm Nặm Dân	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc									
núi Nam Giam	SV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 52' 08"	105° 47' 48"							F-48-32-B+20-D
xóm Ngâm Càng	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 52' 03"	105° 43' 54"							F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Pác Lác	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 51' 49"	105° 45' 52"						F-48-32-B+20-D	
núi Pác Lác	SV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 52' 45"	105° 45' 23"						F-48-32-B+20-D	
pu Pát Bà	SV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 54' 22"	105° 43' 45"						F-48-32-A	
xóm Phần Quang	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 53' 36"	105° 45' 59"						F-48-32-B+20-D	
xóm Phía Héo	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 55' 09"	105° 42' 03"						F-48-32-A	
sườn Phía Héo	TV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc			22° 55' 10"	105° 42' 14"	22° 56' 16"	105° 42' 07"		F-48-32-A	
xóm Phía Tăng	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc									
xóm Phiêng Dịt	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc									
núi Pù Vỉ	SV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 55' 32"	105° 41' 28"						F-48-32-A	
xóm Thẩm Thôn A	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 54' 26"	105° 42' 27"						F-48-32-A	
xóm Thẩm Thôn B	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 55' 07"	105° 42' 33"						F-48-32-A	
xóm Thôn Quan	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 52' 46"	105° 43' 52"						F-48-32-A	
núi Trên Pác Lác	SV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 51' 52"	105° 45' 24"						F-48-32-B+20-D	
xóm Bản Ông	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 42' 02"	105° 36' 24"						F-48-32-C	
núi Khau Ho	SV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 42' 42"	105° 37' 01"						F-48-32-C	
Khiếu Hạ	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 42' 45"	105° 37' 50"						F-48-32-C	
Khiếu Thượng	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 40' 55"	105° 35' 20"						F-48-32-C	
Khuổi Đậu	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 42' 59"	105° 35' 55"						F-48-32-C	
xóm Khuổi Tầu	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 43' 26"	105° 36' 29"						F-48-32-C	
núi Nậm Khiếu	SV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 41' 05"	105° 35' 13"						F-48-32-C	
núi Nậm Yên	SV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 44' 37"	105° 35' 43"						F-48-32-C	
Nậm Yên	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 44' 38"	105° 37' 50"						F-48-32-C	
sông Năng	TV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc			22° 41' 27"	105° 35' 28"	22° 43' 32"	105° 38' 56"		F-48-32-C	
xóm Ông Théc	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 42' 27"	105° 35' 52"						F-48-32-C	
xóm Phía Pàn	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 43' 13"	105° 37' 28"						F-48-32-C	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
suối Phía Pàn	TV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc			22° 43' 35"	105° 35' 40"	22° 44' 19"	105° 35' 42"	22° 43' 12"	105° 37' 40"	F-48-32-C
núi Phya Dạ	SV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc			22° 43' 35"	105° 35' 40"					F-48-32-C
xóm Thóm Ngàn	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc			22° 42' 30"	105° 35' 14"					F-48-32-C
suối Thóm Ngàn	TV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc					22° 41' 44"	105° 34' 50"	22° 41' 27"	105° 35' 28"	F-48-32-C
xóm Bản Khiếu	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc			22° 44' 15"	105° 40' 36"					F-48-32-C
xóm Bản Khuông	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc			22° 44' 49"	105° 40' 06"					F-48-32-C
xóm Bản Riêng	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc			22° 44' 22"	105° 39' 08"					F-48-32-C
xóm Bản Tuồng	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc									F-48-32-C
núi Bó Còi	SV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc			22° 43' 58"	105° 41' 54"					F-48-32-A
bản Bồng	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc			22° 46' 29"	105° 39' 25"					F-48-32-A
khuai Cà	SV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc			22° 45' 25"	105° 40' 30"					F-48-32-C
núi Còi Chi	SV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc			22° 43' 38"	105° 41' 34"					F-48-32-A
bản Cuốn	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc			22° 47' 13"	105° 39' 53"					F-48-32-A
xóm Dẩn Tờ	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc			22° 47' 02"	105° 39' 23"					F-48-32-C
Đồn	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc			22° 43' 39"	105° 41' 14"					F-48-32-A
núi Đông Xoét	SV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc			22° 45' 25"	105° 41' 12"					F-48-32-A
xóm Khau Cà	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc			22° 46' 00"	105° 40' 14"					F-48-32-A
Khơ Chơng	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc			22° 45' 53"	105° 43' 25"					F-48-32-A
Khuổi Luội	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc			22° 45' 45"	105° 41' 05"					F-48-32-A
Khuổi Phay	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc			22° 46' 11"	105° 42' 18"					F-48-32-A
Khuổi Khuông	TV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc					22° 45' 49"	105° 39' 52"	22° 44' 24"	105° 39' 50"	F-48-32-A
Lũng Thóm	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc			22° 44' 42"	105° 39' 03"					F-48-32-C
núi Lũng Thơm	SV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc			22° 44' 53"	105° 38' 39"					F-48-32-C
suối Lũng Thơm	TV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc					22° 45' 26"	105° 38' 18"	22° 44' 27"	105° 39' 17"	F-48-32-A
Nà Bản	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc			22° 45' 17"	105° 42' 04"					F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
Nà Cài	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 44' 36"	105° 43' 28"						F-48-32-C	
núi Nà Chấn	SV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 45' 26"	105° 39' 31"						F-48-32-A	
xóm Nà Khuổi	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc								F-48-32-C	
Nà Lào	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 44' 26"	105° 40' 26"						F-48-32-C	
Nà Pa	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 45' 10"	105° 39' 49"						F-48-32-A	
Nà Trang	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 43' 56"	105° 42' 19"						F-48-32-C	
Nậm Kẹm	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 45' 44"	105° 42' 35"						F-48-32-A	
Phia Càng	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 45' 15"	105° 43' 07"						F-48-32-A	
xóm Phiêng Lặng	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 44' 32"	105° 42' 19"						F-48-32-C	
xóm Pù Mỏ	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 44' 00"	105° 41' 04"						F-48-32-C	
núi Pù Mỏ	SV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 44' 20"	105° 41' 11"						F-48-32-A	
núi Sừm Ngần	SV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 45' 44"	105° 43' 04"						F-48-32-C	
núi Tái Riêng	SV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 44' 25"	105° 38' 32"						F-48-32-C	
Tổng Cọt	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 43' 52"	105° 41' 03"						F-48-32-C	
Tổng Kiều	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 43' 46"	105° 41' 04"						F-48-32-C	
khởi Tuồng	TV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc					22° 46' 00"	105° 41' 48"	22° 43' 55"	105° 41' 14"	F-48-32-C
quốc lộ 34	KX	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc					22° 57' 35"	105° 40' 10"	22° 58' 12"	105° 38' 44"	F-48-32-A
khởi A	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc					22° 59' 46"	105° 38' 42"	22° 58' 55"	105° 38' 27"	F-48-32-A
xóm Bản Chang	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 01' 04"	105° 42' 34"							F-48-20-C
xóm Bó Vài	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 03' 02"	105° 41' 32"							F-48-20-C
núi Chè Vín	SV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 58' 47"	105° 39' 23"							F-48-32-A
núi Cốc Muối	SV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 02' 13"	105° 40' 21"							F-48-20-C
xóm Cốc Thốc	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 03' 18"	105° 42' 25"							F-48-20-C
sông Gầm	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc					22° 57' 55"	105° 40' 28"	22° 58' 19"	105° 38' 47"	F-48-32-A
Già Mỏ	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 03' 32"	105° 41' 15"							F-48-20-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khuổi A	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 00' 06"	105° 39' 25"					F-48-20-C
xóm Khuổi Chủ	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 00' 22"	105° 40' 25"					F-48-20-C
xóm Khuổi Nỏ	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc							
xóm Khuổi Pậu	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 59' 14"	105° 38' 53"					F-48-32-A
xóm Khuổi Pứt	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc							
suối Lũng	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			23° 00' 52"	105° 39' 53"	22° 59' 39"	105° 38' 49"	F-48-20-C; F-48-32-A
xóm Lũng Nà	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc							
xóm Lũng Pán	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 02' 53"	105° 42' 18"					F-48-20-C
Nà Cát	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 59' 51"	105° 41' 34"					F-48-32-A
Nà Chảo	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 00' 49"	105° 40' 59"					F-48-20-C
xóm Nà Dạn	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 58' 42"	105° 40' 39"					F-48-32-A
xóm Nà Đưa	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 59' 01"	105° 38' 53"					F-48-32-A
Nà Luông	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 59' 38"	105° 38' 15"					F-48-32-A
Nà Mạ	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 58' 59"	105° 41' 23"					F-48-32-A
suối Nà Ngâm	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			22° 59' 03"	105° 40' 55"	22° 58' 41"	105° 39' 59"	F-48-32-A
xóm Nà Ngâm A	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 00' 34"	105° 41' 31"					F-48-20-C
xóm Nà Ngâm B	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 57' 42"	105° 41' 01"					F-48-32-A
xóm Nà Quăng	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 02' 02"	105° 41' 11"					F-48-20-C
suối Nà Quăng	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			23° 02' 01"	105° 41' 53"	23° 02' 14"	105° 41' 02"	F-48-20-C
xóm Nà Rạ	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 01' 46"	105° 42' 09"					F-48-20-C
xóm Nà Sài	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc							
suối Nà Tân	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			23° 01' 01"	105° 41' 55"	23° 01' 13"	105° 40' 38"	F-48-20-C
xóm Nà Tền	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 58' 25"	105° 39' 10"					F-48-32-A
xóm Nà Tổng	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 57' 48"	105° 39' 21"					F-48-32-A
xóm Nà Viêng	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 59' 24"	105° 41' 24"					F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
Ngàm Giảng	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 02' 48"	105° 43' 01"						F-48-20-C	
núi Ngâm Rạo	SV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 01' 09"	105° 39' 47"						F-48-20-C	
xóm Pác Riệu	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 58' 14"	105° 40' 04"						F-48-32-A	
khuổi Pậu	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			22° 58' 43"	105° 41' 19"	22° 56' 46"	105° 41' 19"		F-48-32-A	
xóm Phiêng Sinh	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 57' 51"	105° 40' 06"						F-48-32-A	
sước Tà Mù	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			23° 03' 33"	105° 41' 40"	22° 58' 06"	105° 39' 52"		F-48-32-B+20-D	
xóm Tà Mù	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 01' 07"	105° 40' 33"						F-48-20-C	
lũng Áng Lồng	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 58' 26"	105° 51' 48"						F-48-32-B+20-D	
xóm Bản Chuông	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 02"	105° 47' 47"						F-48-32-B+20-D	
xóm Bản Thán	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc									
Bào Tỳ	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 54' 10"	105° 49' 01"						F-48-32-B+20-D	
núi Bó Héc	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 53' 40"	105° 49' 16"						F-48-32-B+20-D	
xóm Cao Bắc	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 05"	105° 49' 44"						F-48-32-B+20-D	
núi Cỏ Péc	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 56' 06"	105° 49' 43"						F-48-32-B+20-D	
xóm Cốc Khách	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 10"	105° 49' 34"						F-48-32-B+20-D	
sước Cốc Tả	TV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc			22° 53' 44"	105° 48' 48"	22° 54' 12"	105° 48' 27"		F-48-32-B+20-D	
núi Đin Đeng	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 58' 41"	105° 49' 14"						F-48-32-B+20-D	
đồn Đồng Mu	KX	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc								F-48-32-B+20-D	
khuổi Van	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 24"	105° 50' 35"						F-48-32-B+20-D	
núi Lầm Côm	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 57"	105° 50' 33"						F-48-32-B+20-D	
núi Lầm Cùm	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 01"	105° 50' 02"						F-48-32-B+20-D	
xóm Lũng Mệt	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 44"	105° 51' 28"						F-48-32-B+20-D	
Lũng Nọi	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 53' 55"	105° 48' 51"						F-48-32-B+20-D	
xóm Lũng Pèo	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 53' 36"	105° 50' 44"						F-48-32-B+20-D	
xóm Lũng Pù	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 56' 49"	105° 49' 48"						F-48-32-B+20-D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Lũng Rạc	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 53' 00"	105° 48' 33"						F-48-32-B+20-D	
xóm Mù Chăng	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 54' 30"	105° 50' 33"						F-48-32-B+20-D	
xóm Nà Chọc	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 14"	105° 47' 37"						F-48-32-B+20-D	
xóm Nà Đổng	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 54' 36"	105° 48' 08"						F-48-32-B+20-D	
Nậm Giết	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 54' 48"	105° 49' 58"						F-48-32-B+20-D	
Pác Nạp	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 49"	105° 49' 19"						F-48-32-B+20-D	
lũng Phát	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 56' 55"	105° 51' 03"						F-48-32-B+20-D	
Phia Khao	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 52' 37"	105° 51' 12"						F-48-32-B+20-D	
xóm Phía Phong	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 53' 08"	105° 47' 20"						F-48-32-B+20-D	
núi Phía Phong	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 53' 23"	105° 47' 01"						F-48-32-B+20-D	
xóm Phìn Sáng	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 54' 10"	105° 50' 35"						F-48-32-B+20-D	
xóm Phìn Sáng	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 56' 29"	105° 47' 47"						F-48-32-B+20-D	
suối Piêng Pán	TV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc			22° 53' 00"	105° 50' 40"	22° 53' 23"	105° 51' 12"		F-48-32-B+20-D	
núi Pờ Cà Tân	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 52' 30"	105° 48' 20"						F-48-32-B+20-D	
lũng Quang	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 58' 18"	105° 50' 44"						F-48-32-B+20-D	
xóm Sà Phìn	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 57' 25"	105° 50' 16"						F-48-32-B+20-D	
suối Tả Nội	TV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc			22° 53' 27"	105° 49' 08"	22° 53' 44"	105° 48' 48"		F-48-32-B+20-D	
xóm Tả Sáy	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc								F-48-32-B+20-D	
Tắt Luông	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 52' 22"	105° 49' 29"						F-48-32-B+20-D	
lũng Tây Đùm	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 58' 28"	105° 50' 04"						F-48-32-B+20-D	
hồ Thâm Lắm	TV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc			22° 55' 44"	105° 50' 20"	22° 55' 18"	105° 49' 31"		F-48-32-B+20-D	
xóm Thâm Tôm	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 56' 13"	105° 49' 45"						F-48-32-B+20-D	
xóm Thiêng Lầu	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 54' 57"	105° 48' 06"						F-48-32-B+20-D	
xóm Thua Tổng	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 54' 21"	105° 48' 06"						F-48-32-B+20-D	
lũng Trám	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 56' 56"	105° 47' 47"						F-48-32-B+20-D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
Xi Ma	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 57' 12"	105° 51' 32"						F-48-32-B+20-D	
quốc lộ 34	KX	TT. Pác Miếu	H. Bảo Lâm			22° 53' 30"	105° 31' 45"	22° 46' 07"		105° 26' 43"	F-48-31-B; F-48-32-A	
xóm Bản Đe	DC	TT. Pác Miếu	H. Bảo Lâm	22° 46' 45"	105° 27' 41"						F-48-31-B	
núi Che Léch	SV	TT. Pác Miếu	H. Bảo Lâm	22° 47' 51"	105° 29' 31"						F-48-31-B	
xóm Ché Pén	DC	TT. Pác Miếu	H. Bảo Lâm	22° 48' 36"	105° 28' 20"						F-48-31-B	
núi Đán Chương	SV	TT. Pác Miếu	H. Bảo Lâm	22° 50' 24"	105° 28' 46"						F-48-31-B	
sông Gầm	TV	TT. Pác Miếu	H. Bảo Lâm			22° 50' 49"	105° 29' 25"	22° 46' 14"		105° 26' 49"	F-48-31-B	
xóm khu 1	DC	TT. Pác Miếu	H. Bảo Lâm	22° 49' 10"	105° 29' 45"						F-48-31-B	
xóm khu 2	DC	TT. Pác Miếu	H. Bảo Lâm	22° 50' 00"	105° 29' 29"						F-48-31-B	
xóm khu 3	DC	TT. Pác Miếu	H. Bảo Lâm	22° 50' 09"	105° 29' 39"						F-48-31-B	
xóm khu 4	DC	TT. Pác Miếu	H. Bảo Lâm	22° 50' 24"	105° 29' 29"						F-48-31-B	
xóm Lạng Cá	DC	TT. Pác Miếu	H. Bảo Lâm	22° 47' 37"	105° 27' 22"						F-48-31-B	
xóm Mây Rại	DC	TT. Pác Miếu	H. Bảo Lâm	22° 47' 20"	105° 29' 15"						F-48-31-B	
suối Mẹ Hân	TV	TT. Pác Miếu	H. Bảo Lâm			22° 51' 47"	105° 31' 18"	22° 51' 59"		105° 30' 09"	F-48-32-A	
xóm Nà Bón	DC	TT. Pác Miếu	H. Bảo Lâm	24° 48' 20"	105° 28' 13"						F-48-31-B	
xóm Nà Ca	DC	TT. Pác Miếu	H. Bảo Lâm	22° 52' 31"	105° 31' 54"						F-48-32-A	
suối Nặm Pung	TV	TT. Pác Miếu	H. Bảo Lâm			22° 50' 02"	105° 28' 07"	22° 49' 18"		105° 28' 45"	F-48-31-B	
suối Pác Miếu	TV	TT. Pác Miếu	H. Bảo Lâm			22° 49' 08"	105° 30' 10"	22° 50' 01"		105° 29' 20"	F-48-31-B	
xóm Phiêng Phay	DC	TT. Pác Miếu	H. Bảo Lâm	22° 47' 45"	105° 28' 29"						F-48-31-B	
núi Phiêng Phay	SV	TT. Pác Miếu	H. Bảo Lâm	22° 47' 01"	105° 27' 15"						F-48-31-B	
xóm Ca Đồng	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 01' 00"	105° 30' 38"						F-48-20-C	
xóm Cà Lung	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 01' 23"	105° 32' 02"						F-48-20-C	
xóm Cà Màng	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm									
xóm Cà Pén A	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 00' 01"	105° 32' 18"						F-48-20-C	
xóm Cà Pén B	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 00' 26"	105° 31' 39"						F-48-20-C	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Chẽ Lý A	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 04' 18"	105° 32' 18"							F-48-20-C
xóm Chẽ Lý B	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 03' 34"	105° 32' 30"							F-48-20-C
núi Cốc Càng	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 02' 08"	105° 33' 24"							F-48-20-C
súối Cốc Pàng	TV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm					23° 02' 55"	105° 33' 20"	23° 03' 02"	105° 32' 11"	F-48-20-C
xóm Cốc Phụng	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 02' 21"	105° 31' 59"							F-48-20-C
súối Cốc Phụng	TV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm					23° 02' 14"	105° 30' 55"	23° 03' 21"	105° 30' 24"	F-48-20-C
xóm Dinh Phà	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 04' 52"	105° 31' 26"							F-48-20-C
xóm Đội Lý	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 00' 28"	105° 34' 22"							F-48-20-C
lũng Giã Phình	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 05' 02"	105° 32' 44"							F-48-20-C
núi Há Tư	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 06' 28"	105° 33' 32"							F-48-20-C
xóm Hát Han	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm									
xóm Khuổi Sang	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 02' 09"	105° 31' 00"							F-48-20-C
xóm Khuổi Vác	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 01' 14"	105° 34' 12"							F-48-20-C
dãy núi Long Diên	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 05' 22"	105° 32' 58"							F-48-20-C
xóm Lũng Mẩn	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 05' 45"	105° 32' 14"							F-48-20-C
núi Lũng Mẩn	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 06' 00"	105° 32' 44"							F-48-20-C
Lũng Pịa	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 03' 45"	105° 33' 23"							F-48-20-C
núi Lũng Pịa	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 03' 24"	105° 33' 34"							F-48-20-C
xóm Nà Sa	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 02' 58"	105° 33' 15"							F-48-20-C
xóm Nà Hu	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 03' 15"	105° 31' 14"							F-48-20-C
Nà Sich	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 01' 39"	105° 33' 08"							F-48-20-C
xóm Nà Và	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	22° 59' 40"	105° 32' 44"							F-48-32-A
xóm Ngâm Trái	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 00' 29"	105° 33' 40"							F-48-20-C
núi Ngâm Trái	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	22° 59' 29"	105° 31' 55"							F-48-32-A
súối Ngâm Trái	TV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm					23° 00' 08"	105° 33' 03"	22° 58' 41"	105° 32' 55"	F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Nho Quế	TV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm			23° 06' 44"	105° 31' 47"	23° 00' 36"	105° 29' 08"	F-48-20-C; F-48-19-D
lũng Tru	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 04' 48"	105° 33' 31"					F-48-20-C
suối Vác	TV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm			23° 02' 34"	105° 32' 49"	23° 02' 55"	105° 33' 20"	F-48-20-C
quốc lộ 34	KX	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm			22° 56' 08"	105° 33' 52"	22° 53' 30"	105° 31' 45"	F-48-32-A
xóm Bản Báng	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 54' 44"	105° 30' 56"					F-48-32-A
suối Bản Báng	TV	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm			22° 56' 09"	105° 29' 25"	22° 54' 05"	105° 31' 43"	F-48-32-A
sông Gầm	TV	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm			22° 56' 11"	105° 33' 58"	22° 56' 41"	105° 32' 49"	F-48-32-A
xóm Khuổi Bón	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 57' 33"	105° 33' 31"					F-48-32-A
xóm Khuổi Mần	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 55' 05"	105° 27' 34"					F-48-31-B
suối Khuổi Mần	TV	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm			22° 56' 16"	105° 30' 09"	22° 57' 57"	105° 31' 55"	F-48-32-A
xóm Khuổi Vín	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 59' 08"	105° 30' 07"					F-48-31-B
núi Mu Lây	SV	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 57' 06"	105° 30' 33"					F-48-32-A
xóm Nà Kháng	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 56' 05"	105° 32' 18"					F-48-32-A
xóm Nà Mạt	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 57' 34"	105° 32' 43"					F-48-32-A
xóm Nà Mầu	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 56' 54"	105° 28' 47"					F-48-31-B
xóm Nà Mỹ	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 57' 42"	105° 26' 52"					F-48-31-B
sông Nà Ngần	TV	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm			22° 57' 12"	105° 27' 14"	22° 58' 29"	105° 29' 45"	F-48-31-B
xóm Nà Pồng	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 56' 20"	105° 32' 46"					F-48-32-A
xóm Nà Tổng	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 58' 49"	105° 28' 28"					F-48-31-B
sông Nho Quế	TV	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm			22° 56' 42"	105° 32' 49"	23° 00' 36"	105° 29' 08"	F-48-19-D+32-A
Pác Kín	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 55' 26"	105° 31' 53"					F-48-32-A
xóm Pác Pét	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 56' 13"	105° 29' 44"					F-48-31-B
xóm Pác Pha	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 54' 28"	10° 53' 29"					F-48-32-A
xóm Pác Rà	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 58' 34"	105° 29' 59"					F-48-31-B
xóm Pác Ruộc	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 57' 20"	105° 29' 28"					F-48-31-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Phiêng Đăm	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 57' 26"	105° 28' 50"							F-48-31-B
xóm Phiêng Lũng	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 57' 05"	105° 28' 55"							F-48-31-B
xóm Phiêng Pền	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 59' 50"	105° 27' 29"							F-48-31-B
núi Phiêng Tăng	SV	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	23° 00' 30"	105° 27' 39"							F-48-19-D
xóm Tống Ác	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 58' 27"	105° 30' 58"							F-48-32-A
xóm Bản Mỏ	DC	xã Móng Ân	H. Bảo Lâm	22° 48' 07"	105° 30' 18"							F-48-32-A
xóm Đon Sài	DC	xã Móng Ân	H. Bảo Lâm									
xóm Khau Lạ A	DC	xã Móng Ân	H. Bảo Lâm									
xóm Khau Lạ B	DC	xã Móng Ân	H. Bảo Lâm									
xóm Khau Lệnh	DC	xã Móng Ân	H. Bảo Lâm									
xóm Khau Pò (Khau Pò)	DC	xã Móng Ân	H. Bảo Lâm									
xóm Khau Trù	DC	xã Móng Ân	H. Bảo Lâm	22° 49' 41"	105° 31' 56"							F-48-32-A
xóm Lũng Páo (Lũng Páo)	DC	xã Móng Ân	H. Bảo Lâm									
xóm Lũng Vài	DC	xã Móng Ân	H. Bảo Lâm	22° 49' 32"	105° 30' 58"							F-48-32-A
xóm Nà Bon	DC	xã Móng Ân	H. Bảo Lâm									
xóm Nà Làng	DC	xã Móng Ân	H. Bảo Lâm	22° 47' 27"	105° 32' 25"							F-48-32-A
xóm Nà Mầu (Nà Mầu)	DC	xã Móng Ân	H. Bảo Lâm	22° 50' 06"	105° 32' 19"							F-48-32-A
xóm Nà Pét	DC	xã Móng Ân	H. Bảo Lâm									
xóm Nà Pông	DC	xã Móng Ân	H. Bảo Lâm	22° 46' 45"	105° 32' 21"							F-48-32-A
xóm Nậm Ngoại	DC	xã Móng Ân	H. Bảo Lâm	22° 49' 32"	105° 31' 28"							F-48-32-A
suối Nậm Ngoại	TV	xã Móng Ân	H. Bảo Lâm					22° 51' 06"	105° 31' 56"	22° 49' 37"	105° 31' 33"	F-48-32-A
suối Pác Mầu	TV	xã Móng Ân	H. Bảo Lâm					22° 47' 40"	105° 32' 08"	22° 49' 08"	105° 30' 10"	F-48-32-A
xóm Phía Mẩn	DC	xã Móng Ân	H. Bảo Lâm	22° 47' 22"	105° 29' 58"							F-48-31-B
xóm Phía Phi	DC	xã Móng Ân	H. Bảo Lâm	22° 46' 50"	105° 31' 03"							F-48-32-A
xóm Phiêng Mệng	DC	xã Móng Ân	H. Bảo Lâm	22° 46' 34"	105° 33' 31"							F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Bần Bung	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 54' 29"	105° 23' 34"						F-48-31-B	
xóm Bần Cao	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 56' 50"	105° 23' 39"						F-48-31-B	
núi Cốc Páp	SV	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 53' 36"	105° 24' 34"						F-48-31-B	
suối Cốc Páp	TV	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm			22° 57' 19"	105° 23' 46"	22° 58' 52"	105° 25' 24"		F-48-31-B	
xóm Khuổi Cắm	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 55' 36"	105° 26' 31"						F-48-31-B	
xóm Khuổi Pát (Khuổi Piat)	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 58' 54"	105° 25' 16"						F-48-31-B	
xóm Nà Mon	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 57' 35"	105° 22' 47"						F-48-31-B	
xóm Nà Nhuộm	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 57' 44"	105° 21' 39"						F-48-31-B	
Nà Rò	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 57' 48"	105° 23' 32"						F-48-31-B	
Nà Sầu	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 59' 51"	105° 25' 50"						F-48-31-B	
suối Nậm Đang	TV	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm			22° 57' 15"	105° 25' 28"	22° 58' 52"	105° 25' 24"		F-48-31-B	
xóm Nậm Đang	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 57' 30"	105° 25' 35"						F-48-31-B	
xóm Pác Kén	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 57' 37"	105° 24' 33"						F-48-31-B	
xóm Phía Cò	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 57' 20"	105° 21' 56"						F-48-31-B	
núi Phía Cò	SV	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 56' 01"	105° 22' 42"						F-48-31-B	
xóm Phía Cọ	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 56' 10"	105° 24' 32"						F-48-31-B	
xóm Phía Liềng	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 54' 40"	105° 24' 44"						F-48-31-B	
Phiêng Hang	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 59' 09"	105° 23' 10"						F-48-31-B	
Tần Linh	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 58' 14"	105° 22' 17"						F-48-31-B	
xóm Đon Sài	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 53' 47"	105° 25' 49"						F-48-31-B	
sông Gám	TV	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm			22° 53' 32"	105° 31' 43"	22° 50' 49"	105° 29' 25"		F-48-31-B	
xóm Nà Dịm	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 53' 34"	105° 25' 27"						F-48-31-B	
xóm Nà Hếng	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 33"	105° 30' 52"						F-48-32-A	
xóm Nà Rinh	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 51' 51"	105° 27' 31"						F-48-31-B	
xóm Nà Viềng	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 51' 07"	105° 28' 13"						F-48-31-B	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
suối Nam Quang	TV	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm			22° 53' 16"	105° 28' 53"	22° 51' 34"	105° 29' 17"	F-48-31-B		
mỏ vàng Nam Quang	KX	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm							F-48-31-B		
núi Nặm Rờm	SV	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 10"	105° 28' 10"					F-48-31-B		
xóm Nặm Rờm	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm									
xóm Pác Rờm	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 51' 43"	105° 29' 23"					F-48-31-B		
xóm Phiêng Phăng	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 28"	105° 27' 14"					F-48-31-B		
xóm Thẩm Siem	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 55' 23"	105° 25' 41"					F-48-31-B		
xóm Tổng Phườn	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 53' 03"	105° 26' 39"					F-48-31-B		
xóm Bản Nà	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 48' 07"	105° 26' 19"					F-48-31-B		
xóm Cốc Lùng	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 51' 27"	105° 20' 47"					F-48-31-B		
suối Cốc Pục	TV	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm			22° 50' 02"	105° 28' 07"	22° 49' 18"	105° 28' 45"	F-48-31-B		
sông Gâm	TV	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm			22° 46' 10"	105° 26' 42"	22° 49' 18"	105° 28' 45"	F-48-31-B		
núi Mã Lùng	SV	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 51' 30"	105° 17' 12"					F-48-31-B		
xóm Nà Đon	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 48' 26"	105° 27' 50"					F-48-31-B		
xóm Nà Kiểng	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 49' 57"	105° 23' 34"					F-48-31-B		
xóm Nà Luông	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 46' 43"	105° 26' 01"					F-48-31-B		
xóm Nặm Mòng	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 49' 07"	105° 28' 06"					F-48-31-B		
xóm Phiêng Mường	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 47' 16"	105° 27' 13"					F-48-31-B		
xóm Phiêng Phát	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 50' 36"	105° 21' 43"					F-48-31-B		
xóm Tổng Chảo	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 49' 18"	105° 23' 06"					F-48-31-B		
suối Tổng Ngưỡng	TV	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm			22° 50' 42"	105° 21' 22"	22° 48' 37"	105° 25' 52"	F-48-31-B		
xóm Tổng Ngưỡng	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 48' 17"	105° 24' 58"					F-48-31-B		
dãy núi Đan Linh	SV	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 51' 05"	105° 26' 03"					F-48-31-B		
xóm Khùng Khoảng	DC	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 54' 18"	105° 27' 34"					F-48-31-B		
núi Khùng Khoảng	SV	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 54' 37"	105° 27' 36"					F-48-31-B		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Khuổi Hấu	DC	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 50' 45"	105° 26' 02"							F-48-31-B
xóm Khuổi Qua	DC	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 50' 21"	105° 27' 08"							F-48-31-B
suối Khuổi Qua	TV	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm					22° 50' 54"	105° 26' 21"	22° 51' 08"	105° 28' 08"	F-48-31-B
xóm Lũng Chang	DC	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 53' 39"	105° 29' 25"							F-48-31-B
xóm Nà Đẳng	DC	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 50' 59"	105° 28' 04"							F-48-31-B
xóm Nà Pù	DC	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 52' 24"	105° 27' 02"							F-48-31-B
suối Nặm Quang	TV	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm					22° 51' 08"	105° 28' 08"	22° 50' 50"	105° 29' 24"	F-48-31-B
xóm Bản Luầy	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 51' 11"	105° 23' 52"							F-48-31-B
xóm Cốc Páp	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 53' 04"	105° 23' 47"							F-48-31-B
xóm Khau Ca	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 50' 25"	105° 25' 22"							F-48-31-B
xóm Khau Noong	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 54' 17"	105° 18' 25"							F-48-31-B
xóm Khau Ràng	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 51' 59"	105° 25' 15"							F-48-31-B
xóm Lũng Rĩa	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 52' 20"	105° 21' 06"							F-48-31-B
xóm Nà Hòm	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 52' 20"	105° 22' 27"							F-48-31-B
xóm Nà Ó	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 49' 53"	105° 25' 56"							F-48-31-B
xóm Nà Thần	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 49' 25"	105° 25' 20"							F-48-31-B
xóm Nặm Pục	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 55' 11"	105° 19' 50"							F-48-31-B
xóm Nặm Tàu	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 53' 53"	105° 20' 17"							F-48-31-B
xóm Phiêng Rổng	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 52' 00"	105° 24' 10"							F-48-31-B
xóm Sác Ngà	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 53' 28"	105° 20' 55"							F-48-31-B
suối Thạch Lâm	TV	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm									F-48-31-B
xóm Thăm Nu	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 55' 54"	105° 20' 56"							F-48-31-B
xóm Tổng Dùn	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 51' 40"	105° 23' 10"							F-48-31-B
xóm Bản Bó	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 44' 40"	105° 30' 03"							F-48-32-C
suối Bản Bó	TV	xã Thái Học	H. Bảo Lâm					22° 43' 57"	105° 30' 34"	22° 44' 39"	105° 30' 05"	F-48-32-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Bần Ràn	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 44' 57"	105° 30' 04"						F-48-32-C	
xóm Cốc Cạch	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 45' 26"	105° 28' 14"						F-48-31-B	
núi Cốc Cạch	SV	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 46' 26"	105° 31' 56"						F-48-32-A	
xóm Cốc Vện	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm									
xóm Khau Lít	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 46' 02"	105° 30' 21"						F-48-32-A	
xóm Khau Ninh	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 46' 36"	105° 29' 32"						F-48-31-B	
xóm Khuổi Ngầu	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm									
xóm Khuổi Ngọa	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 44' 04"	105° 31' 41"						F-48-32-C	
suối Khuổi Ngọa	TV	xã Thái Học	H. Bảo Lâm			22° 43' 55"	105° 31' 22"	22° 44' 45"	105° 32' 20"		F-48-32-C	
xóm Nà Cút	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 45' 41"	105° 32' 19"						F-48-32-A	
xóm Nà Piây	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 45' 18"	105° 31' 48"						F-48-32-A	
xóm Nà Sài	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 45' 26"	105° 31' 18"						F-48-32-A	
suối Pác Nhung	TV	xã Thái Học	H. Bảo Lâm			22° 45' 23"	105° 31' 48"	22° 44' 53"	105° 30' 00"		F-48-32-C	
núi Phia Hiêng	SV	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 43' 50"	105° 30' 23"							
xóm Sam Quanh	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm								F-48-31-B	
xóm Vang Vạt	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 46' 01"	105° 27' 24"						F-48-32-A	
xóm Bần Là	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 45' 29"	105° 35' 58"						F-48-32-A	
xóm Bần Lín	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 45' 48"	105° 37' 26"						F-48-32-A	
xóm Khau Dề	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 45' 41"	105° 35' 13"						F-48-32-C	
xóm Khuổi Dừa	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 44' 39"	105° 34' 34"						F-48-32-C	
xóm Khuổi Đuốc	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm									
suối Lũng Chang	TV	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm			22° 43' 07"	105° 32' 16"	22° 43' 29"	105° 32' 48"		F-48-32-C	
xóm Lũng Trang	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 43' 36"	105° 34' 26"						F-48-32-C	
xóm Lũng Vải	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 43' 13"	105° 33' 00"						F-48-32-C	
xóm Nà Bó	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 43' 44"	105° 32' 17"						F-48-32-C	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Phiêng Vai	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 46' 35"	105° 35' 03"						F-48-32-A	
xóm Thóm Sọc	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 52' 49"	105° 33' 25"						F-48-32-A	
quốc lộ 34	KX	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm			22° 56' 11"	105° 35' 03"	22° 56' 08"	105° 33' 52"		F-48-32-A	
xóm Ấc É	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 55' 23"	105° 33' 26"						F-48-32-A	
xóm Bản Cài	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 54' 35"	105° 34' 49"						F-48-32-A	
xóm Bản Miếu	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 27"	105° 35' 49"						F-48-32-A	
sỏi Cai Kìm	TV	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm			22° 50' 56"	105° 36' 01"	22° 54' 36"	105° 34' 46"		F-48-32-A	
xóm Cốc Tém	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm								F-48-32-A	
xóm Đồng Kện	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 53' 52"	105° 36' 17"						F-48-32-A	
xóm Khau Cườm	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 53' 33"	105° 34' 23"						F-48-32-A	
xóm Khau Sáng	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm								F-48-32-A	
núi Khuổi Âu	SV	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 27"	105° 37' 37"						F-48-32-A	
xóm Khuổi Nảy	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 54' 44"	105° 35' 59"						F-48-32-A	
xóm Khuổi Rò	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 54' 35"	105° 35' 22"						F-48-32-A	
xóm Nà Hiên	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 12"	105° 37' 27"						F-48-32-A	
xóm Nà Lầu	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 54' 07"	105° 37' 16"						F-48-32-A	
xóm Nà Luông	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 55' 02"	105° 33' 52"						F-48-32-A	
xóm Nà Ngà	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 54' 03"	105° 35' 25"						F-48-32-A	
xóm Nà Phiáo	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 54"	105° 34' 53"						F-48-32-A	
xóm Nà Piao	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 28"	105° 36' 15"						F-48-32-A	
xóm Nà Tốm	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 55' 34"	105° 34' 26"						F-48-32-A	
xóm Nặm Lạn	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 53' 03"	105° 36' 51"						F-48-32-A	
xóm Nặm Uôm	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm								F-48-32-A	
xóm Pắc Đoa	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 55' 06"	105° 34' 37"						F-48-32-A	
núi Phạc Tà	SV	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 53' 46"	105° 34' 52"						F-48-32-A	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Khuổi Sáp	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 39' 59"	105° 30' 18"						F-48-32-C	
Khuổi Tản	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 39' 20"	105° 31' 37"						F-48-32-C	
xóm Lũng Cuối	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 41' 14"	105° 30' 07"						F-48-32-C	
xóm Lũng Liềm	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 41' 33"	105° 33' 16"						F-48-32-C	
Nà Kẹm	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 40' 47"	105° 30' 20"						F-48-32-C	
xóm Nà Kéo	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 43' 18"	105° 28' 41"						F-48-31-D	
núi Nà Liu	SV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 44' 10"	105° 28' 42"						F-48-31-D	
sườn Nà Lũng	TV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm			22° 41' 22"	105° 32' 25"	22° 40' 51"	105° 31' 25"		F-48-32-C	
xóm Nà Sải	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 40' 26"	105° 31' 47"						F-48-32-C	
sườn Nà Sải	TV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm			22° 40' 20"	105° 31' 39"	22° 40' 42"	105° 30' 48"		F-48-32-C	
xóm Nà Vải	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 43' 18"	105° 29' 32"						F-48-31-D	
sườn Ngảm Vây	TV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm			22° 42' 13"	105° 32' 41"	22° 42' 40"	105° 33' 10"		F-48-32-C	
sườn Póm Kiều	TV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm			22° 41' 01"	105° 32' 14"	22° 40' 51"	105° 31' 25"		F-48-32-C	
núi Sam Vẽ	SV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 40' 57"	105° 34' 36"						F-48-32-C	
đường tỉnh 207	KX	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang			22° 41' 22"	106° 39' 01"	22° 41' 44"	106° 40' 56"		F-48-34-C+D	
đường tỉnh 214	KX	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang								F-48-34-C+D	
xóm Bó Rạc	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang									
bệnh viện Đa khoa	KX	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang								F-48-34-C+D	
xóm Đông Mu	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang									
xóm Đồng Đeng	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 20"	106° 40' 00"						F-48-34-C+D	
xóm Đồng Hoan	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 12"	106° 40' 02"						F-48-34-C+D	
xóm Đồng Hủ	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 40' 53"	106° 39' 53"						F-48-34-C+D	
phố Hạ Lang	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang									
xóm Huyền Du	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 35"	106° 40' 35"						F-48-34-C+D	
xóm Kéo Sy	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 39"	106° 40' 33"						F-48-34-C+D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Đón	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 40' 22"	106° 40' 14"					F-48-34-C+D
núi Lũng Duốc	SV	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 42' 39"	106° 39' 32"					F-48-34-C+D
xóm Nà Ên	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 37"	106° 40' 14"					F-48-34-C+D
xóm Ngườm Khang	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 01"	106° 40' 00"					F-48-34-C+D
xóm Sộc Quân	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 53"	106° 39' 52"					F-48-34-C+D
chùa Sùng Phúc	KX	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 53"	106° 40' 22"					F-48-34-C+D
đường tỉnh 207	KX	xã An Lạc	H. Hạ Lang			22° 41' 59"	106° 34' 03"	22° 41' 22"	106° 39' 01"	F-48-34-(C+D)
sông Bắc Yòng	TV	xã An Lạc	H. Hạ Lang			22° 43' 05"	106° 33' 59"	22° 42' 36"	106° 34' 39"	F-48-34-C+D
xóm Bản Chao	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 43' 13"	106° 36' 09"					F-48-34-C+D
xóm Bản Răng	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 11"	106° 38' 00"					F-48-34-C+D
xóm Cam Mạ Đeng	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 12"	106° 36' 18"					F-48-34-C+D
đèo Keng Ka	SV	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 41' 28"	106° 38' 32"					F-48-34-(C+D)
Khau Ngoang	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 41' 33"	106° 35' 20"					F-48-34-C+D
xóm Khuổi Linh	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang							
xóm Khuổi Mịt Ngoang	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 41' 57"	106° 35' 25"					F-48-34-C+D
Khuổi Rù	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 41' 06"	106° 35' 03"					F-48-34-C+D
núi Lũng Đẳng	SV	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 43' 24"	106° 34' 48"					F-48-34-C+D
Lũng Hoàng Thái	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 37"	106° 37' 24"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Quang	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang							
núi Lũng Vải	SV	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 53"	106° 38' 21"					F-48-34-C+D
Lũng Xúm	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 40"	106° 33' 38"					F-48-34-C+D
núi Nà Ba	SV	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 48"	106° 33' 37"					F-48-34-C+D
xóm Nà Ray	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 22"	106° 34' 06"					F-48-34-C+D
xóm Nura Xe	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 06"	106° 38' 12"					F-48-34-C+D
Pác Khuổi	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 43' 01"	106° 34' 40"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
Phía Đeng	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 43' 01"	106° 36' 24"						F-48-34-C+D	
Phiêng Khẩn	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 40' 46"	106° 35' 43"						F-48-34-C+D	
Phò Mạ	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 41"	106° 35' 52"						F-48-34-C+D	
núi Phò Nà	SV	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 40' 46"	106° 35' 19"						F-48-34-C+D	
xóm Sộc Áng	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 41' 36"	106° 36' 40"						F-48-34-C+D	
xóm Sộc Phưởng - Lũng Sươn	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 40' 57"	106° 39' 09"						F-48-34-C+D	
xóm Tha Hoài Mười	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 11"	106° 37' 02"						F-48-34-C+D	
Tu Thín	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 41' 29"	106° 37' 14"						F-48-34-C+D	
núi Xa Xe	SV	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 41' 32"	106° 34' 20"						F-48-34-C+D	
núi An Mạ	SV	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 36' 35"	106° 36' 43"						F-48-34-C+D	
xóm Bản Khúa	DC	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 36' 26"	106° 37' 59"						F-48-34-C+D	
xóm Bản Luồng	DC	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 37' 13"	106° 37' 45"						F-48-34-C+D	
xóm Bản Nha	DC	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 37' 44"	106° 37' 01"						F-48-34-C+D	
xóm Bản Nhòn	DC	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 38' 34"	106° 35' 57"						F-48-34-C+D	
xóm Bản Nura	DC	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 38' 17"	106° 35' 59"						F-48-34-C+D	
xóm Bản Rạc	DC	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 37' 24"	106° 35' 52"						F-48-34-C+D	
xóm Bản Thun - Pác Khện	DC	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 35' 52"	106° 38' 10"			22° 34' 43"	106° 39' 42"	22° 36' 10"	106° 38' 04"	F-48-34-C+D
suối Keng Thun	TV	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang									F-48-34-C+D
núi Lũng Khinh	SV	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 36' 37"	106° 37' 25"							F-48-34-C+D
xóm Nà Thung	DC	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 36' 30"	106° 36' 18"							F-48-34-C+D
núi Pác Luồng	SV	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 36' 50"	106° 37' 54"							F-48-34-C+D
núi Phía Phẳng	SV	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 38' 10"	106° 37' 46"							F-48-34-C+D
núi Phía Phòn	SV	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 38' 30"	106° 35' 05"							F-48-34-C+D
núi Pò Phía Chân	SV	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 36' 48"	106° 37' 07"							F-48-34-C+D
núi Pò Phía Pằng	SV	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 35' 57"	106° 37' 57"							F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Pô Phia Rao	SV	xã Có Ngán	H. Hạ Lang	22° 37' 08"	106° 37' 10"					F-48-34-C+D
núi Pô Tron Giáo	SV	xã Có Ngán	H. Hạ Lang	22° 37' 19"	106° 38' 13"					F-48-34-C+D
đường tỉnh 207	KX	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang			22° 45' 30"	106° 42' 28"	22° 46' 35"	106° 44' 47"	F-48-34-A
xóm Bản Lện	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 46' 10"	106° 42' 34"					F-48-34-A
xóm Bản Lung	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 46' 11"	106° 43' 10"					F-48-34-A
xóm Bản Mião	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang							
xóm Bản Nha	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 47' 11"	106° 42' 53"					F-48-34-A
xóm Bản Sáng	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang							
xóm Bản Thuộc	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 46' 46"	106° 44' 25"					F-48-34-A
núi Bô Phie	SV	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 47' 18"	106° 44' 11"					F-48-34-A
bản Búa	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 26"	106° 45' 29"					F-48-34-B
xóm Củng Mán	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 08"	106° 45' 45"					F-48-34-B
núi En Nura	SV	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 16"	106° 44' 32"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Nặm	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 32"	106° 44' 59"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Phục	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 00"	106° 44' 53"					F-48-34-A
núi Pải Lầu	SV	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 27"	106° 43' 48"					F-48-34-A
núi Phia Chao	SV	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 19"	106° 44' 42"					F-48-34-A
núi Phia Deng	SV	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 46' 22"	106° 43' 53"					F-48-34-A
núi Thầu Nura	SV	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 09"	106° 45' 28"					F-48-34-B
đường tỉnh 207	KX	xã Đức Quang	H. Hạ Lang			22° 42' 56"	106° 64' 18"	22° 43' 48"	106° 40' 15"	F-48-34-C+D
xóm Bản Hèo	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 44' 31"	106° 38' 07"					F-48-34-C+D
xóm Bản Nhắng	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 45' 42"	106° 39' 07"					F-48-34-A
xóm Bản Sùng	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 44' 25"	106° 40' 14"					F-48-34-C+D
xóm Coóng Hoài	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 43' 22"	106° 39' 31"					F-48-34-C+D
xóm Mẩn Phia	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 44' 23"	106° 38' 52"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Nà Dăn	SV	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 43' 36"	106° 38' 58"							F-48-34-C+D
xóm Nà Hát	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 46' 25"	106° 39' 10"							F-48-34-A
xóm Nà Nặm	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang									
xóm Nà Pác	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 45' 38"	106° 37' 45"							F-48-34-A
suối Nà Pác	TV	xã Đức Quang	H. Hạ Lang			22° 46' 46"	106° 38' 40"	22° 45' 27"	106° 39' 13"			F-48-34-A
xóm Nà Pài	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 46' 04"	106° 36' 59"							F-48-34-A
Nà Theng	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 45' 12"	106° 37' 30"							F-48-34-A
Phiêng Phia	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 44' 37"	106° 39' 22"							F-48-34-C+D
xóm Pò Mu	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 44' 54"	106° 38' 14"							F-48-34-C+D
xóm Pò Sao	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 44' 55"	106° 37' 54"							F-48-34-C+D
núi Sam Kha	SV	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 46' 15"	106° 38' 16"							F-48-34-A
xóm Bản Tao	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 10"	106° 36' 25"							F-48-34-C+D
xóm Cốc Chia	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 21"	106° 37' 10"							F-48-34-C+D
xóm Đông Phén	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 20"	106° 35' 55"							F-48-34-C+D
xóm Gia Lương	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 19"	106° 35' 35"							F-48-34-C+D
núi Khau Xa	SV	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 17"	106° 35' 16"							F-48-34-A
Khuổi Ai	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 31"	106° 35' 36"							F-48-34-A
Khuổi Âu	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 07"	106° 36' 48"							F-48-34-A
Lũng Chi	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 43' 36"	106° 37' 19"							F-48-34-C+D
núi Lũng Giồng	SV	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 43' 27"	106° 37' 31"							F-48-34-C+D
Lũng Mò	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 43' 49"	106° 34' 15"							F-48-34-C+D
xóm Lũng Tung	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 43' 43"	106° 35' 32"							F-48-34-C+D
Luộc Vai	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 37"	106° 34' 26"							F-48-34-C+D
Nậm Kít	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 45"	106° 35' 01"							F-48-34-C+D
Nậm Thầu	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 43"	106° 37' 15"							F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Phò Rụng	SV	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 47"	106° 36' 37"							F-48-34-C+D
xóm Phong Ái	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 32"	106° 36' 52"							F-48-34-C+D
xóm Thịnh Âu	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang									F-48-34-C+D
xóm Thông Mỏ	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang									F-48-34-C+D
Thong Nhàn	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 43' 13"	106° 33' 57"							F-48-34-C+D
đường tỉnh 206	KX	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang			22° 47' 08"	106° 46' 21"	22° 47' 31"	106° 46' 04"			F-48-34-B
đường tỉnh 207	KX	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang			22° 46' 35"	106° 44' 47"	22° 49' 03"	106° 48' 14"			F-48-34-A;34-B
núi Ba Đường	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 47' 36"	106° 47' 02"							F-48-34-B
suối Bản Bang	TV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang			22° 46' 25"	106° 45' 06"	22° 46' 48"	106° 45' 28"			F-48-34-B
xóm Bản Khoảng	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 47' 15"	106° 48' 11"							F-48-34-B
xóm Bản Sao	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 47' 28"	106° 47' 15"							F-48-34-B
xóm Bàng Ca	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 47' 09"	106° 46' 24"							F-48-34-B
xóm Bang Dưới	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 21"	106° 45' 10"							F-48-34-B
xóm Bang Trên	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 28"	106° 45' 33"							F-48-34-B
Đông Ké	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 56"	106° 48' 27"							F-48-34-B
núi Khau Dẩn	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 48' 02"	106° 48' 14"							F-48-34-B
xóm Khỉ Cháo	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 48' 08"	106° 49' 15"							F-48-34-B
núi Khỉ Cháo	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 47' 40"	106° 49' 23"							F-48-34-B
xóm Khưa Khoang	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 26"	106° 46' 36"							F-48-34-B
hồ Khưa Khoang	TV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 52"	106° 46' 44"							F-48-34-B
xóm Lũng Pấu	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 48' 33"	106° 49' 15"							F-48-34-B
xóm Lũng Phío	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 45' 42"	106° 45' 54"							F-48-34-B
xóm Lũng Thoang Ké	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 31"	106° 47' 58"							F-48-34-B
xóm Lý Vạn	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 48' 59"	106° 49' 07"							F-48-34-B
núi Mù Mùn	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 48' 31"	106° 48' 40"							F-48-34-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Nậm Thấu	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 45' 20"	106° 46' 31"							F-48-34-B
xóm Nậm Tộc	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 48' 30"	106° 47' 57"							F-48-34-B
núi Ngườm Rằm	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 52"	106° 45' 58"							F-48-34-B
núi Phia Nhàn	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 48' 18"	106° 47' 36"							F-48-34-B
núi Rạm Kha	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 47' 46"	106° 47' 33"							F-48-34-B
núi Thành Ngườm	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 43"	106° 45' 12"							F-48-34-B
núi Tu Giáo	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 12"	106° 46' 51"							F-48-34-B
đường tỉnh 206	KX	xã Minh Long	H. Hạ Lang					22° 47' 31"	106° 46' 04"	22° 51' 01"	106° 43' 47"	F-48-34-A, 34-B
đập Ái Cảnh	TV	xã Minh Long	H. Hạ Lang					22° 48' 59"	106° 47' 22"	22° 51' 02"	106° 43' 49"	F-48-34-B
núi Ba Xe	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 47' 27"	106° 45' 50"							F-48-34-B
xóm Bản Khuyết	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang									F-48-34-A
xóm Bản Suối	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 48' 22"	106° 43' 05"							F-48-34-A
xóm Bản Thang	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 50' 23"	106° 44' 21"							F-48-34-A
suối Bản Thang	TV	xã Minh Long	H. Hạ Lang					22° 50' 02"	106° 44' 31"	22° 50' 23"	106° 44' 29"	F-48-34-A
núi Bó Nưa	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 50' 31"	106° 43' 45"							F-48-34-A
xóm Đa Dưới	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 48' 52"	106° 46' 22"							F-48-34-B
xóm Đa Trên	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 48' 29"	106° 45' 49"							F-48-34-B
núi Đon Đa	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 48' 26"	106° 47' 17"							F-48-34-B
núi Đông Đin	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 48' 27"	106° 42' 24"							F-48-34-A
núi Lung Nặm	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 46' 55"	106° 45' 27"							F-48-34-B
xóm Luộc Khénh	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 49' 58"	106° 43' 59"							F-48-34-A
suối Luộc Khénh	TV	xã Minh Long	H. Hạ Lang					22° 49' 56"	106° 44' 00"	22° 50' 02"	106° 44' 31"	F-48-34-A
xóm Luộc Khiếu	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 48' 04"	106° 44' 47"							F-48-34-A
suối Luộc Khiếu	TV	xã Minh Long	H. Hạ Lang					22° 48' 30"	106° 43' 15"	22° 48' 02"	106° 45' 21"	F-48-34-A
núi Nà Ma	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 49' 25"	106° 45' 34"							F-48-34-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Lũng Khốp	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 42' 45"	106° 44' 35"							F-48-34-C+D
xóm Lũng Lạc	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 40' 43"	106° 44' 57"							F-48-34-C+D
núi Lũng Phặc	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 43' 28"	106° 44' 53"							F-48-34-C+D
xóm Lũng Phầy	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 42' 57"	106° 43' 03"							F-48-34-C+D
núi Lũng Rót	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 13"	106° 44' 18"							F-48-34-C+D
núi Lũng Rỳ	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 43' 12"	106° 44' 39"							F-48-34-C+D
núi Lũng Trù Khả	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 43' 18"	106° 43' 22"							F-48-34-C+D
núi Lũng Tung Tiều	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 47"	106° 43' 34"							F-48-34-C+D
xóm Luông Dưới	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang									F-48-34-C+D
xóm Luông Trên	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang									F-48-34-C+D
xóm Nặm Tát	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 39"	106° 42' 56"							F-48-34-C+D
xóm Sa Lẻ	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 40' 30"	106° 43' 15"							F-48-34-C+D
núi Sa Lũng Riềm	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 08"	106° 42' 35"							F-48-34-C+D
núi Sa Lũng Thành	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 43' 35"	106° 45' 59"							F-48-34-C+D
núi Sa Phai Riều	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 38"	106° 44' 17"							F-48-34-C+D
núi Thang Mộng	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 43' 54"	106° 45' 11"							F-48-34-C+D
Thánh Khau	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 20"	106° 45' 13"							F-48-34-C+D
đường tỉnh 214	KX	xã Thái Đức	H. Hạ Lang			22° 38' 13"	106° 42' 15"	22° 37' 05"	106° 42' 00"			F-48-34-C+D
xóm Cỏ Coong	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang									
xóm Bản Đầu	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang									F-48-34-C+D
xóm Bản Lạn	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 34"	106° 39' 50"							F-48-34-C+D
suối Bản Lạn	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang			22° 37' 27"	106° 39' 52"	22° 37' 27"	106° 41' 09"			F-48-34-C+D
núi Bó Chao	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 43"	106° 42' 21"							F-48-34-C+D
xóm Cốc Khọt	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang									F-48-34-C+D
xóm Kênh Nghiêu	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 26"	106° 41' 49"							F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lũng Các	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 39"	106° 43' 13"					F-48-34-C+D
núi Lũng Eng	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 04"	106° 43' 14"					F-48-34-C+D
núi Mác Phệt	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 20"	106° 43' 01"					F-48-34-C+D
xóm Nà Hoạch	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Nà Lung	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
núi Ngườm Rằm	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 52"	106° 40' 40"					F-48-34-C+D
núi Pa Lũng Tổ	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 38' 10"	10° 64' 35"					F-48-34-C+D
núi Pa Pò Nóc	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 12"	106° 42' 25"					F-48-34-C+D
xóm Pác Khao	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Pác Lung	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
núi Pò Lung Tái	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 51"	106° 41' 44"					F-48-34-C+D
đường tỉnh 207	KX	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang			22° 43' 48"	106° 40' 15"	22° 45' 30"	106° 42' 28"	F-48-34-C+D
xóm Bản Báng	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 44' 58"	106° 40' 57"					F-48-34-C+D
xóm Bản Doa	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 44' 11"	106° 41' 33"					F-48-34-C+D
xóm Bản Kha	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 46' 30"	106° 40' 39"					F-48-34-A
xóm Bản Phạn	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 44' 13"	106° 42' 58"					F-48-34-C+D
xóm Cát Hào	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 43' 53"	106° 40' 33"					F-48-34-C+D
núi Chông Mạ	SV	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 45' 08"	106° 42' 32"					F-48-34-A
xóm Co Lý	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 46' 21"	106° 41' 28"					F-48-34-A
xóm Co Ngịu	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 45' 32"	106° 40' 54"					F-48-34-A
Co Siêu	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 45' 42"	106° 40' 38"					F-48-34-A
Két	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 44' 02"	106° 40' 51"					F-48-34-C+D
Kon	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 46' 52"	106° 41' 33"					F-48-34-A
Lũng Phúc	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 43' 27"	106° 40' 51"					F-48-34-C+D
Lược Thờm	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 46' 05"	106° 40' 34"					F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Ngưỡng Tà	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 37"	106° 43' 01"					F-48-34-C+D
bản nhay	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang							
núi Phía Khinh	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 38"	106° 39' 33"					F-48-34-C+D
núi Phía Mẩn	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 22"	106° 41' 44"					F-48-34-C+D
núi Phía Mão	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 46"	106° 39' 48"					F-48-34-C+D
núi Phía Móc	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 30"	106° 40' 34"					F-48-34-C+D
núi Phía Riều	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 13"	106° 43' 01"					F-48-34-C+D
núi Phía Súng	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 51"	106° 40' 00"					F-48-34-C+D
xóm Pò Mẩn	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 00"	106° 43' 17"					F-48-34-C+D
núi Pò Ngần	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 22"	106° 39' 12"					F-48-34-C+D
suối Tà Cáp	TV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang			22° 35' 03"	106° 41' 42"	22° 34' 47"	106° 41' 13"	F-48-34-C+D
xóm Tầu Đồng	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 37"	106° 42' 08"					F-48-34-C+D
xóm Thóm Cương	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 14"	106° 40' 56"					F-48-34-C+D
núi Thông Dáng	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 34' 55"	106° 40' 08"					F-48-34-C+D
xóm Tổng Nưa	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 31"	106° 42' 34"					F-48-34-C+D
đường tỉnh 214	KX	xã Việt Chu	H. Hạ Lang			22° 41' 25"	106° 40' 59"	22° 38' 13"	106° 42' 41"	F-48-34-C+D
xóm Bản Các	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 38' 50"	106° 42' 43"					F-48-34-C+D
xóm Bản Khau	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 39' 04"	106° 42' 20"					F-48-34-C+D
xóm Bản Khoang	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 39' 18"	106° 43' 13"					F-48-34-C+D
xóm Bản Ngay	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 40' 33"	106° 41' 26"					F-48-34-C+D
suối Cò Ma	TV	xã Việt Chu	H. Hạ Lang			22° 38' 45"	106° 41' 39"	22° 38' 19"	106° 41' 03"	F-48-34-C+D
suối Lành	TV	xã Việt Chu	H. Hạ Lang			22° 39' 36"	106° 41' 55"	22° 40' 24"	106° 41' 38"	F-48-34-C+D
đồi Lũng Lừa	SV	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 40' 33"	106° 42' 35"					F-48-34-C+D
Lũng Thán	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 39' 42"	106° 41' 27"					F-48-34-C+D
suối Luộc	TV	xã Việt Chu	H. Hạ Lang			22° 40' 09"	106° 43' 00"	22° 39' 53"	106° 43' 46"	F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Nhà Vạc 2	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng								F-48-33-A+21-C	
núi Phia Sơn	SV	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 53' 58"	106° 05' 10"						F-48-33-A+21-C	
xóm Tả Pàng	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng								F-48-33-A+21-C	
xóm Yên Luật 1	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 52' 48"	106° 04' 01"						F-48-33-A+21-C	
xóm Yên Luật 2	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng									
xóm Cà Giăng	DC	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 58' 20"	106° 12' 00"						F-48-33-A+21-C	
xóm Chông Mạ	DC	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 57' 56"	106° 11' 09"						F-48-33-A+21-C	
xóm Đông Có	DC	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 58' 20"	106° 12' 00"						F-48-33-A+21-C	
xóm Lũng Pán	DC	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 57' 21"	106° 10' 37"						F-48-33-A+21-C	
lũng Mẩn	SV	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 59' 05"	106° 11' 35"						F-48-33-A+21-C	
xóm Nặm Niệc	DC	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 58' 37"	106° 11' 34"						F-48-33-A+21-C	
xóm Tả Pấu	DC	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 58' 30"	106° 11' 04"						F-48-33-A+21-C	
lũng Tháy	SV	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 59' 03"	106° 10' 37"						F-48-33-A+21-C	
núi Bản Chang	SV	xã Đảo Ngạn	H. Hà Quảng	22° 51' 10"	106° 04' 52"						F-48-33-A+21-C	
xóm Bản Hà	DC	xã Đảo Ngạn	H. Hà Quảng	22° 51' 02"	106° 05' 27"						F-48-33-A+21-C	
xóm Bản Khoang	DC	xã Đảo Ngạn	H. Hà Quảng	22° 51' 25"	106° 05' 20"						F-48-33-A+21-C	
xóm Bản Nưa	DC	xã Đảo Ngạn	H. Hà Quảng	22° 51' 32"	106° 05' 19"						F-48-33-A+21-C	
hồ Bản Nưa	TV	xã Đảo Ngạn	H. Hà Quảng	22° 51' 42"	106° 05' 48"						F-48-33-A+21-C	
xóm Đông Rẻo	DC	xã Đảo Ngạn	H. Hà Quảng	22° 51' 37"	106° 06' 03"						F-48-33-A+21-C	
Đông Đeng	DC	xã Đảo Ngạn	H. Hà Quảng	22° 50' 25"	106° 05' 39"						F-48-33-A+21-C	
xóm Kê Hiệt	DC	xã Đảo Ngạn	H. Hà Quảng	22° 50' 31"	106° 06' 18"						F-48-33-A+21-C	
hồ Kê Hiệt	TV	xã Đảo Ngạn	H. Hà Quảng	22° 50' 51"	106° 06' 32"						F-48-33-A+21-C	
xóm Kéo Chang	DC	xã Đảo Ngạn	H. Hà Quảng									
núi Kéo Gạch	SV	xã Đảo Ngạn	H. Hà Quảng	22° 52' 20"	106° 05' 30"						F-48-33-A+21-C	
núi Khau Cút	SV	xã Đảo Ngạn	H. Hà Quảng	22° 50' 52"	106° 06' 43"						F-48-33-A+21-C	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
DTLS Khuổi Sắn	KX	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng									F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Mò	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 49' 17"	106° 06' 24"							F-48-33-A+21-C
xóm Nà Xá	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 49' 36"	106° 06' 01"							F-48-33-A+21-C
xóm Phía Đán	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng									
núi Phía Đeng	SV	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 50' 21"	106° 06' 42"							F-48-33-A+21-C
xóm Chấm Ché	DC	xã Hạ Thôn	H. Hà Quảng									
xóm Cốc Sa	DC	xã Hạ Thôn	H. Hà Quảng									
xóm Kéo Nặm	DC	xã Hạ Thôn	H. Hà Quảng	22° 49' 02"	106° 11' 06"							F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Hoài	DC	xã Hạ Thôn	H. Hà Quảng									
núi Lũng Sung	SV	xã Hạ Thôn	H. Hà Quảng	22° 48' 58"	106° 12' 07"							F-48-33-A+21-C
xóm Răng Khoen	DC	xã Hạ Thôn	H. Hà Quảng									
xóm Lăng Linh	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng									
xóm Lũng Đa	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 52' 31"	106° 10' 02"							F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Dán	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng									
xóm Lũng Hoàng	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng									
xóm Lũng Lặc	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 54' 00"	106° 10' 18"							F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Ngần	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 52' 13"	106° 08' 41"							F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Rầu	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 53' 35"	106° 10' 02"							F-48-33-A+21-C
núi Lũng Tà	SV	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 53' 37"	106° 11' 04"							F-48-33-A+21-C
xóm Pắc Táng	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 53' 07"	106° 10' 11"							F-48-33-A+21-C
núi Pò Đeng	SV	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 51' 40"	106° 08' 01"							F-48-33-A+21-C
xóm Sam Phủng	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 53' 10"	106° 11' 18"							F-48-33-A+21-C
xóm Sông Giang	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 53' 32"	106° 08' 54"							F-48-33-A+21-C
xóm Tổng Tại	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng									
đường tỉnh 210	KX	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng			22° 55' 19"	106° 03' 30"	22° 56' 52"	106° 05' 19"			F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình		
				Tọa độ trung tâm				Tọa độ điểm đầu					Tọa độ điểm cuối	
				Vĩ độ		Kinh độ		Vĩ độ		Kinh độ			Vĩ độ	Kinh độ
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)					
xóm Cây Tắc	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 59' 18"	106° 04' 04"							F-48-33-A+21-C		
núi Li Là	SV	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 57' 31"	106° 03' 32"							F-48-33-A+21-C		
núi Lũng Khuyển	SV	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 57' 18"	106° 02' 55"							F-48-33-A+21-C		
xóm Lũng Luông	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 56' 22"	106° 03' 59"							F-48-33-A+21-C		
núi Lũng Nhẽ	SV	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 58' 22"	106° 04' 28"							F-48-33-A+21-C		
xóm Lũng Sáng	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 57' 05"	106° 03' 48"							F-48-33-A+21-C		
xóm Lũng Tú - Bò Sóp	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 58' 08"	106° 04' 16"							F-48-33-A+21-C		
núi Luông	SV	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 57' 55"	106° 03' 42"							F-48-33-A+21-C		
xóm Nặm Rằng	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 59' 34"	106° 04' 16"							F-48-33-A+21-C		
núi Ngườm Rổng	SV	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 56' 09"	106° 05' 13"							F-48-33-A+21-C		
xóm Pá Rản	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 55' 27"	106° 03' 42"							F-48-33-A+21-C		
núi Pải Thuộc	SV	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 56' 38"	106° 05' 15"							F-48-33-A+21-C		
xóm Phía Đò - Lũng Vải	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 55' 50"	106° 05' 11"							F-48-33-A+21-C		
xóm Rằng Púm - Cà Lọ	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 57' 36"	106° 04' 25"							F-48-33-A+21-C		
xóm Rằng Rụng - Co Lý	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 56' 45"	106° 04' 30"							F-48-33-A+21-C		
xóm Sỵ Ngải	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 56' 53"	106° 03' 24"							F-48-33-A+21-C		
núi Thiêng Hoài	SV	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 59' 40"	106° 04' 38"							F-48-33-A+21-C		
đường tỉnh 210	KX	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng			22° 56' 52"	106° 05' 19"	22° 55' 50"	106° 06' 43"					
xóm Cả Giồng	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 56' 57"	106° 05' 31"							F-48-33-A+21-C		
xóm Cả Mã	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 57' 38"	106° 05' 06"							F-48-33-A+21-C		
xóm Cả Trềng	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 56' 46"	106° 06' 01"							F-48-33-A+21-C		
xóm Chợ Nặm Nhũng	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 57' 10"	106° 05' 36"							F-48-33-A+21-C		
núi Đản Khoa	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 56' 09"	106° 06' 41"							F-48-33-A+21-C		
núi Đông Páo	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 57' 32"	106° 05' 45"							F-48-33-A+21-C		
xóm Kéo Hai	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 58' 06"	106° 06' 07"							F-48-33-A+21-C		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Kéo Quên	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 58' 39"	106° 06' 57"						F-48-33-A+21-C	
Kha Bản	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 55' 52"	106° 06' 20"						F-48-33-A+21-C	
núi Làng Rùn	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 57' 06"	106° 06' 48"						F-48-33-A+21-C	
đồi Lũng Chung	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 58' 34"	106° 07' 27"						F-48-33-A+21-C	
Lũng Cọ	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 58' 39"	106° 05' 21"						F-48-33-A+21-C	
xóm Lũng In	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 56' 26"	106° 06' 42"						F-48-33-A+21-C	
núi Lũng Máng	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 59' 08"	106° 07' 25"						F-48-33-A+21-C	
núi Lũng Rạch	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 58' 53"	106° 04' 55"						F-48-33-A+21-C	
Đồn biên phòng Nặm Nhường	KX	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 56' 58"	106° 05' 34"						F-48-33-A+21-C	
núi Phác Sĩ	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 57' 42"	106° 06' 36"						F-48-33-A+21-C	
xóm Po Tán	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 57' 33"	106° 06' 39"						F-48-33-A+21-C	
núi Thăm Ma	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 56' 59"	106° 06' 01"						F-48-33-A+21-C	
xóm Thiêng Hoài	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 59' 10"	106° 05' 05"						F-48-33-A+21-C	
xóm Thín Tằng	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 58' 08"	106° 05' 01"						F-48-33-A+21-C	
xóm Thông Sác	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 57' 10"	106° 05' 20"						F-48-33-A+21-C	
xóm Tống Pò	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 55' 57"	106° 06' 14"						F-48-33-A+21-C	
xóm Cả Póc	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 50' 53"	106° 12' 00"						F-48-33-A+21-C	
núi Hang Giáo	SV	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 50' 09"	106° 11' 38"						F-48-33-A+21-C	
xóm Keng Cả	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 51' 20"	106° 12' 10"						F-48-33-A+21-C	
núi Kéo Boong	SV	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 51' 21"	106° 12' 30"						F-48-33-A+21-C	
núi Kéo Pính	SV	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 51' 15"	106° 11' 42"						F-48-33-A+21-C	
núi Lọc Sông	SV	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 50' 53"	106° 11' 17"						F-48-33-A+21-C	
xóm Lũng Kiếng	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng									
núi Lũng Luông	SV	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 51' 35"	106° 12' 25"						F-48-33-A+21-C	
xóm Lũng Niếng	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 50' 27"	106° 12' 10"						F-48-33-A+21-C	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Lũng Pheo	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 51' 31"	106° 12' 25"							F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Rản	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 52' 17"	106° 12' 51"							F-48-33-A+21-C
xóm Mạ Răng	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng									
xóm Thín Tảng	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng									
xóm Tổng Đả	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 51' 30"	106° 11' 44"							F-48-33-A+21-C
đường tỉnh Đôn Chương - Sóc Hà	KX	xã Nà Sác	H. Hà Quảng			22° 50' 00"	106° 00' 58"	22° 55' 15"	106° 02' 39"			F-48-33-A+21-C; 32-B+20-D
núi Bà Tai	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 56' 22"	106° 02' 10"							F-48-33-A+21-C
lũng Cát	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 57' 47"	106° 00' 38"							F-48-33-A+21-C
núi Cốc Chủ	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 03"	106° 01' 49"							F-48-33-A+21-C
xóm Cốc Sầu	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 01"	106° 01' 03"							F-48-33-A+21-C
núi Đồng Liêu	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 57"	106° 02' 27"							F-48-33-A+21-C
DTLS Hang Phia Nội	KX	xã Nà Sác	H. Hà Quảng									F-48-33-A+21-C
xóm Hòa Mục 1	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 15"	106° 02' 30"							F-48-33-A+21-C
xóm Hòa Mục 2	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng									
núi Khiếu Tiên	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 47"	106° 01' 57"							F-48-33-A+21-C
suối Khuổi Miêu	TV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng			22° 54' 21"	106° 02' 13"	22° 54' 56"	106° 02' 41"			F-48-33-A+21-C
suối Khuổi Rình	TV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng			22° 54' 15"	106° 01' 12"	22° 53' 55"	106° 01' 20"			F-48-33-A+21-C
núi Là Mã	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 54' 13"	106° 01' 32"							F-48-33-A+21-C
DTLS Lũng Cát	KX	xã Nà Sác	H. Hà Quảng									F-48-33-A+21-C
đầy núi Lũng Dù	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 57' 01"	106° 01' 09"							F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Loỏng	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 56' 23"	106° 01' 30"							F-48-33-A+21-C
núi Lũng Mỏ	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 26"	106° 01' 48"							F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Pĩa	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng									
núi Lũng Sường	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 35"	106° 00' 58"							F-48-33-A+21-C
xóm Mã Lip	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 57' 04"	106° 00' 29"							F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Mây Đầm	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 54' 28"	106° 01' 55"					F-48-33-A+21-C
DTLS Nền nhà ông Hiền Hữu	KX	xã Nà Sác	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
DTLS Ngâm Giảo	KX	xã Nà Sác	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
Ngâm Xinh	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 56' 02"	106° 01' 16"					F-48-33-A+21-C
Ngưôm Nặm	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 54"	106° 00' 38"					F-48-33-A+21-C
Nong Di	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 57' 20"	106° 00' 06"					F-48-33-A+21-C
Pác Kéo	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 38"	106° 01' 25"					F-48-33-A+21-C
Pác Rựa	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 41"	106° 01' 33"					F-48-33-A+21-C
núi Phía Oai	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 56' 41"	106° 00' 18"					F-48-33-A+21-C
núi Phía Vền	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 19"	106° 02' 06"					F-48-33-A+21-C
xóm Pò Nghieu -Kép Ké	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 06"	106° 02' 22"					F-48-33-A+21-C
xóm Thôn Tấu	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 56' 10"	106° 00' 27"					F-48-33-A+21-C
lũng Thưa Háo	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 56' 54"	106° 00' 19"					F-48-33-A+21-C
xóm Cà Rẻ	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 39"	106° 11' 48"					F-48-33-A+21-C
núi Cà Tẻh	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 47"	106° 10' 58"					F-48-33-A+21-C
xóm Cà Tiếng	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 58"	106° 10' 35"					F-48-33-A+21-C
núi Khuổi Phia	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 21"	106° 12' 13"					F-48-33-A+21-C
xóm Làng Lý	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 19"	106° 12' 27"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Chuổng	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 57' 28"	106° 09' 29"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Chuổng	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 53"	106° 09' 08"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Mão	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 57"	106° 09' 49"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Pung	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 25"	106° 08' 26"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Rại	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 55"	106° 11' 00"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Rì	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 23"	106° 10' 16"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Xuân	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 57' 41"	106° 13' 09"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Ngườm Vải	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 57' 40"	106° 12' 22"					F-48-33-A+21-C
xóm Nhì Tảo	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 28"	106° 09' 06"					F-48-33-A+21-C
xóm Pác Hoan	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 34"	106° 11' 16"					F-48-33-A+21-C
xóm Pác Tụ	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 57' 32"	106° 12' 41"					F-48-33-A+21-C
lũng Pét	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 58' 05"	106° 12' 45"					F-48-33-A+21-C
núi Phía Bốc	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 15"	106° 11' 53"					F-48-33-A+21-C
núi Phía Bưng	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 58"	106° 08' 06"					F-48-33-A+21-C
núi Phía Rừu	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 59"	106° 12' 12"					F-48-33-A+21-C
núi Phía Théc	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 19"	106° 10' 26"					F-48-33-A+21-C
núi Phía Ung	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 48"	106° 09' 34"					F-48-33-A+21-C
xóm Rủ Rả	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 03"	106° 11' 30"					F-48-33-A+21-C
xóm Sóc Rầu	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 39"	106° 11' 58"					F-48-33-A+21-C
xóm Tiếng Po	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 57' 14"	106° 07' 31"					F-48-33-A+21-C
núi Tu Thiu	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 07"	106° 11' 09"					F-48-33-A+21-C
đường tỉnh 203	KX	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng			22° 48' 47"	106° 06' 48"	22° 52' 14"	106° 06' 23"	F-48-32-B+20-D
xóm Bán Bó	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 50' 03"	106° 08' 25"					F-48-33-A+21-C
xóm Bán Chá	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 51' 04"	106° 07' 27"					F-48-33-A+21-C
xóm Cốc Chũ	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 49' 16"	106° 07' 17"					F-48-33-A+21-C
xóm Độc Kít	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 49' 25"	106° 07' 55"					F-48-33-A+21-C
xóm Đông Mãn	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 50' 32"	106° 07' 50"					F-48-33-A+21-C
xóm Khau Mát	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 49' 05"	106° 07' 10"					F-48-33-A+21-C
núi Khau Rục	SV	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 52' 07"	106° 06' 54"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Giàng	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng							
xóm Luồng Nội	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 49' 30"	106° 07' 01"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Dầm	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 51' 48"	106° 06' 39"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Giảng	DC	xã Phú Ngọc	H. Hà Quảng							
xóm Nà Giảo	DC	xã Phú Ngọc	H. Hà Quảng	22° 50' 41"	106° 07' 28"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Lạn	DC	xã Phú Ngọc	H. Hà Quảng							
xóm Nà Mạ	DC	xã Phú Ngọc	H. Hà Quảng	22° 51' 40"	106° 06' 59"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Rặc	DC	xã Phú Ngọc	H. Hà Quảng							
xóm Noóc Mò	DC	xã Phú Ngọc	H. Hà Quảng	22° 50' 43"	106° 08' 24"					F-48-33-A+21-C
súối Phú Ngọc	TV	xã Phú Ngọc	H. Hà Quảng	22° 50' 33"		22° 52' 03"	106° 06' 32"	22° 50' 09"	106° 08' 07"	F-48-33-A+21-C
núi Tằng Khoen	SV	xã Phú Ngọc	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
xóm Bắc Phương	DC	xã Quý Quán	H. Hà Quảng							
xóm Bản Láp 1	DC	xã Quý Quán	H. Hà Quảng							
xóm Bản Láp 2	DC	xã Quý Quán	H. Hà Quảng							
súối Bằng Giang	TV	xã Quý Quán	H. Hà Quảng			22° 53' 30"	106° 00' 59"	22° 50' 40"	106° 02' 17"	F-48-33-A+21-C
xóm Keng Tao	DC	xã Quý Quán	H. Hà Quảng							
xóm Khuổi Tấu	DC	xã Quý Quán	H. Hà Quảng	22° 50' 43"	10° 60' 29"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Đầy	DC	xã Quý Quán	H. Hà Quảng							
xóm Lũng Mới	DC	xã Quý Quán	H. Hà Quảng							
xóm Lũng Nhùng	DC	xã Quý Quán	H. Hà Quảng	22° 50' 32"	106° 01' 36"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Xám	DC	xã Quý Quán	H. Hà Quảng							
xóm Nà Pò - Khuổi Luông	DC	xã Quý Quán	H. Hà Quảng	22° 52' 38"	106° 01' 48"					F-48-33-A+21-C
xóm Tẻnh Cà Lừa	DC	xã Quý Quán	H. Hà Quảng	22° 51' 05"	106° 01' 59"					F-48-33-A+21-C
súối Bằng Giang	TV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng			22° 54' 55"	106° 00' 17"	22° 53' 30"	106° 00' 59"	F-48-33-A+21-C
súối Bó Tấu	TV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng			22° 56' 59"	105° 57' 26"	22° 56' 31"	105° 58' 20"	F-48-32-B+20-D
núi Cầm Dăng	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 58"	105° 57' 59"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Nghịu	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 04"	105° 59' 54"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Vường	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 34"	105° 59' 51"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Địa Lan	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 10"	105° 59' 29"						F-48-32-B+20-D	
đường tỉnh Đôn Chương - Sóc Hà	KX	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng			22° 56' 38"	105° 59' 34"	22° 50' 00"	106° 00' 58"		F-48-33-A+21-C; F-48-32-B+20-D	
xóm Hàng Cầu	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 21"	106° 00' 07"						F-48-33-A+21-C	
suối Khuổi Kỳ	TV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng			22° 56' 31"	105° 58' 20"	22° 56' 59"	105° 57' 26"		F-48-33-A+21-C	
khuổi Khuổi Ninh	TV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng			22° 54' 15"	106° 01' 12"	22° 53' 55"	106° 01' 20"		F-48-32-B+20-D	
xóm Lũng Cùm	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 13"	105° 59' 26"						F-48-32-B+20-D	
xóm Lũng Mật	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 53' 58"	105° 59' 33"						F-48-32-B+20-D	
xóm Lũng Pươi	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 54"	105° 57' 27"						F-48-32-B+20-D	
xóm Lũng Rài	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 01"	105° 58' 57"						F-48-32-B+20-D	
xóm Nà Cháo	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 54' 06"	106° 00' 35"						F-48-33-A+21-C	
xóm Nà Nghiêng	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 54' 55"	106° 00' 35"						F-48-33-A+21-C	
xóm Nà Phái	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 13"	105° 58' 43"						F-48-32-B+20-D	
xóm Nà Sác	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 23"	105° 59' 43"						F-48-32-B+20-D	
núi Pác Khang	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 04"	106° 00' 12"						F-48-33-A+21-C	
xóm Pác Tao	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 53' 33"	106° 00' 14"						F-48-33-A+21-C	
núi Phía Khao	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 36"	105° 59' 07"						F-48-32-B+20-D	
núi Phía Mạ	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 54' 13"	105° 59' 05"						F-48-32-B+20-D	
núi Phía Tằng	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 24"	106° 00' 17"						F-48-33-A+21-C	
xóm Pò Hàng	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 58"	105° 59' 55"						F-48-33-A+21-C	
núi Sát Nhãn	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 25"	105° 59' 16"						F-48-32-B+20-D	
núi Sĩ Pải	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 53' 18"	106° 00' 12"						F-48-33-A+21-C	
xóm Sóc Giang	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 07"	106° 00' 29"						F-48-33-A+21-C	
cửa khẩu Sóc Giang	KX	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 22"	105° 59' 33"						F-48-32-B+20-D	
đồn biên phòng Sóc Hà	KX	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 12"	106° 00' 36"						F-48-33-A+21-C	
núi Trám	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 00"	105° 58' 54"						F-48-32-B+20-D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Trúc Long	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 15"	105° 59' 12"							F-48-32-B+20-D
súối Trúc Long	TV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng					22° 56' 31"	105° 58' 20"	2° 25' 63"	105° 59' 47"	F-48-32-B+20-D
núi Cà Xát	SV	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 52' 09"	106° 11' 18"							F-48-33-A+21-C
núi Canh Dừng	SV	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 53' 48"	106° 12' 24"							F-48-33-A+21-C
xóm Khau Sớ	DC	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng									
xóm Kinh Dưới	DC	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 51' 35"	106° 10' 28"							F-48-33-A+21-C
xóm Kinh Trên	DC	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 51' 57"	106° 10' 05"							F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Bông	DC	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 51' 54"	106° 11' 33"							F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Quảng	DC	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 52' 40"	106° 12' 26"							F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Túp	DC	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 53' 11"	106° 11' 57"							F-48-33-A+21-C
xóm Nặm Thuồm	DC	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 52' 32"	106° 11' 08"							F-48-33-A+21-C
xóm Pác Kiếng	DC	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 53' 32"	106° 11' 29"							F-48-33-A+21-C
núi Quang Tán	SV	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 53' 24"	106° 12' 49"							F-48-33-A+21-C
xóm Tổng Tượng	DC	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 52' 18"	106° 10' 38"							F-48-33-A+21-C
xóm Uống Luộc	DC	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 53' 33"	106° 12' 01"			22° 55' 50"	106° 06' 43"	22° 55' 41"	106° 09' 46"	F-48-33-A+21-C
đường tỉnh 210	KX	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng									
trường PTTH Vùng Cao	KX	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng									
xóm Cá Giang	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 53' 10"	106° 07' 47"							F-48-33-A+21-C
Cá Rải	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 53' 33"	106° 07' 43"							F-48-33-A+21-C
xóm Cá Thổ	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 53' 49"	106° 08' 10"							F-48-33-A+21-C
xóm Chàng Đẻ	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 10"	106° 07' 19"							F-48-33-A+21-C
Đại Tổng	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 54' 29"	106° 10' 18"							F-48-33-A+21-C
xóm Làng Pía	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 11"	106° 07' 28"							F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Hòa	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 54' 20"	106° 08' 47"							F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Mùm	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 32"	106° 07' 44"							F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Lũng Tấn	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 26"	106° 06' 49"							F-48-33-A+21-C
núi Lũng Tây	SV	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 54' 47"	106° 07' 06"							F-48-33-A+21-C
xóm Nặm Giặt	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 54' 39"	106° 08' 23"							F-48-33-A+21-C
núi Phía Théc	SV	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 06"	106° 09' 14"							F-48-33-A+21-C
xóm Tây Dưới	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 52' 30"	106° 07' 43"							F-48-33-A+21-C
xóm Tây Trên	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 32"	106° 08' 06"							F-48-33-A+21-C
núi Tẻnh Keng	SV	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 00"	106° 09' 44"							F-48-33-A+21-C
xóm Tổng Càng	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 54' 13"	106° 07' 30"							F-48-33-A+21-C
đường tỉnh 210	KX	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng			22° 53' 27"	106° 13' 51"	22° 55' 09"	106° 12' 27"			F-48-33-A+21-C
núi Bồng	SV	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 54' 23"	106° 11' 02"							F-48-33-A+21-C
lũng Cáo	SV	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 54' 12"	106° 15' 14"							F-48-33-B
xóm Cọt Nura	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 54' 22"	106° 13' 05"							F-48-33-A+21-C
xóm Cọt Phở	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 53' 56"	106° 13' 27"							F-48-33-A+21-C
lũng Keng Lạn	SV	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 57' 08"	106° 13' 39"							F-48-33-A+21-C
xóm Kéo Sỷ	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 54' 26"	106° 14' 23"							F-48-33-A+21-C
lũng Kít	SV	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 56' 24"	106° 14' 11"							F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Ái	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 54' 16"	106° 11' 30"							F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Giồng	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 55' 46"	106° 13' 47"							F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Luông	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng									
xóm Lũng Ri	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 55' 07"	106° 14' 00"							F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Tao	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 55' 26"	106° 13' 03"							F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Tùm - Lũng Mẩn	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 54' 59"	106° 13' 30"							F-48-33-A+21-C
lũng Mò Tóc	SV	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 55' 27"	106° 14' 40"							F-48-33-A+21-C
xóm Ngườm Luông	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 54' 26"	106° 14' 23"							F-48-33-A+21-C
Pác Có	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 55' 59"	106° 14' 32"							F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Pác Ô	SV	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 53' 31"	106° 13' 28"							F-48-33-A+21-C
xóm Pải Bá	DC	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 53' 40"	106° 13' 07"							F-48-33-A+21-C
lũng Pàng	SV	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 54' 36"	106° 15' 27"							F-48-33-B
xóm Rằng Hân	DC	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 56' 05"	106° 13' 41"							F-48-33-A+21-C
xóm Thiêng Ngọa	DC	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 54' 40"	106° 12' 06"							F-48-33-A+21-C
đồn biên phòng Tổng Cột	KX	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 54' 20"	106° 13' 03"							F-48-33-A+21-C
lũng Tý	SV	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 56' 47"	106° 13' 47"							F-48-33-A+21-C
đường tỉnh 203	KX	xã Trường Hà	H. Hà Quảng			22° 55' 36"	106° 02' 47"	22° 59' 06"	106° 02' 47"	106° 02' 47"		F-48-33-A+21-C
suối Bản Hoàng	TV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng			22° 57' 35"	106° 01' 47"					F-48-33-A+21-C
thủy điện Bản Hoàng	KX	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 57' 35"	106° 01' 47"							F-48-33-A+21-C
cầu Bó Bầm	KX	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 55"	106° 02' 58"							F-48-33-A+21-C
núi Các Mác	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 59' 06"	106° 02' 59"							F-48-33-A+21-C
hang Cốc Bó	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 59' 18"	106° 03' 04"							F-48-33-A+21-C
đôi Cốc Lũng	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 37"	106° 02' 08"							F-48-33-A+21-C
núi Đán Rược	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 47"	106° 03' 37"							F-48-33-A+21-C
xóm Hoang 1	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 57' 32"	106° 01' 58"							F-48-33-A+21-C
xóm Hoang 2	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 57' 24"	106° 02' 03"							F-48-33-A+21-C
suối Khuổi Hong	TV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng			22° 58' 55"	106° 00' 30"	22° 57' 32"	106° 01' 51"			F-48-33-A+21-C
mộ Kim Đồng	KX	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 03"	106° 02' 40"							F-48-33-A+21-C
suối Lê Nin	TV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng			22° 58' 31"	106° 02' 55"	22° 55' 38"	106° 02' 43"			F-48-33-A+21-C
núi Lũng Giảo	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 16"	106° 03' 19"							F-48-33-A+21-C
xóm Nà Kéo	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 42"	106° 02' 49"							F-48-33-A+21-C
xóm Nà Lặng	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng									
đôi Nà Lặng	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 43"	106° 01' 12"							F-48-33-A+21-C
suối Nà Lặng	TV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng			22° 58' 55"	106° 01' 36"	22° 58' 25"	106° 01' 18"			F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
đồi Nà Leng Nưa	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 59' 14"	106° 01' 09"							F-48-33-A+21-C
xóm Nà Mạ	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 30"	106° 02' 43"							F-48-33-A+21-C
đáy núi Nà Mạ	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 24"	106° 03' 08"							F-48-33-A+21-C
cầu Nà Ngâm	KX	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 46"	106° 02' 59"							F-48-33-A+21-C
xóm Nặm Lìn	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng									
xóm Pác Bó	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 52"	106° 03' 05"							F-48-33-A+21-C
khu di tích Pác Bó	KX	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 39"	106° 02' 58"							F-48-33-A+21-C
núi Pịa Cang	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 57' 18"	106° 02' 16"							F-48-33-A+21-C
núi Pịa Đeng	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 52"	106° 02' 40"							F-48-33-A+21-C
xóm Thôn Hoàng 1	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng									
xóm Thôn Hoàng 2	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 57' 51"	106° 02' 38"							F-48-33-A+21-C
thung lũng Thong Ma	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 28"	106° 03' 25"							F-48-33-A+21-C
núi Xưa Thai	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 59' 09"	106° 03' 25"							F-48-33-A+21-C
xóm Bản Khổng	DC	xã Văn An	H. Hà Quảng									
xóm Cha Vạc	DC	xã Văn An	H. Hà Quảng	22° 57' 49"	106° 09' 24"							F-48-33-A+21-C
xóm Co Mười	DC	xã Văn An	H. Hà Quảng	22° 59' 07"	106° 07' 59"							F-48-33-A+21-C
xóm Co Phầy	DC	xã Văn An	H. Hà Quảng	22° 58' 25"	106° 09' 33"							F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Đa	DC	xã Văn An	H. Hà Quảng	22° 58' 58"	106° 08' 50"							F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Rầu	DC	xã Văn An	H. Hà Quảng	22° 57' 49"	106° 08' 34"							F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Thốc	DC	xã Văn An	H. Hà Quảng	22° 57' 52"	106° 07' 05"							F-48-33-A+21-C
xóm Nặm Đin	DC	xã Văn An	H. Hà Quảng	22° 58' 37"	106° 08' 29"							F-48-33-A+21-C
xóm Nhì Đủ	DC	xã Văn An	H. Hà Quảng	22° 58' 29"	106° 08' 49"							F-48-33-A+21-C
xóm Pác Có	DC	xã Văn An	H. Hà Quảng	22° 59' 09"	106° 09' 36"							F-48-33-A+21-C
đồi Tằng Đồi	SV	xã Văn An	H. Hà Quảng	22° 58' 29"	106° 09' 49"							F-48-33-A+21-C
xóm Keng Vài	DC	xã Văn Dĩnh	H. Hà Quảng	22° 55' 24"	106° 04' 12"							F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 3	KX	xã Bạch Đằng	H. Hòa An			22° 39' 55"	106° 11' 42"	22° 35' 20"	106° 09' 01"	F-48-32-C
xóm Bản Sắng	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 37' 09"	106° 12' 07"					F-48-33-C
xóm Bóc Thượng 1	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 33' 03"	106° 10' 09"					F-48-33-C
xóm Bóc Thượng 2	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 33' 31"	106° 10' 37"					F-48-33-C
xóm Đầu Cầu	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 35' 56"	106° 10' 29"					F-48-33-C
sông Hiến	TV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An			22° 35' 45"	106° 08' 56"	22° 37' 42"	106° 13' 00"	F-48-33-C
núi Khau Cầu	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 32' 48"	106° 11' 27"					F-48-33-C
núi Khau Lá	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 34' 01"	106° 11' 32"					F-48-33-C
núi Khau Mươi	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 35' 13"	106° 11' 00"					F-48-33-C
núi Khau Quan	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 33' 31"	106° 11' 32"					F-48-33-C
núi Khuổi Bao	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 35' 32"	106° 09' 08"					F-48-33-C
xóm Khuổi Kép	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 38' 15"	106° 10' 44"					F-48-33-C
hồ Khuổi Lái	TV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 38' 51"	106° 10' 37"					F-48-33-C
xóm Nà Luống	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An							
suối Nà Ngò	TV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An			22° 32' 55"	106° 09' 13"	22° 33' 03"	106° 12' 03"	F-48-33-C
Nà Roác	KX	xã Bạch Đằng	H. Hòa An							F-48-32-C
xóm Nà Roác 1	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 39' 02"	106° 11' 03"					F-48-33-C
xóm Nà Roác 2	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 39' 27"	106° 11' 40"					F-48-33-C
xóm Nà Roác 3	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 38' 41"	106° 11' 25"					F-48-33-C
xóm Nà Tù	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 36' 24"	106° 11' 09"					F-48-33-C
núi Ngâm Hoài	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 36' 38"	106° 09' 48"					F-48-33-C
xóm Pác Nà	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 37' 12"	106° 11' 54"					F-48-33-C
núi Pác Đim	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 36' 19"	106° 12' 39"					F-48-33-C
núi Pác Hu	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 34' 36"	106° 10' 59"					F-48-33-C
xóm Phiêng Lửa	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 36' 30"	106° 11' 51"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đèo Tài Hồ Sín	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 36' 45"	106° 10' 19"					F-48-33-C
đường tỉnh 203	KX	xã Bế Triều	H. Hòa An			22° 44' 04"	106° 09' 20"	22° 42' 20"	106° 11' 00"	F-48-32-C
xóm An Phú	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An							F-48-33-C
xóm Bản Sầy	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 06"	106° 09' 43"					F-48-33-C
xóm Bản Vạn 1	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 43' 59"	106° 09' 30"					F-48-33-C
xóm Bản Vạn 2	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An							F-48-33-C
xóm Chung Mu	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 24"	106° 09' 30"					F-48-33-C
xóm Đà Lạn	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 43' 36"	106° 10' 08"					F-48-33-C
xóm Đồng Viào	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 42"	106° 09' 47"					F-48-33-C
xóm Khao Côi	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 00"	106° 09' 56"					F-48-33-C
xóm Khau Hoa	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 15"	106° 10' 12"					F-48-33-C
xóm Khuổi Vạ	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 45' 21"	106° 10' 55"					F-48-33-A+21-C
xóm Lăng Phìa (Lăng Phĩa)	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An							
xóm Nà Bura	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 43' 21"	106° 10' 52"					F-48-33-C
xóm Nà Mò	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 45' 14"	106° 10' 21"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Pịa (Nà Pịa)	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An							
xóm Nà Sa - Nà Gường	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 42' 48"	106° 10' 47"					F-48-33-C
hồ Nà Tấu	TV	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 17"	106° 11' 24"					F-48-33-C
xóm Nà Vài	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 42' 33"	106° 11' 18"					F-48-33-C
xóm Nà Vầu	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 42' 43"	106° 10' 27"					F-48-33-C
xóm Pác Gà	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 32"	106° 09' 16"					F-48-33-C
Thủy Lợi	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 43' 43"	106° 10' 44"					F-48-33-C
xóm Vò Đáo	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 43' 33"	106° 09' 51"					F-48-33-C
xóm Vò Gà	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 25"	106° 11' 54"					F-48-33-C
xóm Bó Mỹ	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 39' 01"	106° 08' 28"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
sông Hiến	KX	xã Bình Dương	H. Hòa An			22° 39' 08"	106° 10' 48"	22° 37' 08"	106° 06' 48"	22° 35' 45"	106° 08' 56"	F-48-33-C
điểm du lịch Khuổi Lái	KX	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 39' 08"	106° 10' 48"							F-48-33-C
xóm Khuổi Lầy	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 36' 25"	106° 07' 54"							F-48-33-C
xóm Khuổi Rì	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 38' 00"	106° 09' 30"							F-48-33-C
núi Là Nin	SV	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 37' 22"	106° 09' 28"							F-48-33-C
xóm Nà Hoan	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 38' 46"	106° 08' 55"							F-48-33-C
xóm Nà Niễn	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 38' 07"	106° 08' 46"							F-48-33-C
xóm Nà Phụng	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 37' 36"	106° 09' 38"							F-48-33-C
Nà Toàn	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 39' 17"	106° 08' 39"							F-48-33-C
xóm Nà Vương	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 39' 34"	106° 09' 29"							F-48-33-C
xóm Thín Tắng	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 38' 22"	106° 09' 05"							F-48-33-C
Và Đại	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 38' 31"	106° 09' 21"							F-48-33-C
núi Gù Nhiều	SV	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 43' 05"	106° 07' 23"							F-48-33-C
xóm Ảng Giảng	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 05"	106° 07' 46"							F-48-33-C
xóm Bản Sếng	DC	xã Bình Long	H. Hòa An					22° 44' 47"	106° 07' 23"	22° 44' 08"	106° 09' 09"	F-48-33-C
sông Bằng Giang	TV	xã Bình Long	H. Hòa An									
xóm Bó Roồm	DC	xã Bình Long	H. Hòa An									F-48-33-C
xóm Cốc Lại	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 43' 48"	106° 08' 05"							F-48-33-C
sông Dẻ Rào	TV	xã Bình Long	H. Hòa An			22° 43' 30"	106° 06' 06"	22° 43' 30"	106° 06' 06"	22° 44' 08"	106° 09' 09"	F-48-33-C
xóm Đồng Kinh	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 25"	106° 07' 56"							F-48-33-C
xóm Đưc Bình	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 41"	106° 07' 08"							F-48-33-C
xóm Khuổi Luồng	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 42' 34"	106° 06' 43"							F-48-33-C
xóm Lũng Chung	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 42' 54"	106° 07' 18"							F-48-33-C
xóm Nà Bạt	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 43' 52"	106° 07' 36"							F-48-33-C
xóm Nà Giảo	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 13"	106° 08' 10"							F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
DTLS Nhà ông Bé Ích Bồng	KX	xã Bình Long	H. Hòa An							F-48-33-C
DTLS Nhà ông Đàm Nhật Chánh	KX	xã Bình Long	H. Hòa An							F-48-33-C
xóm Pác Cam	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 35"	106° 07' 35"					F-48-33-C
xóm Pác Gậy	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 12"	106° 07' 15"					F-48-33-C
xóm Thái Cường	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 18"	106° 08' 30"					F-48-33-C
xóm Thang Lầy	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 26"	106° 08' 27"					F-48-33-C
xóm Thua Khau	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 26"	106° 07' 18"					F-48-33-C
núi Kéo Lằm	SV	xã Công Trường	H. Hòa An	22° 44' 10"	106° 01' 36"					F-48-33-C
núi Lũng Cùm	SV	xã Công Trường	H. Hòa An	22° 42' 04"	106° 01' 34"					F-48-33-C
xóm Cốc Phăng	DC	xã Công Trường	H. Hòa An	22° 43' 40"	106° 01' 13"					F-48-33-C
Già Vải	DC	xã Công Trường	H. Hòa An	22° 42' 57"	106° 02' 16"					F-48-33-C
xóm Lũng Diều	DC	xã Công Trường	H. Hòa An	22° 41' 17"	106° 01' 43"					F-48-33-C
xóm Lũng Luông	DC	xã Công Trường	H. Hòa An	22° 42' 41"	106° 01' 32"					F-48-33-C
xóm Lũng Mải	DC	xã Công Trường	H. Hòa An	22° 41' 49"	106° 01' 40"					F-48-33-C
xóm Lũng Oong	DC	xã Công Trường	H. Hòa An	22° 43' 36"	106° 02' 22"					F-48-33-C
Lũng Pền	DC	xã Công Trường	H. Hòa An	22° 43' 25"	106° 02' 08"					F-48-33-C
Lũng Rươi	DC	xã Công Trường	H. Hòa An	22° 43' 46"	106° 01' 32"					F-48-33-C
Lũng Sao	DC	xã Công Trường	H. Hòa An	22° 43' 03"	106° 01' 41"					F-48-33-C
Lũng Xen	DC	xã Công Trường	H. Hòa An	22° 42' 33"	106° 02' 14"					F-48-33-C
Nà Sầm	DC	xã Công Trường	H. Hòa An	22° 41' 05"	106° 02' 02"					F-48-33-C
sông Nguyễn Bình	TV	xã Công Trường	H. Hòa An			22° 40' 54"	106° 02' 35"	22° 41' 45"	106° 02' 51"	F-48-33-C
Oong Mận	DC	xã Công Trường	H. Hòa An	22° 43' 17"	106° 01' 43"					F-48-33-C
Pác Cơi	DC	xã Công Trường	H. Hòa An	22° 43' 25"	106° 01' 01"					F-48-33-C
xóm Héc Chang	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 46' 57"	106° 11' 43"					F-48-33-A+21-C
xóm Héc Nưa	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 46' 40"	106° 12' 11"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
núi Kéo Tát	SV	xã Đại Tiến	H. Hòa An								F-48-33-A+21-C
núi Khảo Khao	SV	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 46' 41"	106° 12' 54"						F-48-33-A+21-C
núi Lũng Háng	SV	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 47' 26"	106° 11' 49"						F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Lừa	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 46' 12"	106° 12' 46"						F-48-33-A+21-C
xóm Má Chang	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 46' 05"	106° 11' 29"						F-48-33-A+21-C
xóm Má Nura	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 45' 36"	106° 12' 52"						F-48-33-A+21-C
xóm Má Tầu	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 45' 59"	106° 12' 59"						F-48-33-A+21-C
xóm Nà Bon	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 47' 05"	106° 11' 16"						F-48-33-A+21-C
xóm Nà Coóc	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 45' 52"	106° 12' 28"						F-48-33-A+21-C
xóm Nà Khan	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 45' 49"	106° 10' 33"						F-48-33-A+21-C
Nà Vinh	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 46' 12"	106° 11' 11"						F-48-33-A+21-C
đường tỉnh 204	KX	xã Dân Chủ	H. Hòa An			22° 47' 08"	106° 05' 38"	22° 48' 03"	106° 02' 07"		F-48-33-A+21-C
xóm Bản Chang	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 49' 09"	106° 03' 28"						F-48-33-A+21-C
xóm Bản Dừa	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 11"	106° 04' 34"						F-48-33-A+21-C
xóm Bản Hòa	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 49' 01"	106° 05' 58"						F-48-33-A+21-C
xóm Bản Mạ	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 46"	106° 04' 09"						F-48-33-A+21-C
xóm Bản Sinh	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 46' 50"	106° 04' 42"						F-48-33-A+21-C
sông Bằng Giang	TV	xã Dân Chủ	H. Hòa An			22° 50' 40"	106° 02' 17"	22° 46' 25"	106° 05' 29"		F-48-33-A+21-C
xóm Bó Ninh	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An								F-48-33-A+21-C
xóm Danh Sỹ	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 55"	106° 04' 53"						
xóm Đồng An	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An								
xóm Hoàng Sủm	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An								
xóm Kéo Thín	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An								
Khau Khá	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 48"	106° 06' 13"						F-48-33-A+21-C
xóm Khuổi Bốc	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 48"	106° 02' 57"						F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Kinh độ (độ, phút, giây)		Kinh độ (độ, phút, giây)		Kinh độ (độ, phút, giây)				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)					
Khuổi Mông	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 50' 25"	106° 03' 14"						F-48-33-A+21-C	
Khuổi Tao	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 50' 35"	106° 02' 15"						F-48-33-A+21-C	
Liên Oa	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 26"	106° 06' 19"						F-48-33-A+21-C	
Lũng Duống	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 26"	106° 02' 51"						F-48-33-A+21-C	
xóm Lũng Lạ	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An									
xóm Lũng Liu	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An									
Lũng Mẩn	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 25"	106° 02' 54"						F-48-33-A+21-C	
xóm Lũng Tao	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 07"	106° 05' 30"						F-48-33-A+21-C	
Ma Păn	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 46"	106° 02' 06"						F-48-33-A+21-C	
đèo Má Quỳnh	SV	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 03"	106° 02' 07"						F-48-33-A+21-C	
xóm Mìn Sàng	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 46' 57"	106° 05' 12"						F-48-33-A+21-C	
xóm Mỏ Sắt	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 59"	106° 03' 42"						F-48-33-A+21-C	
Nà Cờ	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 40"	106° 06' 32"						F-48-33-A+21-C	
xóm Nà Đăn	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An									
xóm Nà Mèo	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 26"	106° 05' 57"						F-48-33-A+21-C	
Nà Mìn	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 44"	106° 05' 13"						F-48-33-A+21-C	
xóm Nà Nhữ	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An									
xóm Nà Phia	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 55"	106° 05' 11"						F-48-33-A+21-C	
xóm Nà Sắng	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 08"	106° 05' 02"						F-48-33-A+21-C	
mỏ sắt Ngườm Cháng	KX	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 11"	106° 05' 19"						F-48-33-A+21-C	
xóm Pác Bó	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 49' 10"	106° 04' 47"						F-48-33-A+21-C	
xóm Phắc Cát	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 46' 14"	106° 03' 15"						F-48-33-A+21-C	
núi Pò Mì	SV	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 49' 06"	106° 04' 27"						F-48-33-A+21-C	
Tản Hương	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 31"	106° 03' 54"						F-48-33-A+21-C	
Ván Gà	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 32"	106° 04' 30"						F-48-33-A+21-C	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 203	KX	xã Đức Long	H. Hòa An			22° 46' 56"	106° 06' 55"	22° 45' 01"	106° 08' 23"	F-48-32-B+20-D
đường tỉnh 204	KX	xã Đức Long	H. Hòa An			22° 46' 40"	106° 07' 07"	22° 47' 08"	106° 05' 38"	F-48-32-B+20-D
xóm Bán Chung	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 35"	106° 06' 34"					F-48-33A+21-C
sông Bằng Giang	TV	xã Đức Long	H. Hòa An			22° 46' 25"	106° 05' 29"	22° 44' 41"	106° 08' 26"	F-48-33-A+21-C
xóm Bằng Hà 1	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 44' 49"	106° 08' 50"					F-48-33-C
xóm Bằng Hà 2	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 01"	106° 08' 59"					F-48-33-C
xóm Cốc Lùng	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 18"	106° 06' 48"					F-48-33A+21-C
xóm Cốc Phát	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 39"	106° 06' 35"					F-48-33-A+21-C
xóm Khau Huồng	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 04"	106° 07' 55"					F-48-33A+21-C
xóm Khau Khang	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 07"	106° 06' 08"					F-48-33A+21-C
xóm Khau Lý	DC	xã Đức Long	H. Hòa An							
xóm Khuổi Ghện	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 11"	106° 05' 42"					F-48-33A+21-C
núi Khuổi Loá	SV	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 55"	106° 04' 16"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Coóc	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 16"	106° 08' 20"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Đào - Nà Hoàng	DC	xã Đức Long	H. Hòa An							
xóm Nà Đông	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 36"	106° 07' 23"					F-48-33A+21-C
xóm Nà Đuốc	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 56"	106° 06' 46"					F-48-33A+21-C
xóm Nà Gọn	DC	xã Đức Long	H. Hòa An							
xóm Nà Hăng	DC	xã Đức Long	H. Hòa An							
xóm Nà Khau	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 05"	106° 06' 49"					F-48-33A+21-C
xóm Nà Mỏ	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 23"	106° 07' 52"					F-48-33A+21-C
xóm Nà Mỏ - Bản Mới	DC	xã Đức Long	H. Hòa An							
xóm Nà Niên	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 58"	106° 07' 22"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Pằng	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 47' 02"	106° 05' 59"					F-48-33A+21-C
Nậm Thong	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 37"	106° 06' 56"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Bần Chạp	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 04"	106° 10' 31"							F-48-33-C
xóm Bần Giải	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 54"	106° 10' 26"							F-48-33-C
xóm Bần Tấn	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 39' 55"	106° 10' 06"							F-48-33-C
xóm Bến Đò	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 59"	106° 10' 46"							F-48-33-C
xóm Bó Bùn	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 23"	106° 09' 36"							F-48-33-C
xóm Bó Léch	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 06"	106° 09' 50"							F-48-33-C
DTLS Cốc Phát	KX	xã Hoàng Tung	H. Hòa An									F-48-33-C
xóm Hào Lịch	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 51"	106° 09' 01"							F-48-33-C
xóm Ké Nồng	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 26"	106° 09' 58"							F-48-33-C
xóm Khau Luông	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 48"	106° 09' 44"							F-48-33-C
xóm Khuổi Áng	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 40' 57"	106° 09' 10"							F-48-33-C
hồ Khuổi Áng	TV	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 21"	106° 09' 26"							F-48-33-C
xóm Làng Đền	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 42' 35"	106° 10' 21"							F-48-33-C
xóm Na Lữ	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 42' 10"	106° 10' 44"							F-48-33-C
xóm Na Nám	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 40' 15"	106° 09' 21"							F-48-33-C
xóm Na Riềm	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An									
DTLS Nặm Lin	KX	xã Hoàng Tung	H. Hòa An									F-48-33-C
DTLS Ngườm Sưa	KX	xã Hoàng Tung	H. Hòa An									F-48-33-C
nhà máy Sắt Xốp	KX	xã Hoàng Tung	H. Hòa An									F-48-33-C
Bó Pía	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 35' 20"	106° 21' 58"							F-48-33-D
Chá Lầu	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 31' 14"	106° 23' 05"							F-48-33-D
núi Cốc Păng	SV	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 34' 47"	106° 20' 34"							F-48-33-D
sườn Kém Coong	TV	xã Hồng Nam	H. Hòa An			22° 34' 19"	106° 20' 19"	22° 35' 14"	106° 21' 48"			F-48-33-D
xóm Kém Coong	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 34' 57"	106° 21' 30"							F-48-33-D
Khuai Tháy	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 32' 20"	106° 21' 34"							F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Khay Tấu	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 32' 21"	106° 22' 04"					F-48-33-D
Khuổi Khun	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 32' 12"	106° 22' 58"					F-48-33-D
suối khuổi Linh	TV	xã Hồng Nam	H. Hòa An				106° 22' 20"	22° 32' 43"	106° 22' 41"	F-48-33-D
xóm Khuổi Linh	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An							
xóm Khuổi Sảng	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 31' 30"	106° 23' 16"					F-48-33-D
Linh Đầu	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 32' 49"	106° 22' 39"					F-48-33-D
Linh Nọc	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 32' 42"	106° 22' 42"					F-48-33-D
xóm Lũng Cài	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 34' 01"	106° 21' 14"					F-48-33-D
Lũng Nhùng	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 33' 47"	106° 21' 29"					F-48-33-D
Nà Mườì	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 33' 35"	106° 22' 37"					F-48-33-D
Nà Ngườm	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 31' 38"	106° 21' 52"					F-48-33-D
xóm Nà Tổng	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 33' 17"	106° 22' 38"					F-48-33-D
Ngườm Cường	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 32' 59"	106° 23' 41"					F-48-33-D
Pác Sầm	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 33' 14"	106° 23' 42"					F-48-33-D
Phia Ban	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 31' 47"	106° 23' 10"					F-48-33-D
Phia Tền	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 31' 31"	106° 22' 43"					F-48-33-D
Phiêng Phia	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 35' 00"	106° 22' 21"					F-48-33-D
xóm Phiêng Phia - Cốc Cam	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 34' 34"	106° 22' 46"					F-48-33-D
núi Tóc Lang	SV	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 34' 22"	106° 20' 53"					F-48-33-D
xóm Bản Giàng	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
xóm Bản Nưa	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An	22° 42' 33"	106° 08' 54"					F-48-33-C
sông Bằng Giàng	TV	xã Hồng Việt	H. Hòa An				106° 09' 09"	22° 42' 48"	106° 10' 11"	F-48-33-C
hang Bó Hoàì	KX	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
hang Bó Thấy	KX	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
xóm Dẻ Đóng	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An	22° 43' 36"	106° 08' 49"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình		
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối						
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
sông Dê Rào	TV	xã Hồng Việt	H. Hòa An			22° 43' 30"	106° 09' 12"			22° 43' 30"	106° 06' 06"	22° 44' 08"	106° 09' 09"	F-48-33-C
xóm Đổng Chia	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An											F-48-33-C
đền Gié Đổng	KX	xã Hồng Việt	H. Hòa An											F-48-33-C
Lũng Hoài	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An			22° 42' 09"	106° 08' 22"							F-48-33-C
xóm Lũng Pháy	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An											F-48-33-C
vách núi Lũng Sa	KX	xã Hồng Việt	H. Hòa An											F-48-33-C
xóm Nà Dưỡng	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An			22° 42' 50"	106° 08' 23"							F-48-33-C
xóm Nà Ky	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An			22° 43' 44"	106° 09' 02"							F-48-33-C
xóm Nà Mè	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An			22° 43' 32"	106° 09' 27"							F-48-33-C
xóm Nà Téng	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An											F-48-33-C
xóm Nà Vải	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An			22° 43' 57"	106° 08' 38"							F-48-33-C
xóm Nà Ván	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An											F-48-33-C
DTLS Nền nhà ông Mã Văn Hân	KX	xã Hồng Việt	H. Hòa An											F-48-33-C
hang Ngườm Bốc	KX	xã Hồng Việt	H. Hòa An											F-48-33-C
thành Nhà Mạc	KX	xã Hồng Việt	H. Hòa An											F-48-33-C
núi Phia Rạc	SV	xã Hồng Việt	H. Hòa An			22° 42' 00"	106° 07' 24"							F-48-33-C
hang Tóc Rù	KX	xã Hồng Việt	H. Hòa An											F-48-33-C
xóm Vò Ấu	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An											F-48-33-C
xóm Vò Rài	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An											F-48-33-C
xóm Gòong Chang	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An			22° 36' 35"	106° 16' 14"							F-48-33-D
xóm Gòong Nura	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An			22° 35' 52"	106° 16' 39"							F-48-33-D
súối Gòong Nura	TV	xã Lê Chung	H. Hòa An							22° 35' 56"	106° 16' 42"	22° 36' 10"	106° 16' 31"	F-48-33-D
sông Hiến	TV	xã Lê Chung	H. Hòa An							22° 37' 41"	106° 12' 58"	22° 38' 48"	106° 14' 38"	F-48-33-C
sông Hiến	TV	xã Lê Chung	H. Hòa An							22° 36' 11"	106° 13' 39"	22° 37' 42"	106° 13' 00"	F-48-33-C
súối Hồng Bạch	TV	xã Lê Chung	H. Hòa An							22° 36' 10"	106° 16' 31"	22° 36' 52"	106° 16' 04"	F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình		
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
suối Hồng Minh	TV	xã Lê Chung	H. Hòa An			22° 37' 27"	106° 15' 13"			106° 14' 30"	F-48-33-C	
núi Khuổi Cáy	SV	xã Lê Chung	H. Hòa An			22° 37' 27"	106° 15' 13"				F-48-33-D	
núi Khuổi Gòong	SV	xã Lê Chung	H. Hòa An			22° 35' 41"	106° 15' 49"				F-48-33-D	
xóm Khuổi Thán	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An			22° 34' 59"	106° 16' 01"				F-48-33-D	
suối Khuổi Thán	TV	xã Lê Chung	H. Hòa An					22° 34' 50"	106° 16' 33"	22° 35' 32"	106° 15' 09"	F-48-33-D
xóm Nà Đin	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An			22° 37' 10"	106° 13' 13"					F-48-33-C
xóm Nà Mán	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An			22° 37' 54"	106° 15' 34"					F-48-33-D
xóm Nà Mươi - Khuổi Diến	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An									
xóm Nà Tổng	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An			22° 36' 32"	106° 13' 44"					F-48-33-C
xóm Pác Háo - Nà Pin	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An			22° 37' 48"	106° 13' 24"					F-48-33-C
xóm Pác Khuổi	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An			22° 38' 34"	106° 14' 22"					F-48-33-C
khuai Quán	SV	xã Lê Chung	H. Hòa An			22° 36' 23"	106° 14' 19"					F-48-33-C
núi Tằng Xe Nhặt	SV	xã Lê Chung	H. Hòa An			22° 37' 51"	106° 15' 53"					F-48-33-D
đường tỉnh 203	KX	xã Nam Tuấn	H. Hòa An					22° 46' 56"	106° 06' 55"	22° 48' 47"	106° 06' 48"	F-48-33-A+21-C
núi Bản Chang	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An			22° 48' 15"	106° 09' 06"					F-48-33-A+21-C
xóm Bó Báng	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An			22° 47' 09"	106° 08' 12"					F-48-33-A+21-C
núi Chang Giang	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An			22° 48' 41"	106° 10' 09"					F-48-33-A+21-C
xóm Cốc Lũng	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An			22° 48' 34"	106° 07' 37"					F-48-33-A+21-C
núi Đan Khao	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An			22° 48' 36"	106° 08' 35"					F-48-33-A+21-C
núi Đan Kheo	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An			22° 49' 20"	106° 09' 37"					F-48-33-A+21-C
xóm Đông Hoan - Đông An	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An			22° 46' 58"	106° 09' 43"					F-48-33-A+21-C
xóm Đông Láng	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An			22° 47' 51"	106° 07' 27"					F-48-33-A+21-C
xóm Háng Hoá	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An			22° 47' 42"	106° 06' 32"					F-48-33-A+21-C
xóm Khau Lềm	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An			22° 45' 50"	106° 09' 41"					F-48-33-A+21-C
núi Lăng Rườn	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An			22° 48' 59"	106° 07' 46"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Lũng Cầm	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 46"	106° 08' 04"						F-48-33-A+21-C	
núi Lũng Giàng	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 34"	106° 09' 11"						F-48-33-A+21-C	
xóm Nà Ban - Pác Muồng	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 46' 46"	106° 09' 44"						F-48-33-A+21-C	
xóm Nà Đán - Vô Khuốt	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 13"	106° 07' 17"						F-48-33-A+21-C	
xóm Nà Diều	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 15"	106° 08' 24"						F-48-33-A+21-C	
xóm Nà Hoài	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 46' 45"	106° 09' 01"						F-48-33-A+21-C	
xóm Nà Khá	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 50"	106° 08' 04"						F-48-33-A+21-C	
xóm Nà Khao	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 36"	106° 07' 40"						F-48-33-A+21-C	
sườn Nà Khao	TV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An			22° 48' 31"	106° 06' 55"	22° 46' 57"	106° 07' 30"		F-48-33-A+21-C	
xóm Nà Ngòi - Chỗ Siêu	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 09"	106° 09' 02"						F-48-33-A+21-C	
xóm Nà Quý	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 36"	106° 10' 05"						F-48-33-A+21-C	
xóm Nà Rì	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 24"	106° 06' 45"						F-48-33-A+21-C	
xóm Nà Thang	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 59"	106° 06' 48"						F-48-33-A+21-C	
hang Nghi Răng	KX	xã Nam Tuấn	H. Hòa An								F-48-33-A+21-C	
Ngườm Hoài	KX	xã Nam Tuấn	H. Hòa An								F-48-33-A+21-C	
Ngườm Mác Men	KX	xã Nam Tuấn	H. Hòa An								F-48-33-A+21-C	
Ngườm Póng	KX	xã Nam Tuấn	H. Hòa An								F-48-33-A+21-C	
núi Pác My	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 58"	106° 08' 40"						F-48-33-A+21-C	
xóm Pác Pan	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 06"	106° 07' 44"						F-48-33-A+21-C	
núi Róng Răng	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 09"	106° 10' 05"						F-48-33-A+21-C	
xóm Róng Nàng	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 05"	106° 09' 25"						F-48-33-A+21-C	
xóm Tàng Cãi	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 32"	106° 06' 38"						F-48-33-A+21-C	
xóm Văn Thụ	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 49"	106° 09' 51"						F-48-33-A+21-C	
xóm Vô Chang	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 01"	106° 09' 04"						F-48-33-A+21-C	
xóm Vô Xá	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 47"	106° 09' 41"						F-48-33-A+21-C	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
quốc lộ 3	KX	xã Ngũ Lão	H. Hòa An			22° 42' 26"	106° 19' 54"	22° 42' 26"	106° 16' 49"			
xóm Bản Gùn	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 42' 19"	106° 15' 48"					F-48-33-D		
xóm Bản Mập	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 43' 28"	106° 14' 53"					F-48-33-D		
xóm Bản Phầy	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 45' 10"	106° 14' 15"					F-48-33-A+21-C		
xóm Co Pheo	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 45' 59"	106° 15' 59"					F-48-33-B		
súoi Gùn	TV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An			22° 41' 37"	106° 15' 38"	22° 41' 20"	106° 16' 15"	F-48-33-D		
núi Kéo Tắt	SV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 45' 46"	106° 14' 02"					F-48-33-A+21-C		
xóm Khuổi Hân	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 41' 33"	106° 15' 51"					F-48-33-D		
súoi Khuổi Hân	TV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An									
xóm Khuổi Hoi	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 43' 21"	106° 13' 34"					F-48-33-C		
súoi Khuổi Hoi	TV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An			22° 43' 57"	106° 13' 46"	22° 43' 23"	106° 13' 36"	F-48-33-C		
xóm Khuổi Khoán	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 44' 03"	106° 12' 50"					F-48-33-C		
súoi Khuổi Khoán	TV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An			22° 44' 49"	106° 14' 01"	22° 44' 25"	106° 13' 14"	F-48-33-C		
xóm Khuổi Lừa	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 44' 18"	106° 16' 48"					F-48-33-D		
xóm Khuổi Quán	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 43' 43"	106° 16' 20"					F-48-33-D		
núi Lũng Chính	SV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 46' 45"	106° 16' 11"					F-48-33-B		
xóm Lũng Gà	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 45' 38"	106° 16' 15"					F-48-33-B		
xóm Lũng Luông	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 45' 27"	106° 16' 17"					F-48-33-B		
xóm Lũng Nặm	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 42' 42"	106° 16' 43"					F-48-33-D		
xóm Nà Mán	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 44' 27"	106° 15' 12"					F-48-33-D		
xóm Nà Tú	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 44' 04"	106° 14' 45"					F-48-33-C		
cầu Nặm Pang	KX	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 42' 28"	106° 16' 49"					F-48-33-D		
xóm Pác Bó	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 44' 35"	106° 17' 29"					F-48-33-D		
núi Sam Tàng	SV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 43' 36"	106° 12' 58"					F-48-33-C		
núi Thảng Kiều	SV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 46' 19"	106° 16' 18"					F-48-33-B		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
trạm Thủy điện T8	KX	xã Ngự Lão	H. Hòa An	22° 41' 11"	106° 16' 33"							F-48-33-D
núi Vồ Diễm	SV	xã Ngự Lão	H. Hòa An	22° 45' 12"	106° 13' 30"							F-48-33-A+21-C
núi Xà Lửa	SV	xã Ngự Lão	H. Hòa An	22° 45' 24"	106° 16' 59"							F-48-33-B
quốc lộ 3	KX	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An					22° 43' 11"	106° 19' 54"	22° 42' 26"	106° 16' 49"	F-48-33-D
xóm An Lại	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 43' 00"	106° 19' 34"							F-48-33-D
núi An Mạ	SV	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 44' 12"	106° 17' 42"							F-48-33-D
xóm Canh Biện A	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 43' 47"	106° 18' 21"							F-48-33-D
xóm Canh Biện B	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 43' 36"	106° 18' 31"							F-48-33-D
xóm Công An	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 44' 23"	106° 18' 43"							F-48-33-D
xóm Cùm Cuối	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 43' 27"	106° 17' 42"							F-48-33-D
xóm Khau Chang	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 42' 28"	106° 19' 34"							F-48-33-D
đèo Mã Phục	SV	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 43' 33"	106° 20' 06"							F-48-33-D
xóm Nà Danh	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 43' 18"	106° 18' 59"							F-48-33-D
xóm Nậm Loát	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 42' 25"	106° 18' 06"							F-48-33-D
xóm Thang Tả	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An									F-48-33-D
núi Thang Tả	SV	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 42' 47"	106° 17' 10"							F-48-33-D
Chính Nậm	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 41' 08"	106° 17' 24"							F-48-33-D
xóm Cốc Phia	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 40' 48"	106° 18' 31"							F-48-33-D
súoi Cốc Tém	TV	xã Quang Trung	H. Hòa An					22° 38' 48"	106° 19' 36"	22° 38' 48"	106° 17' 56"	F-48-33-D
xóm Cộp Mỹ	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An									F-48-33-D
xóm Đồng Sắng	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 39' 26"	106° 19' 04"							F-48-33-D
núi Giã Vuông	SV	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 39' 12"	106° 17' 38"							F-48-33-D
súoi Gùn	TV	xã Quang Trung	H. Hòa An					22° 41' 20"	106° 16' 15"	22° 42' 25"	106° 16' 46"	F-48-33-D
núi Kề Tái	SV	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 41' 04"	106° 18' 22"							F-48-33-D
xóm Khau Súng - Khuổi Bắc	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 40' 57"	106° 17' 32"							F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Khuổi Khoang	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 40' 22"	106° 17' 55"					F-48-33-D
Lũng Pán	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 39' 39"	106° 18' 35"					F-48-33-D
núi Lũng Thau	SV	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 40' 24"	106° 19' 10"					F-48-33-D
núi Lũng Vai	SV	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 41' 19"	106° 17' 44"					F-48-33-D
Nà Cà	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 41' 47"	106° 17' 08"					F-48-33-D
Nà Phiêng	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 41' 35"	106° 17' 00"					F-48-33-D
xóm Pán Kéng	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 39' 52"	106° 17' 13"					F-48-33-D
xóm Phan Thanh	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 39' 03"	106° 19' 07"					F-48-33-D
núi Pi Ta	SV	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 41' 12"	106° 18' 49"					F-48-33-D
thủy điện Suối Cùn	KX	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 41' 11"	106° 11' 33"					F-48-33-C
núi Vô Nhật	SV	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 40' 03"	106° 17' 22"					F-48-33-D
xóm Bản Cài	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 39' 35"	106° 20' 41"					F-48-33-D
xóm Bản Đơ (Bản Đầu)	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 39' 46"	106° 20' 40"					F-48-33-D
xóm Bó Mu	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 42' 00"	106° 18' 34"					F-48-33-D
xóm Cốc Chia	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 41' 35"	106° 19' 51"					F-48-33-D
xóm Cốc Phát	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 41' 53"	106° 19' 41"					F-48-33-D
xóm Cốc Phung	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 39' 12"	106° 20' 53"					F-48-33-D
núi Đay Mả	SV	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 42' 33"	106° 20' 06"					F-48-33-D
xóm Lũng Cút	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 41' 49"	106° 20' 16"					F-48-33-D
núi Lũng Đội	SV	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 41' 05"	106° 19' 36"					F-48-33-D
xóm Lũng Mạ	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 41' 17"	106° 20' 25"					F-48-33-D
xóm Lũng Nà	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 42' 15"	106° 20' 16"					F-48-33-D
xóm Lũng Quang	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 38' 00"	106° 21' 27"					F-48-33-D
núi Lũng Sào	SV	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 41' 41"	106° 19' 13"					F-48-33-D
núi Lũng Xe	SV	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 38' 56"	106° 21' 23"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Pán Mỏ	DC	xã Trưng Vương	H. Hòa An	22° 38' 45"	106° 21' 05"							F-48-33-D
xóm Thua Tổng	DC	xã Trưng Vương	H. Hòa An	22° 41' 59"	106° 19' 01"							F-48-33-D
núi Tinh Rào	SV	xã Trưng Vương	H. Hòa An	22° 40' 38"	106° 20' 12"							F-48-33-D
xóm Bân Chang	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 42' 40"	106° 03' 29"							F-48-33-C
sông Dẻ Rào	TV	xã Trương Lương	H. Hòa An			22° 44' 43"	106° 02' 17"	22° 43' 30"	106° 06' 06"			F-48-33-C
Nhà máy Điện Nà Ngàn	KX	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 42' 06"	106° 02' 54"							F-48-33-C
xóm Giang Lâm	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 45' 07"	106° 02' 52"							F-48-33-A+21-C
xóm Giữa	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 43' 26"	106° 03' 37"							F-48-33-C
núi Kéo Nháng	SV	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 44' 13"	106° 02' 13"							F-48-33-C
núi Kéo Quảng	SV	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 44' 50"	106° 04' 30"							F-48-33-C
xóm Kéo Tầm	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 44' 44"	106° 02' 26"							F-48-33-C
núi Khuổi Ổ	SV	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 41' 48"	106° 03' 56"							F-48-33-C
súi Khuổi Tầm	TV	xã Trương Lương	H. Hòa An			22° 42' 40"	106° 04' 17"	22° 43' 15"	106° 03' 26"			F-48-33-C
Lũng Lừa	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 41' 44"	106° 03' 29"							F-48-33-C
xóm Nà Mừa	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 43' 05"	106° 03' 37"							F-48-33-C
xóm Nà Ngàn	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 42' 17"	106° 04' 02"							F-48-33-C
Nà Pài	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 42' 52"	106° 03' 28"							F-48-33-C
xóm Nà Quang	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 44' 12"	106° 03' 58"							F-48-33-C
xóm Nà Quang - Sam Luồng	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 43' 44"	106° 03' 29"							F-48-33-C
xóm Nà Quang - Tổng Hoàng	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 43' 21"	106° 04' 02"							F-48-33-C
xóm Nà Quang - Tổng Pháy	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 44' 20"	106° 03' 37"							F-48-33-C
Nà Ràng	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 44' 01"	106° 04' 29"							F-48-33-C
xóm Nà Thúm	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 43' 43"	106° 03' 12"							F-48-33-C
sông Nguyễn Bình	TV	xã Trương Lương	H. Hòa An			22° 41' 45"	106° 02' 51"	22° 44' 33"	106° 03' 38"			F-48-33-C
Phác Phèo	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 43' 04"	106° 04' 47"							F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Phía Sưa	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 42' 38"	106° 03' 33"					F-48-33-C
xóm Sam Luồng	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 43' 55"	106° 04' 02"					F-48-33-C
xóm Sĩ Liếng	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 42' 12"	106° 03' 28"					F-48-33-C
Thên Phong	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 42' 56"	106° 03' 31"					F-48-33-C
xóm Viếng	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 44' 01"	106° 03' 28"					F-48-33-C
tổ 1	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình							F-48-32-D
tổ 2	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình							F-48-32-D
tổ 5	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 39' 07"	105° 57' 16"					F-48-32-D
quốc lộ 34	KX	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình			22° 38' 53"	105° 58' 54"	22° 39' 17"	105° 58' 52"	F-48-32-D
xóm Bản Luộc	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 38' 49"	105° 56' 59"					F-48-32-D
Cáp Cỏ	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 40' 40"	105° 57' 43"					F-48-32-D
xóm Cốc Tắm	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 40' 00"	105° 58' 08"					F-48-32-D
xóm Khuổi Bó	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 39' 23"	105° 57' 53"					F-48-32-D
xóm Nà Bon	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 38' 22"	105° 57' 12"					F-48-32-D
xóm Nà Cọn	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 39' 17"	105° 58' 30"					F-48-32-D
xóm Nà Kéo	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 39' 17"	106° 59' 14"					F-48-32-D
Nà Phiêng	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 39' 16"	105° 59' 07"					F-48-32-D
xóm Pác Mần Ngoài	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 39' 30"	105° 58' 34"					F-48-32-D
xóm Pác Mần Trong	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 39' 34"	105° 58' 54"					F-48-32-D
tổ Tân Bình	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 38' 38"	105° 57' 27"					F-48-32-D
xóm Thóm Sắn	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 38' 24"	105° 57' 42"					F-48-32-D
quốc lộ 34	KX	TT. Tĩnh Túc	H. Nguyễn Bình			22° 37' 44"	105° 54' 37"	22° 39' 24"	105° 50' 44"	F-48-32-D
xóm Hồng Hà	DC	TT. Tĩnh Túc	H. Nguyễn Bình	22° 38' 45"	105° 53' 48"					F-48-32-D
tổ Hồng Hữu	DC	TT. Tĩnh Túc	H. Nguyễn Bình	22° 39' 01"	105° 53' 15"					F-48-32-D
tổ Hồng Nhị	DC	TT. Tĩnh Túc	H. Nguyễn Bình	22° 38' 38"	105° 54' 02"					F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
tổ Hồng Trung	DC	TT. Tinh Túc	H. Nguyễn Bình	22° 38' 43"	105° 53' 00"							F-48-32-D
bệnh viện Mỏ	KX	TT. Tinh Túc	H. Nguyễn Bình	22° 39' 07"	105° 53' 14"							F-48-32-D
xóm Năm Sáu	DC	TT. Tinh Túc	H. Nguyễn Bình	22° 39' 25"	105° 51' 04"							F-48-32-D
đền Ông Búa	KX	TT. Tinh Túc	H. Nguyễn Bình									
Mỏ Thiếc Tinh Túc	KX	TT. Tinh Túc	H. Nguyễn Bình	22° 39' 47"	105° 52' 20"							F-48-32-D
xóm Thơm Ó	DC	TT. Tinh Túc	H. Nguyễn Bình	22° 38' 17"	105° 54' 13"			22° 40' 15"	106° 04' 55"	22° 39' 40"	106° 02' 18"	F-48-33-C
quốc lộ 34	KX	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình									F-48-33-C
xóm Bản Chang	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình	22° 40' 42"	106° 04' 10"							F-48-33-C
xóm Bản Ính	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình	22° 39' 52"	106° 04' 27"							F-48-33-C
xóm Bản Nưa	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình	22° 40' 29"	106° 03' 59"							F-48-33-C
xóm Đông Rẻo	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình	22° 40' 44"	106° 04' 25"							F-48-33-C
xóm Khuổi Lầu	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình									
Lũng Dưng	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình	22° 40' 38"	106° 01' 55"							F-48-33-C
xóm Lũng Nặm	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình									
Lũng Rằng	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình	22° 40' 17"	106° 03' 45"							F-48-33-C
sông Nguyễn Bình	TV	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình					22° 39' 41"	106° 02' 17"	22° 41' 45"	106° 02' 51"	F-48-33-C
Tà Páng	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình	22° 40' 24"	106° 02' 40"							F-48-33-C
xóm Tà Sa	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình	22° 39' 52"	106° 02' 53"							F-48-33-C
thủy điện Tà Sa	KX	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình	22° 39' 53"	106° 02' 39"							F-48-33-C
quốc lộ 34	KX	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình					22° 42' 06"	105° 51' 42"	22° 40' 15"	106° 04' 55"	F-48-32-D
xóm Cao Lù	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 42' 51"	106° 51' 16"							F-48-32-D
xóm Khuổi Mỹ	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 42' 30"	105° 49' 28"							F-48-32-D
xóm Khuổi Ngọa	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 42' 42"	105° 51' 18"							F-48-32-D
xóm Khuổi Trà	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 44' 12"	105° 47' 10"							F-48-32-D
xóm Khuổi Trà	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 43' 00"	105° 47' 41"							F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khuổi Ứn	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 44' 16"	105° 46' 16"					F-48-32-D
xóm Khuổi Vẩy	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 43' 55"	105° 49' 13"					F-48-32-D
Kiểm Sang	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 40' 41"	105° 49' 30"					F-48-32-D
xóm Lũng Lý	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 43' 50"	105° 51' 46"					F-48-32-D
Lũng Riềm	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 44' 01"	105° 45' 18"					F-48-32-D
xóm Nà Đông	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 43' 30"	105° 45' 41"					F-48-32-D
xóm Nặm Dân	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 43' 04"	105° 48' 30"					F-48-32-D
Nặm Hùm	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 43' 27"	105° 47' 15"					F-48-32-D
Nặm Hùm	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 42' 30"	105° 46' 51"					F-48-32-D
Nặm Khâm	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 42' 40"	105° 50' 26"					F-48-32-D
xóm Nặm Kim	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 42' 25"	105° 46' 15"					F-48-32-D
sông Neo	TV	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình			22° 42' 20"	106° 49' 12"	22° 44' 25"	106° 47' 44"	F-48-32-D
xóm Nộc Soa	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 39' 57"	105° 49' 39"					F-48-32-D
suối Nộc Soa	TV	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình				105° 49' 34"	22° 41' 27"	105° 49' 44"	F-48-32-D
xóm Phiêng Pằng	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình							
Tả Phình	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 43' 43"	105° 51' 06"					F-48-32-D
xóm Xà Pằng	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 41' 40"	105° 47' 40"					F-48-32-D
Bể Nước	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình	22° 33' 35"	106° 05' 29"					F-48-33-C
xóm Đông Bao	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình	22° 37' 26"	106° 05' 17"					F-48-33-C
xóm Đông Bon	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình	22° 36' 56"	106° 05' 49"					F-48-33-C
xóm Gâm Tẹm	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình	22° 37' 05"	106° 03' 39"					F-48-33-C
núi Hoàng Quang	SV	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình	22° 38' 57"	106° 03' 11"					F-48-33-C
xóm Khuổi Hoa	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình	22° 33' 12"	106° 05' 17"					F-48-33-C
Khuổi Lài	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình	22° 36' 09"	106° 03' 58"					F-48-33-C
Khuổi Mòn	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình	22° 38' 20"	106° 03' 50"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Khuổi Phay	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình	22° 37' 15"	106° 04' 38"						F-48-33-C	
Khuổi Tân	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình	22° 37' 40"	106° 04' 13"						F-48-33-C	
Khuổi Thổ	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình	22° 35' 28"	106° 06' 16"						F-48-33-C	
xóm Nà Chấn	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình									
xóm Nà Đầu	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình	22° 36' 29"	106° 04' 58"						F-48-33-C	
xóm Nà Ngần	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình	22° 36' 48"	106° 06' 29"						F-48-33-C	
đồn Nà Ngần	KX	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình								F-48-32-C	
xóm Phiêng Châu	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình									
núi Phiêng Châu	SV	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình	22° 33' 50"	106° 04' 56"						F-48-33-C	
sông Tà Cây	TV	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình			22° 34' 15"	106° 03' 48"	22° 36' 22"	106° 04' 50"		F-48-33-C	
xóm Thang Coổng	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình									
Khuổi Thổ	TV	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình			22° 36' 09"	106° 06' 12"	22° 36' 37"	106° 06' 07"		F-48-33-C	
Trần Bằng	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình	22° 35' 11"	106° 02' 50"						F-48-33-C	
Khuổi Khim	DC	xã Hưng Đạo	H. Nguyễn Bình	22° 32' 35"	105° 56' 06"						F-48-32-D	
xóm Khuổi Lìn	DC	xã Hưng Đạo	H. Nguyễn Bình	22° 33' 17"	105° 59' 14"						F-48-32-D	
xóm Khuổi Luồng	DC	xã Hưng Đạo	H. Nguyễn Bình	22° 32' 45"	105° 58' 09"						F-48-32-D	
xóm Nà Lặng	DC	xã Hưng Đạo	H. Nguyễn Bình	22° 33' 29"	105° 57' 40"						F-48-32-D	
Nà Mía	DC	xã Hưng Đạo	H. Nguyễn Bình	22° 34' 57"	105° 56' 44"						F-48-32-D	
núi Nà Mía	SV	xã Hưng Đạo	H. Nguyễn Bình	22° 34' 57"	105° 56' 15"						F-48-32-D	
xóm Nà Niếng	DC	xã Hưng Đạo	H. Nguyễn Bình	22° 33' 17"	105° 56' 10"						F-48-32-D	
xóm Rổng Cùn	DC	xã Hưng Đạo	H. Nguyễn Bình	22° 32' 49"	105° 56' 59"						F-48-32-D	
xóm Thóm Coóc	DC	xã Hưng Đạo	H. Nguyễn Bình	22° 33' 55"	105° 55' 43"						F-48-32-D	
quốc lộ 34	KX	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình			22° 39' 36"	106° 08' 35"	22° 40' 15"	106° 04' 55"		F-48-33-C	
Bó Pha	DC	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 39' 34"	106° 07' 53"						F-48-33-C	
Đơ Si	DC	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 39' 39"	106° 06' 27"						F-48-33-C	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Kê Giã	DC	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 39' 27"	106° 05' 37"						F-48-33-C	
xóm Kê Sy	DC	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 39' 50"	106° 06' 08"						F-48-33-C	
khu Kê Sy	SV	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 39' 17"	106° 06' 19"						F-48-33-C	
xóm Lũng Hinh	DC	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 39' 58"	106° 08' 18"						F-48-33-C	
xóm Nà Bao	DC	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 40' 21"	106° 05' 12"						F-48-33-C	
xóm Nà Lặng	DC	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 39' 42"	106° 08' 24"						F-48-33-C	
xóm Nà Nội 1	DC	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 38' 18"	106° 05' 38"						F-48-33-C	
xóm Nà Nội 2	DC	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 38' 47"	106° 04' 58"						F-48-33-C	
Nà Nu	DC	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 39' 35"	106° 07' 26"						F-48-33-C	
xóm Nà Páo	DC	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 40' 00"	106° 07' 12"						F-48-33-C	
xóm Nà Po	DC	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 40' 25"	106° 06' 50"						F-48-33-C	
núi Pù Nạn	SV	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 39' 06"	106° 07' 22"						F-48-33-C	
núi Quang	SV	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 39' 42"	106° 07' 17"						F-48-33-C	
khu Tu Lùm	SV	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 38' 12"	106° 06' 32"						F-48-33-C	
xóm Bản Chang	DC	xã Mai Long	H. Nguyễn Bình	22° 38' 30"	105° 46' 26"						F-48-32-D	
xóm Bó Cạn	DC	xã Mai Long	H. Nguyễn Bình	22° 39' 22"	105° 47' 58"						F-48-32-D	
xóm Cốc Cai	DC	xã Mai Long	H. Nguyễn Bình	22° 39' 29"	105° 45' 14"						F-48-32-D	
xóm Cốc Mía	DC	xã Mai Long	H. Nguyễn Bình	22° 38' 39"	105° 45' 47"						F-48-32-D	
xóm Cốc Mòn	DC	xã Mai Long	H. Nguyễn Bình	22° 41' 13"	105° 46' 50"						F-48-32-D	
xóm Khuổi Hẩu	DC	xã Mai Long	H. Nguyễn Bình	22° 39' 53"	105° 46' 56"						F-48-32-D	
xóm Khuổi Phung	DC	xã Mai Long	H. Nguyễn Bình								F-48-32-C	
suối Khuổi Rịa	TV	xã Mai Long	H. Nguyễn Bình			22° 38' 29"	105° 44' 58"	22° 37' 38"	105° 44' 18"		F-48-32-C	
xóm Lũng Páp	DC	xã Mai Long	H. Nguyễn Bình	22° 37' 16"	105° 45' 18"						F-48-32-D	
xóm Lũng Thích	DC	xã Mai Long	H. Nguyễn Bình	22° 37' 52"	105° 46' 54"						F-48-32-D	
xóm Nà Lâm	DC	xã Mai Long	H. Nguyễn Bình	22° 38' 51"	105° 47' 01"						F-48-32-D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Ngủ	DC	xã Mai Long	H. Nguyễn Bình	22° 39' 03"	105° 45' 46"					F-48-32-D
xóm Pù Miàng	DC	xã Mai Long	H. Nguyễn Bình							F-48-32-C
xóm Sảng Lìn	DC	xã Mai Long	H. Nguyễn Bình	22° 38' 45"	105° 48' 20"					F-48-32-D
xóm Bản Cãi - Kéo Gặm	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 40' 55"	106° 06' 23"					F-48-33-C
xóm Bản Deng	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 41' 42"	106° 05' 13"					F-48-33-C
xóm Đồn Cầu	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 41' 06"	106° 05' 21"					F-48-33-C
xóm Đồng Chang	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 41' 19"	106° 05' 39"					F-48-33-C
xóm Đồng Chiêm	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 41' 05"	106° 06' 07"					F-48-33-C
xóm Gỏi Gà	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 41' 17"	106° 05' 07"					F-48-33-C
hang Kéo Quăng	KX	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình							F-48-33-C
xóm Khuổi Páng	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 41' 24"	106° 07' 11"					F-48-33-C
xóm Khuôn Nộc	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 41' 49"	106° 05' 56"					F-48-33-C
xóm Lũng Chang	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 41' 26"	106° 04' 46"					F-48-33-C
xóm Lũng Duốc	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 41' 42"	106° 04' 46"					F-48-33-C
hang Lũng Tàn	KX	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình							F-48-33-C
xóm Nà Ca	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 40' 56"	106° 05' 16"					F-48-33-C
xóm Nà Lặng	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 41' 50"	106° 06' 57"					F-48-33-C
xóm Nà Ngoã	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 41' 36"	106° 06' 30"					F-48-33-C
DTLS nền nhà ông Dương Mạc Thạch	KX	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình							F-48-33-C
xóm Nóc Mò	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình							
xóm Pác Phai	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 41' 27"	106° 05' 32"					F-48-33-C
xóm Phiang Sa	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 42' 25"	106° 05' 46"					F-48-33-C
xóm Rông Mười	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 40' 45"	106° 05' 46"					F-48-33-C
xóm Thóm Phát	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 40' 59"	106° 05' 30"					F-48-33-C
Từ	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 41' 13"	106° 06' 17"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
quốc lộ 34	KX	xã Minh Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 39' 09"	106° 00' 36"			22° 39' 40"	106° 02' 18"	22° 38' 53"	105° 58' 54"	F-48-33-C:32-D
xóm Bần Hồ	DC	xã Minh Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 39' 29"	105° 59' 38"							F-48-33-C
Bò Ca	DC	xã Minh Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 39' 04"	105° 59' 16"							F-48-32-D
Bò Vài	DC	xã Minh Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 39' 49"	106° 01' 39"							F-48-33-C
xóm Cỏ Ba	DC	xã Minh Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 39' 31"	106° 00' 31"							F-48-33-C
xóm Nà Khoang	DC	xã Minh Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 39' 17"	106° 01' 00"							F-48-33-C
xóm Nà Luộc	DC	xã Minh Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 39' 01"	106° 01' 50"							F-48-33-C
xóm Nà Rỗng	DC	xã Minh Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 39' 26"	106° 01' 51"							F-48-33-C
xóm Nà Tổng	TV	xã Minh Thanh	H. Nguyễn Bình					22° 39' 16"	106° 00' 24"	22° 39' 41"	106° 02' 17"	F-48-33-C
sông Nguyễn Bình	KX	xã Minh Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 39' 41"	106° 01' 15"							F-48-33-C
hang Thảm Lồng	DC	xã Minh Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 39' 37"	106° 00' 02"							F-48-33-C
xóm Vũ Ngựợc	DC	xã Minh Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 36' 22"	105° 47' 00"							F-48-32-D
núi Pía Nòn	SV	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 35' 08"	105° 49' 48"							F-48-32-D
xóm Bần Chiếu	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 37' 20"	105° 49' 52"							F-48-32-D
xóm Bình Đường	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 33' 56"	105° 46' 40"							F-48-32-D
núi Cà Thoong	SV	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình									F-48-32-D
xóm Cánh Cam	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 35' 55"	105° 45' 22"							F-48-32-D
Cảng Lò	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 34' 44"	105° 47' 49"							F-48-32-D
xóm Lũng Chủ	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình									F-48-32-D
xóm Nà Mùng	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình									F-48-32-D
xóm Nậm Sầu	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 36' 01"	105° 49' 46"							F-48-32-D
suối Năng	TV	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình					22° 31' 37"	105° 47' 59"	22° 36' 02"	105° 44' 44"	F-48-32-D
sông Pác Phán	TV	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình					22° 34' 21"	105° 48' 35"	22° 33' 09"	105° 47' 01"	F-48-32-D
Pác Phán	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 33' 30"	105° 47' 23"							F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Phiêng Lầu	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình							F-48-32-D
Phùng Hồ	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 37' 36"	105° 49' 19"					F-48-32-D
xóm Phùng Liáng (Phùng Lang)	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình							F-48-32-D
Sọc Lóng	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 38' 17"	105° 50' 09"					F-48-32-D
Tầm Bấu	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 36' 39"	105° 47' 50"					F-48-32-D
xóm Tổng Sinh	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 35' 38"	105° 50' 58"					F-48-32-D
đường tỉnh 212	KX	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình			22° 37' 44"	105° 54' 37"	22° 36' 17"	105° 53' 03"	F-48-32-D
xóm Nà Hảy	DC	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 37' 27"	105° 58' 13"					F-48-32-D
Cà Cháp	DC	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 37' 43"	105° 56' 44"					F-48-32-D
Canh Hội	DC	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 36' 12"	105° 57' 51"					F-48-32-D
đèo Cỏ Lì A	SV	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 36' 17"	10° 53' 03"					F-48-32-D
xóm Cốc Bó	DC	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 37' 24"	105° 54' 00"					F-48-32-D
xóm Gié Giã	DC	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 36' 49"	105° 57' 31"					F-48-32-D
xóm Khuổi Xá	DC	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 37' 23"	105° 57' 01"					F-48-32-D
xóm Lũng Mười	DC	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 36' 46"	105° 54' 41"					F-48-32-D
Nà Khuổi	DC	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 36' 39"	105° 59' 06"					F-48-32-D
xóm Nà Lèng	DC	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 36' 56"	105° 55' 33"					F-48-32-D
xóm Nà Lừa	DC	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 36' 29"	105° 58' 47"					F-48-32-D
xóm Nà Lũng		xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình							
núi Nà Nỉ	SV	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 37' 02"	105° 51' 52"					F-48-32-D
Nà Pên	DC	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 36' 43"	105° 58' 41"					F-48-32-D
xóm Nà Pung	DC	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 36' 36"	105° 56' 44"					F-48-32-D
xóm Pác Tháy	DC	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 36' 52"	105° 56' 52"					F-48-32-D
xóm Thóm Ca	DC	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 36' 08"	105° 58' 35"					F-48-32-D
xóm Vải Khao	DC	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 35' 33"	105° 55' 22"					F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình		
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
khởi Riễn	TV	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình			22° 36' 39"	106° 02' 31"	22° 35' 07"	106° 02' 19"	22° 36' 27"	106° 03' 22"	F-48-33-C
An Mã	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình			22° 36' 39"	106° 02' 31"					F-48-33-C
suối Bán Đồng	TV	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình					22° 34' 52"	105° 59' 58"	22° 34' 20"	105° 59' 00"	F-48-32-D
xóm Bán Um	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình			22° 35' 05"	106° 00' 37"					F-48-33-C
Bó Ấm	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình			22° 36' 34"	105° 59' 41"					F-48-32-D
Cốc Thỏ	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình			22° 37' 21"	105° 59' 21"					F-48-32-D
xóm Dòn Dù	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình			22° 38' 01"	105° 58' 36"					F-48-32-D
sông Hiến	TV	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình					22° 36' 13"	106° 01' 04"	22° 36' 27"	106° 03' 22"	F-48-33-C
Khu Đình	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình			22° 35' 19"	105° 58' 45"					F-48-32-D
DTLS Khu rừng Trần Hưng Đạo	KX	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình			22° 35' 33"	106° 00' 53"					F-48-33-C
xóm Nà An	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình									
xóm Nà Dù	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình			22° 36' 19"	106° 01' 53"					F-48-33-C
Nà Háng	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình			22° 36' 08"	106° 01' 14"					F-48-33-C
xóm Nà Hoàng	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình			22° 36' 47"	106° 01' 52"					F-48-33-C
Nà Lũng	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình			22° 36' 06"	105° 59' 12"					F-48-32-D
xóm Nà Mạ	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình									
sông Nà Mạ	TV	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình					22° 36' 56"	106° 00' 03"	22° 36' 13"	106° 01' 04"	F-48-33-C
xóm Nà Múc	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình			22° 36' 56"	106° 00' 17"					F-48-33-C
xóm Nà Sang	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình			22° 35' 22"	106° 01' 51"					F-48-33-C
xóm Nà Vạ	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình			22° 36' 21"	106° 01' 39"					F-48-33-C
Nà Viêng	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình			22° 36' 36"	106° 01' 55"					F-48-33-C
sông Nhiên	TV	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình					22° 34' 52"	105° 59' 58"	22° 35' 25"	106° 00' 50"	F-48-33-C
Pác Cáp	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình			22° 36' 03"	106° 00' 52"					F-48-33-C
xóm Pác Dài	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình			22° 35' 31"	106° 00' 13"					F-48-33-C
Pác Nát	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình			22° 36' 51"	10° 60' 10"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Phai Khắt	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình	22° 36' 28"	106° 00' 56"						F-48-33-C	
đồn Phai Khắt	KX	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình								F-48-33-C	
xóm Pù Mìn	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình	22° 36' 52"	106° 02' 43"						F-48-33-C	
xóm Tắt Càng	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình	22° 37' 39"	105° 59' 15"						F-48-32-D	
Thôn Hìn	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình	22° 36' 03"	106° 00' 21"						F-48-33-C	
xóm Bần Chang	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình	22° 42' 28"	106° 00' 28"						F-48-33-C	
Bó Kim	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình	22° 40' 47"	106° 00' 47"						F-48-33-C	
xóm Cốc Càng	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình	22° 41' 53"	106° 00' 02"						F-48-33-C	
núi Kéo Lũng Tan	SV	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình	22° 40' 54"	106° 00' 27"						F-48-33-C	
xóm Làng Phùng	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình	22° 40' 27"	106° 00' 13"						F-48-33-C	
xóm Lũng An	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình	22° 41' 23"	106° 00' 44"						F-48-33-C	
xóm Lũng Chang	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình	22° 39' 50"	105° 59' 29"						F-48-32-D	
Lũng Dục	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình									
xóm Lũng Ỉn	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình									
Lũng Kềng	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình									
xóm Lũng Pán	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình	22° 40' 54"	106° 01' 37"						F-48-33-C	
xóm Lũng Rào	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình	22° 40' 46"	105° 59' 38"						F-48-32-D	
xóm Lũng Vải	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình									
núi Lũng Vén	SV	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình	22° 42' 47"	106° 00' 33"						F-48-33-C	
Nậm Thong	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình	22° 41' 36"	105° 58' 12"						F-48-32-D	
xóm Pác Tu	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình									
xóm Quang Đầu	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình	22° 40' 42"	105° 58' 43"						F-48-32-D	
xóm Quang Nọc	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình	22° 40' 10"	105° 58' 53"						F-48-32-D	
xóm Toong Chính	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình									
đường tỉnh 212	KX	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình		22° 36' 17"	105° 53' 03"	22° 36' 17"	105° 48' 42"			F-48-32-D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
Bản Sẻ	DC	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình	22° 34' 21"	105° 54' 26"							F-48-32-D
núi Phía Đén	SV	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình	22° 33' 49"	105° 52' 14"							F-48-32-D
xóm Bản Chang	DC	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình	22° 31' 48"	105° 53' 20"							F-48-32-D
xóm Bản Đồng	DC	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình									
suối Bản Đồng	TV	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình			22° 31' 39"	105° 51' 37"	22° 31' 39"	105° 53' 22"			F-48-32-D
suối Bản Sẻ	TV	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình			22° 32' 29"	105° 54' 56"	22° 34' 28"	105° 54' 55"			F-48-32-D
xóm Cốc Phường	DC	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình	22° 31' 46"	105° 52' 06"							F-48-32-D
Đồi Thông	DC	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình	22° 34' 41"	105° 52' 10"							F-48-32-D
suối Khau Căng	TV	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình			22° 34' 36"	105° 53' 13"	22° 32' 57"	105° 53' 41"			F-48-32-D
xóm Khau Găng	DC	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình	22° 32' 40"	105° 54' 08"							F-48-32-D
xóm Khau Vải	DC	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình	22° 31' 28"	105° 52' 40"							F-48-32-D
xóm Lũng Quang	DC	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình	22° 34' 05"	105° 50' 21"							F-48-32-D
xóm Nà Bàn	DC	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình	22° 32' 24"	105° 50' 05"							F-48-32-D
Nà Ngặm	DC	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình	22° 31' 58"	105° 49' 11"							F-48-32-D
xóm Nà Réo	DC	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình	22° 33' 13"	105° 54' 16"							F-48-32-D
xóm Nà Vải	DC	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình	22° 31' 32"	105° 50' 07"							F-48-32-D
Nậm Dân	DC	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình	22° 31' 21"	105° 55' 06"							F-48-32-D
suối Nậm Dân	TV	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình			22° 30' 14"	105° 54' 07"	22° 31' 53"	105° 54' 39"			F-48-32-D
xóm Nậm Phiang	DC	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình									F-48-32-D
Nậm Toóng	DC	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình	22° 32' 47"	105° 51' 17"							
xóm Nhả Máng	DC	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình									
nậm Pác Khuổi Lò	TV	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình			22° 33' 39"	105° 50' 43"	22° 31' 28"	105° 48' 09"			F-48-32-D
núi Phía Chao	SV	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình	22° 34' 17"	105° 50' 43"							F-48-32-D
xóm Phía Đén	DC	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình	22° 33' 59"	105° 52' 09"							F-48-32-D
núi Phía Thán	SV	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình	22° 29' 55"	105° 54' 15"							F-48-44-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
Phiêng Phát	DC	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình	22° 32' 08"	10° 55' 23"							F-48-32-D
xóm Pù Vài	DC	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình									
xóm Tát Slâm	DC	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình									
nậm Tông	TV	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình									
xóm Bản Nùng 1	DC	xã Thế Dục	H. Nguyễn Bình									
xóm Bản Nùng 2	DC	xã Thế Dục	H. Nguyễn Bình									F-48-32-D
núi Còi Mĩ	SV	xã Thế Dục	H. Nguyễn Bình	22° 39' 00"	105° 56' 19"							F-48-32-D
núi Khuổi Âu	SV	xã Thế Dục	H. Nguyễn Bình	22° 41' 18"	105° 55' 17"							F-48-32-D
Khuổi Ngo	DC	xã Thế Dục	H. Nguyễn Bình	22° 40' 11"	105° 56' 38"							F-48-32-D
xóm Lũng Nọi	DC	xã Thế Dục	H. Nguyễn Bình									
xóm Nà Biốc	DC	xã Thế Dục	H. Nguyễn Bình	22° 40' 02"	105° 54' 55"							F-48-32-D
Nậm Ủn	DC	xã Thế Dục	H. Nguyễn Bình	22° 39' 13"	105° 55' 34"							F-48-32-D
xóm Pác Bó	DC	xã Thế Dục	H. Nguyễn Bình	22° 39' 02"	105° 55' 24"							F-48-32-D
Phia Nọi	DC	xã Thế Dục	H. Nguyễn Bình	22° 40' 38"	105° 56' 54"							F-48-32-D
xóm Phia Toọc	DC	xã Thế Dục	H. Nguyễn Bình	22° 38' 30"	105° 55' 09"							F-48-32-D
núi Sam Kha	SV	xã Thế Dục	H. Nguyễn Bình	22° 42' 09"	105° 56' 36"							F-48-32-D
Tắc Ngò	DC	xã Thế Dục	H. Nguyễn Bình	22° 41' 15"	105° 56' 01"							F-48-32-D
Tổng Đờ (Tổng Đầu)	DC	xã Thế Dục	H. Nguyễn Bình	22° 40' 03"	105° 55' 54"							F-48-32-D
xóm Tổng Ngà	DC	xã Thế Dục	H. Nguyễn Bình	22° 40' 09"	105° 55' 25"							F-48-32-D
quốc lộ 34	KX	xã Thịnh Vượng	H. Nguyễn Bình			22° 35' 20"	106° 09' 00"	22° 33' 52"	106° 06' 24"			F-48-33-C
Khuổi Bon	DC	xã Thịnh Vượng	H. Nguyễn Bình	22° 35' 20"	106° 08' 56"							F-48-33-C
xóm Khuổi Deng	DC	xã Thịnh Vượng	H. Nguyễn Bình	22° 30' 52"	106° 06' 50"							F-48-33-C
Khuổi Địa	DC	xã Thịnh Vượng	H. Nguyễn Bình	22° 31' 27"	106° 06' 16"							F-48-33-C
xóm Khuổi Pát	DC	xã Thịnh Vượng	H. Nguyễn Bình	22° 33' 33"	106° 07' 34"							F-48-33-C
xóm Khuổi Thín	DC	xã Thịnh Vượng	H. Nguyễn Bình	22° 33' 29"	106° 08' 04"							F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				VT độ (độ, phút, giây)		Kinh độ (độ, phút, giây)		VT độ (độ, phút, giây)		Kinh độ (độ, phút, giây)		
				VT độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	VT độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	VT độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
Khuổi Xóm	DC	xã Thịnh Vương	H. Nguyễn Bình	22° 34' 57"	106° 07' 13"							F-48-33-C
núi Lũng Linh	SV	xã Thịnh Vương	H. Nguyễn Bình	22° 32' 11"	106° 08' 00"							F-48-33-C
Nà Lung	DC	xã Thịnh Vương	H. Nguyễn Bình	22° 32' 22"	106° 07' 28"							F-48-33-C
Nà Pò	DC	xã Thịnh Vương	H. Nguyễn Bình	22° 32' 46"	106° 08' 51"							F-48-33-C
xóm Sẻ Pán	DC	xã Thịnh Vương	H. Nguyễn Bình	22° 34' 23"	106° 08' 26"							F-48-33-C
núi Thảm Đen	SV	xã Thịnh Vương	H. Nguyễn Bình	22° 32' 19"	106° 09' 19"							F-48-33-C
xóm Cầm Ngọa	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyễn Bình	22° 41' 48"	105° 55' 43"							F-48-32-D
xóm Đán Khao	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyễn Bình									
xóm Khau Khắc	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyễn Bình	22° 43' 54"	105° 54' 55"							F-48-32-D
xóm Khau Khít	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyễn Bình	22° 43' 09"	105° 54' 25"							F-48-32-D
xóm Khau Vai	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyễn Bình	22° 43' 01"	105° 54' 04"							F-48-32-D
xóm Khuổi Tông	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyễn Bình	22° 41' 16"	105° 54' 38"							F-48-32-D
Khuổi Vầy	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyễn Bình	22° 41' 53"	105° 54' 26"							F-48-32-D
xóm Lũng Rọc	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyễn Bình	22° 44' 27"	105° 54' 13"							F-48-32-D
xóm Nặm Rằng	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyễn Bình									
xóm Pác Tháy	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyễn Bình	22° 42' 27"	105° 54' 53"							F-48-32-D
núi Pha Giăm	SV	xã Triệu Nguyên	H. Nguyễn Bình	22° 42' 51"	105° 56' 23"							F-48-32-D
xóm Thín Pán	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyễn Bình	22° 44' 25"	105° 55' 11"							F-48-32-D
quốc lộ 34	KX	xã Vũ Nông	H. Nguyễn Bình			22° 40' 15"	105° 51' 23"	22° 42' 06"	106° 51' 42"			F-48-32-D
Bảng Nưa	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyễn Bình	22° 41' 00"	105° 53' 54"							F-48-32-D
xóm Lũng Báng	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyễn Bình									
Lũng Cóp	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyễn Bình	22° 41' 21"	105° 53' 30"							F-48-32-D
xóm Lũng Khoen	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyễn Bình	22° 39' 46"	105° 53' 33"							F-48-32-D
Lũng Kim	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyễn Bình	22° 40' 22"	105° 54' 16"							F-48-32-D
xóm Lũng Luông	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyễn Bình	22° 41' 42"	105° 51' 33"							F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Nặm	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyễn Bình	22° 39' 46"	105° 54' 15"					F-48-32-D
xóm Lũng Nọi	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyễn Bình	22° 40' 10"	105° 50' 49"					F-48-32-D
xóm Lũng Thán	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyễn Bình	22° 40' 38"	105° 52' 23"					F-48-32-D
Nậm Pha Nura	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyễn Bình	22° 40' 28"	105° 53' 27"					F-48-32-D
xóm Po Cốp	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyễn Bình							
xóm Thín San	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyễn Bình	22° 41' 12"	105° 52' 22"					F-48-32-D
Tý Hạ	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyễn Bình	22° 39' 51"	105° 53' 15"					F-48-32-D
Tý Thượng	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyễn Bình	22° 40' 03"	105° 53' 03"					F-48-32-D
xóm Xi Thầu	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyễn Bình							
xóm Xiên Piêng	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyễn Bình							
quốc lộ 34	KX	xã Yên Lạc	H. Nguyễn Bình			22° 40' 00"	105° 50' 50"	22° 42' 06"	106° 51' 42"	F-48-32-B+20-D; F-48-32-D
núi Bọ Kìa	SV	xã Yên Lạc	H. Nguyễn Bình	22° 44' 28"	105° 50' 49"					F-48-32-D
Chấp Thái	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyễn Bình	22° 46' 24"	105° 51' 21"					F-48-32-B+20-D
xóm Chi Đồi	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyễn Bình	22° 44' 46"	105° 51' 49"					F-48-32-D
xóm Khuổi Cáp	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyễn Bình							
xóm Khuổi Lũng	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyễn Bình	22° 44' 32"	105° 49' 27"					F-48-32-D
Lũng Léch	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyễn Bình	22° 45' 05"	105° 50' 49"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Ót	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyễn Bình							
xóm Lũng Sùng	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyễn Bình	22° 44' 40"	105° 50' 05"					F-48-32-D
Lũng Un	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyễn Bình	22° 45' 14"	105° 51' 30"					F-48-32-B+20-D
xóm Nặm Láng	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyễn Bình							
Nậm Puồm	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyễn Bình	22° 46' 44"	105° 49' 47"					F-48-32-B+20-D
Nậm Ràng	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyễn Bình	22° 45' 19"	105° 53' 02"					F-48-32-B+20-D
xóm Tân Pà	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyễn Bình	22° 45' 59"	105° 50' 32"					F-48-32-B+20-D
Tham Han	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyễn Bình	22° 47' 39"	105° 50' 38"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
quốc lộ 3	KX	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa			22° 30' 05"	106° 33' 31"	22° 33' 25"	106° 29' 19"		F-48-33-D	
phố Phục Hoà 1	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa								F-48-34-C+D	
xóm Bản Chàm	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 33' 10"	106° 29' 43"						F-48-33-D	
sông Bằng Giang	TV	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa			22° 32' 49"	106° 29' 29"	22° 29' 35"	106° 32' 54"		F-48-34-C+D; F-48-33-D;	
xóm Bó Chiếng	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 31' 19"	106° 32' 53"						F-48-34-C+D	
xóm Bó đa	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa									
xóm Bó Khoang	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 32' 56"	106° 30' 25"						F-48-34-C+D	
núi Bó Kim	SV	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 31' 34"	106° 31' 53"						F-48-34-C+D	
xóm Bó Pu	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa									
xóm Bó Tờ	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 30' 55"	106° 31' 58"						F-48-34-C+D	
núi Bó Xăng	SV	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 32' 46"	106° 31' 06"						F-48-34-C+D	
xóm Cải	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 30' 49"	106° 33' 11"						F-48-34-C+D	
xóm Cốc Khau	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 30' 04"	106° 32' 31"						F-48-34-C+D	
núi Khung Giáo	SV	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 32' 22"	106° 31' 29"						F-48-34-C+D	
sườn Khuổi Lầu	TV	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa			22° 31' 22"	106° 32' 17"	22° 31' 17"	106° 31' 24"		F-48-34-C+D	
núi Lũng Luồng	SV	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 31' 46"	106° 31' 51"						F-48-34-C+D	
xóm Nà Mươi	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 31' 00"	106° 32' 25"						F-48-34-C+D	
xóm Nà Rài	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 32' 22"	106° 29' 58"						F-48-34-C+D	
Nà Ráng	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 32' 37"	106° 30' 31"						F-48-34-C+D	
xóm Nà Seo	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 32' 39"	106° 30' 06"						F-48-34-C+D	
xóm Pác Bó 1	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa								F-48-34-C+D	
xóm Pác Bó 2	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa								F-48-34-C+D	
xóm Pác Tò	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 31' 46"	106° 31' 20"						F-48-34-C+D	
núi Phía Cây	SV	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 30' 34"	106° 34' 26"						F-48-34-C+D	
núi Phía Khao	SV	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 31' 08"	106° 32' 07"						F-48-34-C+D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Phía Xếp	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 30' 29"	106° 32' 53"						F-48-34-C+D	
Phục Hòa		TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa								F-48-33-D	
phố Phục Hoà 2	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa								F-48-34-C+D	
Pó Pét	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 30' 00"	106° 33' 21"						F-48-34-C+D	
xóm Pò Rịn	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 32' 07"	106° 30' 20"						F-48-34-C+D	
quốc lộ 3	KX	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa			22° 28' 28"	106° 34' 41"	22° 30' 05"	106° 33' 31"		F-48-46-A; F-48-34-C+D	
sông Bằng Giang	TV	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa			22° 30' 13"	106° 34' 45"	22° 28' 12"	106° 34' 34"		F-48-34-C+D	
xóm Bó Pét	DC	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa								F-48-34-C+D	
xóm Bó Pu	DC	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 30' 02"	106° 34' 12"						F-48-46-A	
xóm Đồng Lẻng	DC	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 29' 55"	106° 33' 54"						F-48-46-A	
Nhà máy Đường Phục Hòa	SV	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 29' 32"	106° 33' 10"						F-48-46-A	
xóm Hưng Long	DC	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 29' 29"	106° 34' 12"						F-48-46-A	
núi Kỳ Lân	SV	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 29' 48"	106° 34' 43"						F-48-46-A	
xóm Pác Phéc	DC	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 29' 26"	106° 33' 09"						F-48-46-A	
núi Phía Cây	SV	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 30' 16"	106° 34' 08"						F-48-34-C+D	
xóm Phía Khoang	DC	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 29' 08"	106° 34' 39"						F-48-46-A	
xóm Pò Tập	DC	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 28' 40"	106° 34' 35"						F-48-46-A	
cửa khẩu Tà Lùng	KX	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 28' 28"	106° 34' 41"						F-48-46-A	
cầu Thủy Khẩu	KX	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 28' 28"	106° 34' 41"						F-48-46-A	
sông Bắc Vọng	TV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa			22° 35' 50"	106° 35' 55"	22° 36' 34"	106° 33' 03"		F-48-34-C+D	
xóm Bản Mến	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 33' 55"	106° 32' 25"						F-48-34-C+D	
xóm Bản Mỏ	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 34' 06"	106° 32' 11"						F-48-34-C+D	
xóm Bản Riêng Dưới	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 34' 44"	106° 33' 37"						F-48-34-C+D	
xóm Bản Riêng Trên	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 34' 26"	106° 33' 50"						F-48-34-C+D	
xóm Bó An	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 33' 47"	106° 32' 26"						F-48-34-C+D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
Bó Dạ	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 34' 27"	106° 32' 39"						F-48-34-C+D	
núi Cách Linh	SV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 35' 02"	106° 31' 17"						F-48-34-C+D	
xóm Cách Linh 1	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa								F-48-34-C+D	
xóm Cách Linh 2	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa								F-48-34-C+D	
núi Chọc Rầy	SV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 34' 36"	106° 31' 57"						F-48-34-C+D	
núi Chọc Sước	SV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 34' 55"	106° 35' 41"						F-48-34-C+D	
núi Cốc Sàng	SV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 33' 55"	106° 32' 44"						F-48-34-C+D	
núi Đồng Âm	SV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 34' 15"	106° 35' 37"						F-48-34-C+D	
xóm Đông Chiêu	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 34' 28"	106° 32' 25"						F-48-34-C+D	
đầy núi Khau Luông	SV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 35' 01"	106° 32' 46"						F-48-34-C+D	
xóm Khưa Đa	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa								F-48-34-C+D	
suối Khuổi Lầu	TV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa			22° 34' 42"	106° 32' 32"	22° 33' 34"	106° 32' 20"			
xóm Khuổi Luông	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa									
suối Khuổi Luông	TV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa			22° 35' 08"	106° 33' 58"	22° 35' 32"	106° 34' 15"		F-48-34-C+D	
xóm Khuổi Piao	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 35' 15"	106° 35' 43"						F-48-34-C+D	
xóm Khuổi Xám	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 35' 04"	106° 35' 09"						F-48-34-C+D	
suối Khuổi Xám	TV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa			22° 35' 02"	106° 34' 13"	22° 35' 41"	106° 34' 26"		F-48-34-C+D	
núi Lãng Hoài	SV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 35' 15"	106° 33' 06"						F-48-34-C+D	
xóm Lãng Hoài Nọc	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 35' 42"	106° 31' 54"						F-48-34-C+D	
núi Lũng Cản	SV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 34' 01"	106° 33' 41"						F-48-34-C+D	
Lũng Hoài	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 34' 32"	106° 35' 14"						F-48-34-C+D	
núi Lũng Phăng	SV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 34' 01"	106° 33' 01"						F-48-34-C+D	
xóm Lũng Thính	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa									
xóm Lũng Vài	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa									
xóm Nọc Tổng	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 36' 03"	106° 31' 22"						F-48-34-C+D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
Pồ	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 34' 35"	106° 33' 01"						F-48-34-C+D	
suối Pồ Tềng	TV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa			22° 34' 14"	106° 33' 52"	22° 34' 40"	106° 33' 28"		F-48-34-C+D	
núi Pồ Tỷ Nằng	SV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 35' 04"	106° 33' 42"						F-48-34-C+D	
suối Bắc Vọng	TV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa			22° 31' 03"	106° 34' 48"	22° 33' 50"	106° 36' 06"		F-48-34-C+D	
xóm Bản Chang	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 34' 40"	106° 30' 19"						F-48-34-C+D	
xóm Bản Chu	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa									
xóm Bản Mấy	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 32' 24"	106° 34' 24"						F-48-34-C+D	
xóm Bản Mới	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 32' 55"	106° 31' 59"						F-48-34-C+D	
suối Bản Sát	TV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa			22° 33' 37"	10° 63' 40"	22° 33' 08"	106° 34' 47"		F-48-34-C+D	
xóm Bó Luồng	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 31' 29"	106° 32' 41"						F-48-34-C+D	
núi Bó Mệ	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 32' 19"	106° 33' 07"						F-48-34-C+D	
xóm Bó Nộc - Bó Tềng	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 12"	106° 32' 46"						F-48-34-C+D	
suối Bó Tềng	TV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa			22° 33' 29"	106° 32' 46"	22° 31' 56"	106° 33' 47"		F-48-34-C+D	
xóm Cốc Khuyết	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 34' 18"	106° 30' 30"						F-48-34-C+D	
xóm Cốc Lũng	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa									
xóm Cốc Phường	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 31' 42"	106° 33' 59"						F-48-34-C+D	
núi Cốc Phường	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 31' 31"	106° 33' 12"						F-48-34-C+D	
núi Kéo Hích	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 32' 14"	106° 34' 52"						F-48-34-C+D	
xóm Không Vắc - Răng Kéo	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 30"	106° 32' 06"						F-48-34-C+D	
xóm Khưa Ninh	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa									
suối Khuổi Lầu	TV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa			22° 32' 59"	106° 32' 11"	22° 31' 22"	106° 32' 17"		F-48-34-C+D	
núi Lăng Rườn	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 35"	106° 35' 17"						F-48-34-C+D	
núi Lũng Cản	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 45"	106° 34' 37"						F-48-34-C+D	
Lũng Lầu	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 32' 32"	106° 33' 26"						F-48-34-C+D	
núi Lũng Mấy	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 31' 39"	106° 34' 43"						F-48-34-C+D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Lũng Nâu	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 32' 04"	106° 34' 07"						F-48-34-C+D	
núi Lũng Nọi	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 26"	106° 34' 50"						F-48-34-C+D	
núi Lũng Nưa	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 56"	106° 35' 37"						F-48-34-C+D	
xóm Lũng Ôm	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 31' 17"	106° 34' 47"						F-48-34-C+D	
xóm Lũng Riêng	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 28"	106° 33' 35"						F-48-34-C+D	
núi Lũng Ruồm	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 30' 59"	106° 34' 30"						F-48-34-C+D	
núi Lũng Tém	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 31' 11"	106° 34' 15"						F-48-34-C+D	
Lũng Thính	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 34' 28"	106° 31' 21"						F-48-34-C+D	
núi Lũng Vải	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 34' 03"	106° 35' 00"						F-48-34-C+D	
xóm Nà Chích	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 17"	106° 35' 33"						F-48-34-C+D	
suối Nà Niếng	TV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa			22° 33' 18"	106° 35' 02"	22° 33' 06"	106° 35' 23"		F-48-34-C+D	
núi Ngườm Khoen	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 31' 25"	106° 33' 56"						F-48-34-C+D	
Pác Liêng	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 32' 55"	106° 35' 14"						F-48-34-C+D	
núi Phía Đeng	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 47"	106° 33' 11"						F-48-34-C+D	
núi Phía Lắc	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 32' 46"	106° 33' 05"						F-48-34-C+D	
núi Phía Luông	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 09"	106° 32' 30"						F-48-34-C+D	
núi Ro Miếng	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 36"	106° 34' 17"						F-48-34-C+D	
xóm Sát Thượng	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 05"	106° 34' 28"						F-48-34-C+D	
xóm Thang Nà	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa									
đập Thùng Quáy	KX	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 51"	106° 36' 06"						F-48-34-C+D	
Bó Pha	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa									
xóm Bó Sắng	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 38' 19"	106° 30' 30"						F-48-34-C+D	
xóm Cốc Chia	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa									
xóm Cốc Đưa	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 38' 10"	106° 31' 16"						F-48-34-C+D	
núi Ga Ma	SV	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 36' 47"	106° 32' 09"						F-48-34-C+D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)			
xóm Hương Lỵ	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 38' 19"	106° 32' 01"						F-48-34-C+D	
xóm Kéo Nạn	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 36' 44"	106° 31' 20"						F-48-34-C+D	
xóm Khưa Mạnh	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 36' 17"	106° 31' 45"						F-48-34-C+D	
núi Lũng Lạc	SV	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 39' 55"	106° 31' 20"						F-48-34-C+D	
Lũng Liêng	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 38' 03"	106° 30' 57"						F-48-34-C+D	
Nà Nhục	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 38' 45"	106° 31' 24"						F-48-34-C+D	
xóm Nà Pải	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 38' 46"	106° 31' 39"						F-48-34-C+D	
xóm Nà Suối A	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa								F-48-34-C+D	
xóm Nà Suối B	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa								F-48-34-C+D	
núi Sà Lai	SV	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 36' 49"	106° 30' 39"						F-48-34-C+D	
xóm Ta Lạc	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 39' 07"	106° 31' 09"						F-48-34-C+D	
xóm Thưa Khưa	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 39' 01"	106° 31' 18"						F-48-34-C+D	
quốc lộ 3	KX	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa			22° 33' 25"	106° 29' 19"	22° 35' 03"	106° 28' 24"		F-48-34-C+D; F-48-33-D	
xóm Bản Chang	DC	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa	22° 33' 56"	106° 28' 34"						F-48-33-D	
xóm Bản Rằm	DC	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa	22° 32' 57"	106° 28' 59"						F-48-33-D	
Sông Bằng Giang	TV	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa									
xóm Búng Ổ	DC	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa	22° 33' 09"	106° 28' 57"						F-48-33-D	
núi Đồng Sung	SV	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa	22° 33' 46"	106° 27' 12"						F-48-33-D	
đèo Khau Chĩa	SV	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa	22° 33' 37"	106° 28' 59"						F-48-33-D	
núi Khau Chĩa	SV	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa	22° 34' 35"	106° 29' 14"						F-48-33-D	
xóm Lũng Chĩa	DC	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa	22° 33' 46"	106° 29' 29"						F-48-33-D	
xóm Lũng Cọ	DC	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa	22° 34' 47"	106° 28' 43"						F-48-33-D	
xóm Nà Dạ	DC	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa	22° 34' 10"	106° 27' 46"						F-48-33-D	
núi Phía Luông	SV	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa	22° 34' 33"	106° 27' 59"						F-48-33-D	
suối Sầm Xuyên	TV	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa			22° 32' 49"	106° 29' 25"	22° 34' 41"	106° 27' 20"		F-48-33-D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
đường tỉnh 208	KX	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa			22° 29' 10"	106° 32' 02"	22° 31' 56"	106° 30' 31"	22° 30' 20"	106° 28' 24"	F-48-33-C; F-48-33-D
núi Ai Nhì	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa									F-48-46-A
xóm Bản Đor (Bản Đầu)	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa									
	TV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa					22° 30' 21"	106° 28' 25"	22° 31' 37"	106° 30' 40"	F-48-33-D; F-48-34-C+D
suối Bản Neng	TV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa					22° 27' 58"	106° 31' 26"	22° 27' 29"	106° 32' 04"	F-48-46-A
suối Bản Phán	TV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa					22° 32' 46"	106° 28' 43"	22° 28' 24"	106° 34' 17"	F-48-33-D; F-48-34-C+D;
sông Bằng Giang	TV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa									F-48-34-C+D
xóm Bó Léch	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 31' 37"	106° 30' 53"	22° 31' 37"	106° 30' 53"					F-48-34-C+D
núi Hắc Lương	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 30' 46"	106° 30' 53"	22° 30' 46"	106° 30' 53"					F-48-46-A
núi Hia Nhan	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 28' 08"	106° 32' 30"	22° 28' 08"	106° 32' 30"					F-48-46-A
núi Khuổi Thồm	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 31' 10"	106° 29' 11"	22° 31' 10"	106° 29' 11"					F-48-33-D
núi Kì Dép	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 28' 51"	106° 32' 15"	22° 28' 51"	106° 32' 15"					F-48-46-A
xóm Lăng Bản	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa									
xóm Lập Phán	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 27' 52"	106° 31' 57"	22° 27' 52"	106° 31' 57"					F-48-46-A
núi Lũng Om	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	2° 22' 88"	106° 33' 29"	2° 22' 88"	106° 33' 29"					F-48-46-A
xóm Lũng Vải	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa									
núi Mã Lâm	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 28' 35"	106° 32' 29"	22° 28' 35"	106° 32' 29"					F-48-46-A
núi Mã Quỳnh	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 27' 44"	106° 32' 14"	22° 27' 44"	106° 32' 14"					F-48-46-A
xóm Máu	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 28' 56"	106° 33' 10"	22° 28' 56"	106° 33' 10"					F-48-46-A
Mới	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 29' 59"	106° 31' 56"	22° 29' 59"	106° 31' 56"					F-48-34-C+D
xóm Nà Bó	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 31' 25"	106° 30' 27"	22° 31' 25"	106° 30' 27"					F-48-34-C+D
xóm Nà Chảo	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa									
Nà Lập	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 27' 59"	106° 32' 25"	22° 27' 59"	106° 32' 25"					F-48-46-A
xóm Nà Léch	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa									
xóm Nà Phưởng	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa									
xóm Nà Quang	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 30' 04"	106° 31' 34"	22° 30' 04"	106° 31' 34"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Nà Riêng	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 29' 31"	106° 32' 34"							F-48-46-A
xóm Nà Thám	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 29' 02"	106° 33' 40"							F-48-46-A
núi Nà Vén	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 28' 14"	106° 31' 30"							F-48-46-A
Nậm Khao	KX	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa									F-48-33-C; F-48-33-D
xóm Nậm Tộc	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa									
Ngườm Lồm	KX	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa									F-48-33-C; F-48-33-D
núi Phe Rượt	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 28' 52"	106° 32' 49"							F-48-46-A
núi Pho Luông	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 29' 22"	106° 31' 46"							F-48-46-A
xóm Pò Hấu	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa									
núi Rông Cài	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 28' 16"	106° 31' 47"							F-48-46-A
xóm Tục Mỹ	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 31' 34"	106° 30' 30"							F-48-34-C+D
xóm Ba Liên	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 32' 29"	106° 26' 22"							F-48-33-D
xóm Bản Chập	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 32' 43"	106° 26' 06"							F-48-33-D
xóm Bản Ruồng	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 30' 50"	106° 27' 03"							F-48-33-D
sông Bằng Giang	TV	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa			22° 33' 08"	106° 23' 49"	22° 32' 46"	106° 28' 42"			F-48-33-D
xóm Bình Lâu - Thác Lao	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa									
núi Chư Giai	SV	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 30' 31"	106° 26' 59"							F-48-33-D
núi Cốc Đưa	SV	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 30' 43"	106° 28' 19"							F-48-33-D
súi Giưỡng	TV	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa			22° 30' 32"	106° 27' 15"	22° 32' 40"	106° 25' 35"			F-48-33-D
xóm Khau Chẻ	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 32' 18"	106° 23' 55"							F-48-33-D
súi Khuổi Ến	TV	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa			22° 30' 24"	106° 27' 44"	22° 32' 46"	106° 28' 43"			F-48-33-D
Lầu Nưa	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 33' 09"	106° 25' 11"							F-48-33-D
Lầu Tắt	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 33' 36"	106° 25' 31"							F-48-33-D
Nà Khao	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 31' 52"	106° 28' 03"							F-48-33-D
xóm Nà Mười	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 32' 14"	106° 25' 59"							F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Nà Phia	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 31' 54"	106° 26' 27"							F-48-33-D
xóm Ngườm Cường	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa									
xóm Nura Khau	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 32' 12"	106° 26' 50"							F-48-33-D
núi Pà Nốt	SV	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 33' 14"	106° 26' 10"							F-48-33-D
xóm Pác Rắc - Lũng Liêng	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 34' 07"	106° 26' 26"							F-48-33-D
xóm Pác Răm	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa									
núi Phia Giã	SV	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 31' 52"	106° 25' 22"							F-48-33-D
núi Phia Khao	SV	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 31' 30"	106° 26' 04"							F-48-33-D
núi Phia Sung	SV	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 30' 59"	106° 26' 21"							F-48-33-D
xóm Phiêng Cộn - Hàng Mầu	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 34' 01"	106° 25' 39"							F-48-33-D
núi Pò Mệt	SV	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 32' 17"	106° 24' 25"							F-48-33-D
núi Pù Biểu	SV	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 32' 39"	106° 27' 18"							F-48-33-D
núi Róng Nội	SV	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 31' 51"	106° 27' 10"							F-48-33-D
sông Bắc Vọng	TV	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa			22° 40' 22"	106° 35' 04"	22° 35' 50"	106° 35' 55"			F-48-34-C+D
xóm Bàn Buổng	DC	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa	22° 37' 17"	106° 32' 48"							F-48-34-C+D
xóm Bàn Co	DC	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa	22° 39' 11"	106° 35' 15"							F-48-34-C+D
xóm Bàn Sàng	DC	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa									
Hoàng Xá	DC	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa									
xóm Khún Hạ	DC	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa	22° 38' 07"	106° 34' 19"							F-48-34-C+D
xóm Khún Thượng	DC	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa	22° 37' 30"	106° 34' 50"							F-48-34-C+D
sông Khuổi Kheng	TV	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa			22° 36' 52"	106° 34' 29"	22° 37' 40"	106° 33' 37"			F-48-34-C+D
xóm Khuổi Khuông	DC	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa	22° 37' 35"	106° 33' 42"							F-48-34-C+D
Khuổi Rung	DC	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa									
núi Lũng Phia	SV	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa	22° 38' 17"	106° 32' 32"							F-48-34-C+D
Nà Khọt	DC	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa	22° 38' 40"	106° 34' 26"							F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Nà Loá	DC	xã Triệu Ấu	H. Phúc Hòa	22° 39' 39"	106° 35' 06"						F-48-34-C+D	
Nà Pải	DC	xã Triệu Ấu	H. Phúc Hòa	22° 39' 28"	106° 35' 26"						F-48-34-C+D	
xóm Nà Sao	DC	xã Triệu Ấu	H. Phúc Hòa	22° 37' 33"	106° 32' 37"						F-48-34-C+D	
núi Pác Mơ	SV	xã Triệu Ấu	H. Phúc Hòa	22° 36' 25"	106° 35' 25"						F-48-34-C+D	
xóm Phía Chiều	DC	xã Triệu Ấu	H. Phúc Hòa									
xóm Roong Phàng	DC	xã Triệu Ấu	H. Phúc Hòa									
xóm Tha Miang	DC	xã Triệu Ấu	H. Phúc Hòa	22° 37' 12"	106° 33' 07"						F-48-34-C+D	
đường tỉnh 206	KX	TT. Quảng Uyên	H. Quảng Uyên			22° 41' 53"	106° 26' 28"	22° 41' 24"	106° 26' 27"		F-48-33-D	
miếu Bách Linh	KX	TT. Quảng Uyên	H. Quảng Uyên								F-48-33-D	
Đầu Khung	DC	TT. Quảng Uyên	H. Quảng Uyên									
tổ dân phố Đông Thái	DC	TT. Quảng Uyên	H. Quảng Uyên	22° 41' 44"	106° 26' 36"						F-48-33-D	
tổ dân phố Hòa Bình	DC	TT. Quảng Uyên	H. Quảng Uyên									
tổ dân phố Hoà Nam	DC	TT. Quảng Uyên	H. Quảng Uyên	22° 41' 31"	106° 26' 20"						F-48-33-D	
tổ dân phố Hòa Trung	DC	TT. Quảng Uyên	H. Quảng Uyên									
tổ dân phố Hồng Thái	DC	TT. Quảng Uyên	H. Quảng Uyên									
tổ dân phố Phố Cũ	DC	TT. Quảng Uyên	H. Quảng Uyên	22° 41' 48"	106° 26' 25"						F-48-33-D	
tổ dân phố Phố Mới	DC	TT. Quảng Uyên	H. Quảng Uyên									
sông Bắc Vọng	TV	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên			22° 43' 50"	106° 28' 00"	22° 43' 00"	106° 28' 54"		F-48-33-D	
xóm Bản Nưa	DC	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 43' 02"	106° 30' 57"						F-48-34-C+D	
núi Bo Sám	SV	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 43' 24"	106° 29' 38"						F-48-33-D	
xóm Đaur Răng - Nà Đaur	DC	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 42' 55"	106° 30' 29"						F-48-34-C+D	
xóm Khung Lũng	DC	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 43' 11"	106° 29' 06"						F-48-33-D	
núi Lũng Lạn	SV	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 43' 25"	106° 30' 11"						F-48-34-C+D	
núi Nà	SV	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 42' 52"	106° 29' 36"						F-48-33-D	
xóm Nà Chá 1	DC	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 43' 33"	106° 28' 47"						F-48-33-D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Nà Chá 2	DC	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 44' 16"	106° 28' 28"						F-48-33-D	
xóm Nà Chá 3	DC	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 43' 39"	106° 28' 16"						F-48-33-D	
xóm Nà Lèng 1	DC	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên								F-48-33-D	
xóm Nà Lèng 2	DC	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên								F-48-33-D	
núi Nhà Làng	SV	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 43' 59"	106° 30' 18"						F-48-34-C+D	
xóm Nưa Thóm	DC	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 43' 18"	106° 30' 27"						F-48-34-C+D	
núi Pò Cáy	SV	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 43' 54"	106° 28' 13"						F-48-33-D	
xóm Sộc Lạn	DC	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên									
Thống Khuôn	DC	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 43' 13"	106° 30' 03"						F-48-34-C+D	
đường tỉnh 207	KX	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên			22° 41' 08"	106° 30' 24"	22° 41' 51"	106° 34' 03"		F-48-34-C+D	
xóm Bản Un	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên	22° 40' 56"	106° 32' 29"						F-48-34-C+D	
xóm Bản Vươn	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên									
xóm Báng Hạ	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên									
xóm Báng Trên	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên									
Cốc Cuối	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên	22° 40' 16"	106° 33' 27"						F-48-34-C+D	
xóm Háng Chấu	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên									
xóm Kéo Quân - Nặm Cáp	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên	22° 41' 17"	106° 33' 32"						F-48-34-C+D	
đèo Khau Môn	SV	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên	22° 41' 53"	106° 33' 38"						F-48-34-C+D	
Lũng Guộc	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên	22° 39' 42"	106° 32' 30"						F-48-34-C+D	
xóm Lũng Hoài - Đổng Mo	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên	22° 41' 09"	106° 30' 46"						F-48-34-C+D	
xóm Lũng Luông	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên	22° 40' 35"	106° 33' 54"						F-48-34-C+D	
Lũng Nội	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên	22° 40' 46"	106° 33' 28"						F-48-34-C+D	
xóm Lũng Ra	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên	22° 39' 49"	106° 33' 38"						F-48-34-C+D	
Lũng Thán	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên									
núi Lũng Thang	SV	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên	22° 40' 34"	106° 30' 14"						F-48-34-C+D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lũng Vọng	SV	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên	22° 39' 10"	106° 33' 55"					F-48-34-C+D
suối Luộc Cương	TV	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên							
xóm Nà Tấu	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên	22° 40' 26"	106° 30' 11"					F-48-34-C+D
xóm Pác Nặm	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên	22° 41' 05"	106° 31' 50"					F-48-34-C+D
Pác Sau	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên							
xóm Phía Chín	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên	22° 40' 10"	106° 32' 28"					F-48-34-C+D
núi Phía Linh	SV	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên	22° 41' 39"	106° 31' 33"					F-48-34-C+D
xóm Rằng Vỹ - Thịnh Khau	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên	22° 41' 56"	106° 32' 25"					F-48-34-C+D
Tấu Nặm	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên	22° 39' 01"	106° 32' 33"					F-48-34-C+D
xóm Thương Lũng	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên	22° 40' 27"	106° 31' 09"					F-48-34-C+D
xóm Thịnh Phú	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên							
xóm Thông Than	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên	22° 41' 58"	106° 33' 04"					F-48-34-C+D
quốc lộ 3	KX	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên			22° 39' 42"	106° 26' 22"	22° 41' 24"	106° 25' 44"	F-48-33-D
xóm An Mạ	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 40' 58"	106° 26' 57"					F-48-33-D
xóm Bó Cái	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 40' 36"	106° 28' 40"					F-48-33-D
xóm Canh Man	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 40' 15"	106° 26' 16"					F-48-33-D
xóm Cốc Coóc	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên							
xóm Cốc Tấn	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 41' 01"	106° 26' 26"					F-48-33-D
xóm Đồng Ất - Lũng Phầy	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 41' 07"	106° 26' 14"					F-48-33-D
Đông Bó Linh	KX	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên							F-48-33-D
xóm Giao Hạ	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên							
xóm Giao Thượng	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên							
núi Khâm Phục	SV	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 39' 33"	106° 26' 56"					F-48-33-D
Khò Ma	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 39' 36"	106° 29' 23"					F-48-33-D
xóm Khưa Lay	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 39' 53"	106° 29' 20"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Lũng Lù	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 39' 52"	106° 27' 28"						F-48-33-D	
xóm Lũng Lý	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 41' 06"	106° 27' 58"						F-48-33-D	
xóm Lũng Miêng	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 40' 05"	106° 29' 16"						F-48-33-D	
xóm Lũng Ngườm	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 39' 57"	106° 26' 43"						F-48-33-D	
xóm Lũng Ngươi	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 41' 39"	106° 27' 26"						F-48-33-D	
xóm Lũng Nu	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 38' 59"	106° 27' 46"						F-48-33-D	
Lũng Ổ	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 41' 27"	106° 26' 01"						F-48-33-D	
Lũng Roạt	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 40' 23"	106° 28' 44"						F-48-33-D	
xóm Nà Rạc	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 40' 32"	106° 27' 23"						F-48-33-D	
xóm Pắc Nà - Kéo Pắc	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 38' 59"	106° 30' 13"						F-48-34-C+D	
núi Phia Khao	SV	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 41' 14"	106° 28' 17"						F-48-33-D	
xóm Sai Khang	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 39' 08"	106° 29' 46"						F-48-33-D	
xóm Tắc Kha	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 40' 09"	106° 28' 02"						F-48-33-D	
xóm Tộc Ngón	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 41' 37"	106° 26' 49"						F-48-33-D	
xóm Bản Chang	DC	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 41' 14"	106° 21' 14"						F-48-33-D	
xóm Cỏ Ra	DC	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 40' 41"	106° 21' 23"						F-48-33-D	
xóm Cốc Phèo - Pò Rẻ	DC	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 40' 54"	106° 21' 31"						F-48-33-D	
xóm Lạn Dưới	DC	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 41' 09"	106° 22' 30"						F-48-33-D	
xóm Lạn Trên	DC	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 41' 32"	106° 22' 02"						F-48-33-D	
núi Lũng Vai	SV	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 41' 47"	106° 21' 22"						F-48-33-D	
xóm Lũng Vải	DC	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 40' 27"	106° 22' 00"						F-48-33-D	
xóm Pắc Cạm	DC	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 41' 24"	106° 21' 29"						F-48-33-D	
xóm Pắc Tàn	DC	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 39' 37"	106° 22' 02"						F-48-33-D	
núi Tắc Kheo	SV	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 41' 45"	106° 20' 51"						F-48-33-D	
núi Tát Khao	SV	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 39' 16"	106° 21' 43"						F-48-33-D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Thang Lũng	DC	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 40' 21"	106° 21' 35"						F-48-33-D	
xóm Thiêng Vải	DC	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 40' 38"	106° 21' 36"						F-48-33-D	
đường tỉnh 207	KX	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên			22° 41' 08"	106° 30' 24"	22° 42' 43"	106° 27' 04"		F-48-34-C+D; F-48-33-D	
sông Bắc Vọng	TV	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên			22° 43' 00"	106° 28' 54"	22° 40' 21"	106° 29' 56"		F-48-33-D	
xóm Chấm Ché	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 42' 09"	106° 27' 59"						F-48-33-D	
xóm Đồng Pán 1	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 41' 17"	106° 30' 10"						F-48-34-C+D	
xóm Đồng Pán 2	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 41' 17"	106° 30' 10"						F-48-34-C+D	
xóm Đồng Pán 3	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 41' 17"	106° 30' 10"						F-48-34-C+D	
núi Khau Kheo	SV	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 41' 54"	106° 30' 27"						F-48-34-C+D	
Khôn Pán	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 41' 44"	106° 30' 15"						F-48-34-C+D	
hồ Khưa Luông	TV	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên			22° 40' 38"	106° 29' 47"	22° 40' 38"	106° 29' 47"		F-48-33-D	
Lũng Rằm	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 41' 31"	106° 29' 40"						F-48-33-D	
xóm Nà Châu	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 41' 50"	106° 29' 19"						F-48-33-D	
xóm Nà Phục	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 41' 54"	106° 28' 38"						F-48-33-D	
xóm Nà Sao	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 42' 29"	106° 28' 36"						F-48-33-D	
thủy điện Nà Tở (Nà Tàur)	KX	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 42' 01"	106° 28' 44"						F-48-33-D	
xóm Nà Vương 1	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên								F-48-33-D	
xóm Nà Vương 2	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 41' 21"	106° 29' 07"						F-48-33-D	
xóm Nặm Pán	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 42' 38"	106° 27' 17"						F-48-33-D	
cầu Ngườm Đăn	KX	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 42' 10"	106° 27' 41"						F-48-33-D	
xóm Pác Đa	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 41' 03"	106° 29' 32"						F-48-33-D	
Pắc Không	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 42' 34"	106° 27' 30"						F-48-33-D	
xóm Pác Lũng	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 42' 35"	106° 29' 01"						F-48-33-D	
Pắc Mát	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 42' 19"	106° 27' 30"						F-48-33-D	
xóm Phò Muông	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 42' 05"	106° 28' 36"						F-48-33-D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Chấm Chè	SV	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 33' 45"	106° 24' 15"						F-48-33-D	
xóm Cốc Chia	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 36' 29"	106° 24' 49"						F-48-33-D	
xóm Lũng Cà - Lũng Kít	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 34' 48"	106° 24' 13"						F-48-33-D	
xóm Lũng Muồng 1	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 35' 19"	106° 24' 55"						F-48-33-D	
xóm Lũng Muồng 2	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 35' 03"	106° 24' 32"						F-48-33-D	
xóm Lũng Muồng 3	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên									
xóm Lũng Nhân	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 36' 15"	106° 24' 01"						F-48-33-D	
xóm Lũng Ô - Lũng Đầy	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 35' 37"	106° 23' 29"						F-48-33-D	
Lũng Tân	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 35' 33"	106° 23' 09"						F-48-33-D	
xóm Lũng Tân - Lũng Nhùng	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 35' 08"	106° 23' 22"						F-48-33-D	
xóm Lũng Thốc	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 34' 09"	106° 24' 16"						F-48-33-D	
xóm Nà Tha	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 36' 48"	106° 25' 26"						F-48-33-D	
xóm Thông Thá	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 36' 06"	106° 24' 20"						F-48-33-D	
núi Y Hà	SV	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 34' 29"	106° 23' 35"						F-48-33-D	
quốc lộ 3	KX	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên			22° 36' 27"	106° 28' 02"	22° 39' 42"	106° 26' 22"		F-48-33-D	
xóm Bản Vện	KX	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 37' 08"	106° 27' 18"						F-48-33-D	
xóm Bó Luồng	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 37' 23"	106° 27' 39"						F-48-33-D	
xóm Bó Mẩn	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 38' 01"	106° 27' 16"						F-48-33-D	
xóm Bó Nội	ĐA0SV	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 36' 48"	106° 28' 02"						F-48-33-D	
xóm Diễn Hạ	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 38' 22"	106° 26' 31"						F-48-33-D	
xóm Diễn Trung	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 38' 18"	106° 26' 17"						F-48-33-D	
xóm Lạc Diễn Thượng	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 38' 28"	106° 26' 40"						F-48-33-D	
xóm Lăng Phia	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 37' 26"	106° 27' 16"						F-48-33-D	
xóm Lũng Lang	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 38' 40"	106° 26' 40"						F-48-33-D	
xóm Lũng Mặc	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 38' 58"	106° 26' 14"						F-48-33-D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình		
				Tọa độ trung tâm			Tọa độ điểm đầu				Tọa độ điểm cuối	
				Kinh độ (độ, phút, giây)			Kinh độ (độ, phút, giây)				Kinh độ (độ, phút, giây)	
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)		Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Noa	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 39' 30"	106° 26' 26"					F-48-33-D		
xóm Lũng Rì	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 39' 00"	106° 27' 03"					F-48-33-D		
xóm Lũng Xồm	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 37' 54"	106° 26' 33"					F-48-33-D		
xóm Pắc Nà	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 37' 19"	106° 27' 09"					F-48-33-D		
xóm Pắc Noạng	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 36' 56"	106° 27' 41"					F-48-33-D		
xóm Phía Khao	DA0TV	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 37' 35"	106° 27' 04"					F-48-33-D		
xóm Rấp Phia	SV	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 37' 10"	106° 27' 47"					F-48-33-D		
xóm Bó Ngựa	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 36' 12"	106° 29' 39"					F-48-33-D		
xóm Cốc Chủ	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 36' 00"	106° 30' 23"					F-48-34-C+D		
Lũng Cài	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên									
xóm Lũng Cút - Lũng Nà	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 35' 03"	106° 29' 33"					F-48-33-D		
Lũng Đeng	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên									
xóm Lũng Hoác	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 37' 29"	106° 29' 49"					F-48-33-D		
Lũng Khau	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên									
Lũng Mỹ	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 38' 21"	106° 29' 06"					F-48-33-D		
xóm Lũng Mỹ - Chi Mu	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 38' 05"	106° 29' 10"					F-48-33-D		
xóm Lũng Nậu - Lũng Tôn	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 36' 42"	106° 29' 15"					F-48-33-D		
xóm Lũng Nội	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên									
xóm Lũng Ổ - Lũng Nội - Lũng Sặng	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 38' 24"	106° 28' 22"					F-48-33-D		
xóm Lũng Phiệt	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 36' 25"	106° 29' 30"					F-48-33-D		
xóm Lũng Riêng	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 35' 26"	106° 30' 15"					F-48-34-C+D		
xóm Lũng Rỵ	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 38' 52"	106° 29' 04"					F-48-33-D		
xóm Nà Sào	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 35' 10"	106° 30' 09"					F-48-34-C+D		
xóm Pắc Nà	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 36' 28"	106° 28' 55"					F-48-33-D		
xóm Bản Áo	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 37' 08"	106° 24' 33"					F-48-33-D		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Bản Răng	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 43' 37"	106° 23' 19"							F-48-33-D
xóm Bản Thiết	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 44' 04"	106° 22' 23"							F-48-33-D
Bảng Bắc	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 46' 08"	106° 24' 23"							F-48-33-B
xóm Bó Lạ	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 43' 17"	106° 24' 19"							F-48-33-D
Búng Khèo	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 44' 14"	106° 24' 13"							F-48-33-D
xóm Cáp Tào	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên									
Cốc Cam	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 44' 24"	106° 23' 54"							F-48-33-D
xóm Cốc Phia	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 47' 02"	106° 23' 59"							F-48-33-B
xóm Đồng Ké	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 46' 53"	106° 24' 06"							F-48-33-B
xóm Đồng Chang	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 45' 23"	106° 23' 22"							F-48-33-B
Khuổi Bày	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 46' 37"	106° 22' 06"							F-48-33-B
núi Khuổi Bày	SV	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 46' 50"	106° 22' 25"							F-48-33-B
suối Khuổi Bày	TV	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên			22° 46' 55"	106° 21' 54"	22° 46' 25"	106° 21' 18"			F-48-33-B
Khuổi Mòn	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 46' 01"	106° 21' 52"							F-48-33-B
núi Khuổi Râu	SV	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 45' 41"	106° 22' 48"							F-48-33-B
Khuổi Rị	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 46' 10"	106° 22' 10"							F-48-33-B
xóm Khuổi Xâm	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 45' 38"	106° 22' 05"							F-48-33-B
xóm Khuổi Xôm	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 45' 45"	106° 21' 59"							F-48-33-B
xóm Lũng Búng	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 44' 03"	106° 24' 25"							F-48-33-D
xóm Lũng Điện	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 44' 02"	106° 24' 08"							F-48-33-D
núi Lũng Nặm	SV	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 45' 42"	106° 24' 16"							F-48-33-B
xóm Lũng Rươi	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên									
núi Lũng Úc	SV	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 47' 10"	106° 22' 57"							F-48-33-B
xóm Nà Giảng	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 44' 30"	106° 24' 11"							F-48-33-D
xóm Nà Lái	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 45' 01"	106° 23' 41"							F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Vài	DC	xã Phúc Sen	H. Quảng Uyên	22° 41' 29"	106° 24' 40"					F-48-33-D
xóm Pắc Rằng	DC	xã Phúc Sen	H. Quảng Uyên	22° 41' 08"	106° 25' 10"					F-48-33-D
Thanh Minh	DC	xã Phúc Sen	H. Quảng Uyên							
xóm Tinh Đồng	DC	xã Phúc Sen	H. Quảng Uyên	22° 41' 11"	106° 24' 48"					F-48-33-D
xóm Tô Đông (Tầu Đông)	DC	xã Phúc Sen	H. Quảng Uyên	22° 41' 34"	106° 22' 49"					F-48-33-D
xóm Bản Làng	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 44' 53"	106° 27' 03"					F-48-33-D
Bản Nưa	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 45' 20"	106° 27' 04"					F-48-33-B
xóm Bản Phò	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên							
xóm Cốc Nhan	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 43' 59"	106° 27' 25"					F-48-33-D
xóm Đầu Cầu	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên							
đèo Khau Liều	SV	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 45' 14"	106° 27' 46"					F-48-33-B
xóm Khuổi Ry	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 45' 55"	106° 25' 23"					F-48-33-B
Lũng An	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên							
Lũng Linh	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 46' 40"	106° 25' 55"					F-48-33-B
Lũng Tầu	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 46' 48"	106° 25' 09"					F-48-33-B
núi Lũng Vài	SV	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 45' 12"	106° 26' 16"					F-48-33-B
núi Mạ Lộc	SV	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên							
xóm Nà Cườm	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 44' 40"	106° 26' 28"					F-48-33-D
Nà Ngườm	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 44' 48"	106° 26' 30"					F-48-33-D
Nà Sao	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 44' 32"	106° 27' 09"					F-48-33-D
xóm Nà Tào	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên							
Nà Thông	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 44' 30"	106° 26' 41"					F-48-33-D
xóm Nặm Phan	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 46' 03"	106° 26' 46"					F-48-33-B
xóm Pắc Ái	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 44' 20"	106° 26' 41"					F-48-33-D
Pắc Lũng	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 45' 04"	106° 26' 54"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Pác Mỹ	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 44' 17"	106° 27' 19"							F-48-33-D
núi Phía Đẳng	SV	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 44' 46"	106° 27' 44"							F-48-33-D
núi Phía linh	SV	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên									
núi Phía Pén	SV	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 45' 16"	106° 27' 17"							F-48-33-B
núi Phía Phạ	SV	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên									
xóm Pò Rẻ - Nà Khà	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 47' 05"	106° 25' 58"							F-48-33-B
xóm Pò Riễn	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 47' 13"	106° 26' 19"							F-48-33-B
xóm Thác Đét	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 44' 32"	106° 27' 27"							F-48-33-D
xóm Tục Hòa	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 44' 10"	106° 26' 48"							F-48-33-D
quốc lộ 3	KX	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên			22° 41' 50"	106° 22' 32"	22° 42' 58"	106° 21' 15"			F-48-33-D
xóm Bản Kính	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 42' 33"	106° 21' 49"							F-48-33-D
núi Cốc Càng	SV	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 43' 01"	106° 22' 13"							F-48-33-D
xóm Cốc Thuốt	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 41' 59"	106° 22' 25"							F-48-33-D
xóm Dĩa Dưới	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 42' 18"	106° 23' 39"							F-48-33-D
xóm Dĩa Trên	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 42' 47"	106° 23' 28"							F-48-33-D
xóm Lũng Hà	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 41' 34"	106° 24' 06"							F-48-33-D
xóm Lũng Man	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 42' 21"	106° 24' 38"							F-48-33-D
xóm Lũng Ổ	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 42' 23"	106° 22' 51"							F-48-33-D
Lũng Sầu	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên									
núi Ngâm Luộc	SV	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 42' 45"	106° 21' 13"							F-48-33-D
núi Pán Lâu	SV	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 43' 15"	106° 21' 48"							F-48-33-D
xóm Phía Thấp	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 42' 02"	106° 22' 00"							F-48-33-D
xóm Phò Kheo	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 43' 09"	106° 21' 25"							F-48-33-D
xóm Phụng Dưới	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 42' 47"	106° 22' 45"							F-48-33-D
xóm Phụng Trên	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 42' 54"	106° 22' 04"							F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 206	KX	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên			22° 41' 53"	106° 26' 28"	22° 43' 00"	106° 27' 19"	F-48-33-D
xóm Bản Chang	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 42' 14"	106° 26' 09"					F-48-33-D
xóm Đà Vĩ Dưới	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 42' 42"	106° 26' 45"					F-48-33-D
xóm Đà Vĩ Trên	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 42' 49"	106° 25' 58"					F-48-33-D
xóm Lũng Đắc	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên							
Lũng Đắc	SV	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 43' 43"	106° 26' 23"					F-48-33-D
Lũng Hà	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên							
xóm Lũng Luồng	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 42' 49"	106° 24' 54"					F-48-33-D
Lũng Nội	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên							
Lũng Pán	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên							
Lũng Phẫu	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên							
xóm Lũng Riêng	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 42' 22"	106° 25' 48"					F-48-33-D
Lũng Tạc	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 42' 26"	106° 26' 15"					F-48-33-D
Lũng Vải	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 43' 01"	106° 26' 29"					F-48-33-D
DTLS Nhà ông Lã Văn Ho	KX	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên							
xóm Pác Bó	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 42' 04"	106° 26' 11"					F-48-33-D
xóm Pác Cam	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 42' 01"	106° 26' 35"					F-48-33-D
xóm Phia Khao	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 42' 17"	106° 26' 39"					F-48-33-D
Tam Quốc	ĐA0SV	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 42' 05"	106° 25' 26"					F-48-33-D
xóm Tam Quốc - Bản Lũng	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 41' 55"	106° 25' 50"					F-48-33-D
bản Bách Hoạch	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 38' 49"	106° 24' 47"					F-48-33-D
xóm Bản Mới	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 39' 52"	106° 23' 18"					F-48-33-D
xóm Bản Phẳng	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 39' 33"	106° 23' 05"					F-48-33-D
xóm Cò Rào	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 39' 05"	106° 23' 12"					F-48-33-D
xóm Cốc Coóc	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 38' 53"	106° 22' 54"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Gia Ngử	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 39' 12"	106° 22' 31"							F-48-33-D
xóm Kênh Chơng	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 39' 06"	106° 22' 12"							F-48-33-D
xóm Kéo Răn	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 39' 36"	106° 25' 16"							F-48-33-D
núi Lăng Sườn	SV	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 39' 39"	106° 24' 25"							F-48-33-D
xóm Lũng Các	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 39' 13"	106° 25' 44"							F-48-33-D
xóm Lũng Rỳ	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 40' 12"	106° 24' 54"							F-48-33-D
xóm Lũng Úc	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 38' 29"	106° 23' 38"							F-48-33-D
xóm Pác Khuổi	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 38' 50"	106° 24' 03"							F-48-33-D
xóm Phú Năm	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên									
xóm Thà Phù	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 39' 13"	106° 23' 35"							F-48-33-D
tổ dân phố 1	DC	TT. Đồng Khê	H. Thạch An									
tổ dân phố 2	DC	TT. Đồng Khê	H. Thạch An									
tổ dân phố 3	DC	TT. Đồng Khê	H. Thạch An									
tổ dân phố 4	DC	TT. Đồng Khê	H. Thạch An									
tổ dân phố 5	DC	TT. Đồng Khê	H. Thạch An									
suối Bó Bùn	TV	TT. Đồng Khê	H. Thạch An									
suối Bó Loong	TV	TT. Đồng Khê	H. Thạch An			22° 25' 49"	106° 25' 02"	22° 25' 40"	106° 25' 38"			F-48-45-B
xóm Chang Khuyên	DC	TT. Đồng Khê	H. Thạch An	22° 26' 10"	106° 25' 40"							F-48-45-B
DTLS Chiến thắng Đồng Khê	KX	TT. Đồng Khê	H. Thạch An									F-48-46-A
xóm Đổng Lặng	DC	TT. Đồng Khê	H. Thạch An	22° 25' 39"	106° 26' 19"							F-48-45-B
xóm Khau Trường	DC	TT. Đồng Khê	H. Thạch An									
xóm Nà Bàng	DC	TT. Đồng Khê	H. Thạch An	22° 26' 09"	106° 25' 18"							F-48-45-B
xóm Nà Cúm	DC	TT. Đồng Khê	H. Thạch An	22° 25' 54"	106° 25' 22"							F-48-45-B
đồi Nà Cún	SV	TT. Đồng Khê	H. Thạch An	22° 26' 21"	106° 25' 03"							F-48-45-B
xóm Nà Dè	DC	TT. Đồng Khê	H. Thạch An	22° 25' 19"	106° 26' 43"							F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Nà Lũng	DC	T.T. Đông Khê	H. Thạch An	22° 25' 21"	106° 25' 57"					F-48-45-B
xóm Nà Luồng	DC	T.T. Đông Khê	H. Thạch An	22° 25' 29"	106° 25' 21"					F-48-45-B
xóm Pò Diểu	DC	T.T. Đông Khê	H. Thạch An	22° 25' 47"	106° 25' 19"					F-48-45-B
xóm Sảng Péc	DC	T.T. Đông Khê	H. Thạch An	22° 25' 56"	106° 26' 04"					F-48-45-B
Thôn Pò	DC	T.T. Đông Khê	H. Thạch An	22° 25' 45"	106° 25' 44"					F-48-45-B
Thôn Tao	DC	T.T. Đông Khê	H. Thạch An	22° 24' 38"	106° 27' 08"					F-48-45-B
khau Trường	SV	T.T. Đông Khê	H. Thạch An	22° 25' 11"	106° 27' 12"					F-48-45-B
xóm Đông Muồng	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An							
khau Đóc	SV	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 31' 42"	106° 16' 08"					F-48-33-D
xóm Kéo Ngọng-Pác Mười	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 34' 37"	106° 13' 25"					F-48-33-C
xóm Khau Xá	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 32' 39"	106° 14' 30"					F-48-33-C
xóm Khuổi Mả	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An							
núi Khuổi Hăm	SV	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 32' 44"	106° 13' 49"					F-48-33-C
xóm Khuổi Hoàng	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 32' 29"	106° 16' 10"					F-48-33-D
xóm Khuổi Miếu (Khuổi Miếu)	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 34' 09"	106° 15' 08"					F-48-33-D
núi Khuổi Thóm	SV	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 32' 31"	106° 14' 48"					F-48-33-C
Khuổi Xóm	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 31' 08"	106° 17' 04"					F-48-33-D
Miếu Xóm	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 34' 15"	106° 15' 48"					F-48-33-D
xóm Nà Áng	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 35' 03"	106° 13' 36"					F-48-33-C
Nà Cầm	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 34' 13"	106° 13' 07"					F-48-33-C
Nà Chang	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 32' 29"	106° 15' 07"					F-48-33-D
suối Nà Chang	TV	xã Canh Tân	H. Thạch An			22° 32' 07"	106° 14' 38"	22° 32' 23"	106° 16' 29"	F-48-33-D
xóm Nà Chang - Phai Siếng	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 31' 53"	106° 14' 44"					F-48-33-C
xóm Nà Chia	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An							
xóm Nà Cốc	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Nà Cốc	SV	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 33' 43"	106° 13' 41"							F-48-33-C
Nà Mạn	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 32' 22"	106° 17' 03"							F-48-33-D
sườn Nà Mạn	TV	xã Canh Tân	H. Thạch An			22° 32' 37"	106° 17' 49"	22° 32' 29"	106° 16' 34"			F-48-33-D
Nà Quan	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 34' 39"	106° 13' 47"							F-48-33-C
xóm Pác Miãi (Pác Miãi)	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 34' 03"	106° 14' 32"							F-48-33-C
Pác Mười	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 33' 58"	106° 13' 02"							F-48-33-C
núi Pác Mười	SV	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 34' 23"	106° 12' 11"							F-48-33-C
xóm Pác Pén	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 35' 19"	106° 13' 38"							F-48-33-C
khuai Pí	SV	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 35' 25"	106° 12' 42"							F-48-33-C
núi Quán	SV	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 36' 01"	106° 13' 18"							F-48-33-D
khuai Rầu	SV	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 32' 59"	106° 16' 10"							
xóm Tân Hoà	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 26' 00"	106° 28' 33"							F-48-45-B
xóm Bản Bung	DC	xã Danh Sỹ	H. Thạch An									
xóm Bản Nhạn	DC	xã Danh Sỹ	H. Thạch An									
xóm Bản Pằng	DC	xã Danh Sỹ	H. Thạch An	22° 26' 02"	106° 29' 10"							F-48-45-B
xóm Bó Luồng	DC	xã Danh Sỹ	H. Thạch An	22° 25' 49"	106° 28' 12"							F-48-45-B
sườn Bó Luồng	TV	xã Danh Sỹ	H. Thạch An			22° 30' 24"	106° 28' 05"	22° 25' 40"	106° 30' 00"			F-48-33-D
khuai Cá	SV	xã Danh Sỹ	H. Thạch An	22° 26' 38"	106° 27' 42"							F-48-45-B
xóm Chộc Chằng	DC	xã Danh Sỹ	H. Thạch An	22° 25' 06"	106° 30' 08"							F-48-46-A
núi Lũng Vai	SV	xã Danh Sỹ	H. Thạch An	22° 25' 25"	106° 28' 47"							F-48-45-B
sườn Nà Hang	TV	xã Danh Sỹ	H. Thạch An			22° 26' 38"	106° 28' 05"	22° 25' 40"	106° 30' 00"			F-48-45-B
sườn Nà Ngườm	TV	xã Danh Sỹ	H. Thạch An			22° 31' 57"	106° 19' 33"	22° 32' 51"	106° 20' 08"			F-48-33-D
khuai Nà Pí	SV	xã Danh Sỹ	H. Thạch An	22° 26' 44"	106° 28' 19"							F-48-45-B
Nà Vài	DC	xã Danh Sỹ	H. Thạch An	22° 25' 45"	106° 29' 41"							F-48-45-B
xóm Pác Deng	DC	xã Danh Sỹ	H. Thạch An	22° 25' 13"	106° 30' 03"							F-48-46-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bản Là	TV	xã Đức Long	H. Thạch An			22° 27' 33"	106° 30' 44"	22° 27' 01"	106° 31' 25"	F-48-46-A
xóm Bản Mới	DC	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 25' 58"	106° 32' 51"					F-48-46-A
xóm Bản Ngén	DC	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 27' 08"	106° 28' 49"					F-48-45-B
xóm Bản Pò	DC	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 26' 12"	106° 32' 39"					F-48-46-A
xóm Bản Vi	DC	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 26' 04"	106° 29' 47"					F-48-45-B
xóm Bản Viên	DC	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 26' 35"	106° 29' 46"					F-48-45-B
DTLS BCH chiến dịch BG năm 1950	KX	xã Đức Long	H. Thạch An							F-48-46-A
núi Cốc Phường	SV	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 27' 33"	106° 28' 54"					F-48-45-B
DTLS Đồn Đa Lạn	KX	xã Đức Long	H. Thạch An							F-48-46-A
xóm Đoòng Đeng	DC	xã Đức Long	H. Thạch An							
đồn biên phòng Đức Long	KX	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 26' 18"	106° 31' 37"					F-48-46-A
núi Keng Phán	SV	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 27' 02"	106° 32' 14"					F-48-46-A
núi Khau Múc	SV	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 26' 09"	106° 33' 36"					F-48-46-A
Khum Lường	DC	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 26' 16"	106° 30' 27"					F-48-46-A
xóm Là Dưới	DC	xã Đức Long	H. Thạch An							
Là Tàu	DC	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 27' 07"	106° 31' 20"					F-48-46-A
xóm Là Trên	DC	xã Đức Long	H. Thạch An							
núi Lâm Lường	SV	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 25' 50"	106° 31' 43"					F-48-46-A
núi Lũng Phán	SV	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 27' 03"	106° 32' 49"					F-48-46-A
suối Nà Dao	TV	xã Đức Long	H. Thạch An			22° 26' 24"	106° 30' 13"	22° 26' 37"	106° 32' 08"	F-48-46-A
xóm Nà Giới	DC	xã Đức Long	H. Thạch An							
Nà Lạn	DC	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 26' 01"	106° 32' 23"					F-48-46-A
xóm Nà Mán	DC	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 26' 15"	106° 31' 14"					F-48-46-A
suối Nà Rì	TV	xã Đức Long	H. Thạch An			22° 26' 41"	106° 30' 14"	22° 26' 24"	106° 30' 13"	F-48-46-A
suối Nà Dao	TV	xã Đức Long	H. Thạch An			22° 27' 01"	106° 29' 01"	22° 26' 36"	106° 29' 48"	F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Phía Tồn	SV	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 26' 19"	106° 29' 42"						F-48-45-B	
xóm Bản Tuồm	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 29' 58"	106° 16' 20"						F-48-45-B	
núi Bàng Bia	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 25' 42"	106° 18' 20"						F-48-45-B	
khuổi Cà	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 27' 09"	106° 16' 15"	22° 27' 46"	106° 16' 53"		F-48-45-B	
núi Cạm Có	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 29' 07"	106° 17' 17"						F-48-45-B	
xóm Cầu Lặn	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 26' 04"	106° 18' 30"						F-48-45-B	
núi Điều Phon	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 28' 23"	106° 18' 27"						F-48-45-B	
khuổi Đình	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 27' 26"	10° 61' 92"	22° 26' 54"	106° 17' 57"		F-48-45-B	
núi Đông Luồng	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 30' 04"	106° 17' 52"						F-48-33-D	
núi Đông Luồng	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 29' 46"	106° 17' 19"						F-48-45-B	
sỏi Đông Rán	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 25' 34"	106° 18' 27"	22° 26' 14"	106° 18' 14"		F-48-45-B	
xóm Đồng Đeng	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 29' 20"	106° 16' 31"						F-48-45-B	
khuổi Gìn	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An								F-48-45-B	
xóm Kéo Quý	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 28' 32"	106° 17' 10"						F-48-45-B	
núi Khau Piéc	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 30' 44"	106° 16' 02"						F-48-33-D	
khuau Khau Tó	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 26' 50"	106° 16' 52"						F-48-45-B	
xóm Khuổi Chấn	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An									
Khuổi Chủ	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 26' 34"	106° 17' 00"						F-48-45-B	
núi Khuổi Chủ	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 26' 16"	106° 17' 42"						F-48-45-B	
Khuổi Gìn	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 27' 46"	106° 18' 23"						F-48-45-B	
Khuổi Lạc	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 27' 39"	106° 16' 35"						F-48-45-B	
Khuổi Mải	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 28' 20"	106° 15' 34"						F-48-45-B	
xóm Khuổi Phùm	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 25' 25"	106° 19' 02"						F-48-45-B	
xóm Khuổi Phủng	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An									
Khuổi Tàng	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 29' 16"	106° 17' 24"						F-48-45-B	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
Khuổi Xôm	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 26' 51"	106° 17' 55"						F-48-45-B	
khu Ma	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 27' 44"	106° 18' 53"						F-48-45-B	
khu Mai	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 28' 47"	106° 15' 24"						F-48-45-B	
khuổi Mai	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 27' 44"	106° 15' 33"	22° 29' 21"	106° 15' 22"		F-48-45-B	
xóm Nà Cát	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 27' 30"	106° 19' 07"						F-48-45-B	
Nà Hén	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 30' 30"	106° 15' 25"						F-48-33-D	
suối Nà Hén	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 30' 09"	106° 15' 28"	22° 30' 39"	106° 15' 11"		F-48-33-D	
xóm Nà Mêng	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 30' 13"	106° 16' 07"						F-48-33-D	
khuổi Nà Mêng	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 29' 21"	106° 15' 22"	22° 30' 02"	106° 15' 46"		F-48-45-B	
Nà Pẩu	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 27' 48"	106° 17' 13"						F-48-45-B	
xóm Nà Pò	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 28' 52"	106° 16' 48"						F-48-45-B	
núi Phán Mẩn	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 24' 45"	106° 18' 53"						F-48-45-B	
khuổi Phum	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 25' 17"	106° 19' 26"	22° 26' 14"	106° 18' 14"		F-48-45-B	
núi Pò Lầu	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 30' 30"	106° 17' 19"						F-48-33-D	
khu Pút	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 29' 50"	106° 16' 03"						F-48-45-B	
khu Quan	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 30' 21"	106° 14' 28"						F-48-33-C	
khu Sam Sầu	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 29' 14"	106° 18' 23"						F-48-45-B	
xóm Sộc Coóc	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 28' 28"	106° 17' 25"						F-48-45-B	
xóm Tác Mai	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An									
khuổi Tàng	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 29' 29"	106° 17' 31"	22° 29' 10"	106° 17' 05"		F-48-45-B	
khu Tánh	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 28' 35"	106° 16' 01"						F-48-45-B	
khu Tềng	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 27' 29"	106° 15' 46"						F-48-45-B	
Tềnh Tát	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 28' 34"	106° 17' 43"						F-48-45-B	
suối Tềnh Tát	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 28' 37"	106° 18' 46"	22° 28' 28"	106° 17' 58"		F-48-45-B	
Thìn Théc	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 27' 57"	106° 14' 22"						F-48-45-A	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 27' 38"	106° 15' 03"	22° 29' 21"	106° 15' 22"	F-48-45-B		
	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 29' 15"	106° 18' 59"	22° 28' 33"	106° 17' 43"	F-48-45-B		
	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 30' 09"	106° 17' 07"	22° 29' 45"	106° 16' 23"	F-48-45-B;33-D		
	KX	xã Đức Xuân	H. Thạch An			22° 21' 44"	106° 26' 22"	22° 25' 03"	106° 26' 02"	F-48-45-B		
	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 22' 05"	106° 26' 28"					F-48-45-B		
	TV	xã Đức Xuân	H. Thạch An			22° 24' 13"	106° 24' 22"	22° 24' 23"	106° 25' 45"	F-48-45-B		
	TV	xã Đức Xuân	H. Thạch An			22° 24' 22"	106° 24' 29"	22° 24' 39"	106° 25' 31"	F-48-45-B		
	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 23' 42"	106° 25' 54"					F-48-45-B		
	SV	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 22' 13"	106° 26' 07"					F-48-45-B		
	SV	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 22' 10"	106° 25' 36"					F-48-45-B		
xóm Lũng Pác Khoang	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 24' 21"	106° 25' 39"					F-48-45-B		
	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 24' 20"	106° 26' 00"					F-48-45-B		
	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 24' 53"	106° 25' 22"					F-48-45-B		
Nà Chang	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 24' 49"	106° 25' 38"					F-48-45-B		
Nà Khèo	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 23' 38"	106° 27' 04"					F-48-45-B		
xóm Nà Nhắng	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 23' 53"	106° 26' 05"					F-48-45-B		
xóm Nà Pá	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 24' 53"	106° 25' 57"					F-48-45-B		
xóm Nà Tục	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An			22° 23' 18"	106° 26' 21"	22° 24' 22"	106° 25' 58"	F-48-45-B		
suối Nà Tục	TV	xã Đức Xuân	H. Thạch An							F-48-45-B		
khu Nọc Sa	SV	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 23' 06"	106° 26' 50"					F-48-45-B		
xóm Pác Khoang	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 24' 06"	106° 24' 05"					F-48-45-B		
xóm Pác Lũng	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 22' 10"	106° 27' 30"					F-48-45-B		
núi Pía Luông	SV	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 22' 55"	106° 26' 00"					F-48-45-B		
khu Siếm	SV	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 23' 36"	106° 24' 43"					F-48-45-B		
nhà máy Than Cốc	KX	xã Đức Xuân	H. Thạch An							F-48-45-B		
xóm Tục Ngà	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 23' 29"	106° 26' 26"					F-48-45-B		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 4A	KX	xã Kim Đồng	H. Thạch An			22° 30' 12"	106° 20' 41"	22° 35' 02"	106° 18' 38"	F-48-33-D
xóm Bân Ba	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 33' 28"	106° 18' 12"					F-48-33-D
xóm Bân Sộc	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 34' 50"	106° 18' 39"					F-48-33-D
núi Cạm Ngần	SV	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 33' 18"	106° 19' 34"					F-48-33-D
núi Chón Tạc	SV	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 30' 44"	106° 18' 15"					F-48-33-D
xóm Chu Lăng	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 34' 15"	106° 20' 12"					F-48-33-D
núi Đông Đăm	SV	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 32' 57"	106° 18' 26"					F-48-33-D
núi Khuổi Ấc	SV	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 32' 22"	106° 17' 55"					F-48-33-D
xóm Khuổi Đăm	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 34' 27"	106° 18' 28"					F-48-33-D
xóm Khuổi Đầy	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 30' 28"	106° 18' 40"					F-48-33-D
núi Khuổi Đeng	SV	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 33' 45"	106° 18' 10"					F-48-33-D
Khuổi Dụ	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 31' 18"	106° 18' 54"					F-48-33-D
xóm Khuổi Nặng	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 32' 20"	106° 18' 15"					F-48-33-D
núi Khuổi Phụng	SV	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 31' 36"	106° 17' 55"					F-48-33-D
núi Khuổi Xá	SV	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 34' 14"	106° 19' 17"					F-48-33-D
xóm Nà Châm	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 33' 16"	106° 20' 27"					F-48-33-D
xóm Nà Khao	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 30' 31"	106° 19' 44"					F-48-33-D
suối Nà Luông	TV	xã Kim Đồng	H. Thạch An			22° 30' 18"	106° 19' 48"	22° 31' 14"	106° 19' 35"	F-48-33-D
xóm Nà Ngườm	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 32' 30"	106° 20' 20"					F-48-33-D
suối Nà Ngườm	TV	xã Kim Đồng	H. Thạch An			22° 31' 57"	106° 19' 33"	22° 32' 51"	106° 20' 08"	F-48-33-D
xóm Nà Vai	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 32' 00"	106° 19' 09"					F-48-33-D
cầu Nà Vai	KX	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 31' 59"	106° 19' 30"					F-48-33-D
xóm Nặm Nàng	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 31' 21"	106° 19' 36"					F-48-33-D
cầu Nặm Nàng	KX	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 31' 15"	106° 19' 37"					F-48-33-D
cầu Nặm Nàng 1	KX	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 31' 27"	106° 19' 32"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
cầu Nậm Nàng 2	KX	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 31' 37"	106° 19' 34"							F-48-33-D
xóm Nậm Thầu	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 31' 47"	106° 20' 36"							F-48-33-D
khuổi Nặng	TV	xã Kim Đồng	H. Thạch An					22° 30' 24"	106° 18' 50"	22° 31' 57"	106° 18' 57"	F-48-33-D
núi Pá Đầu	SV	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 33' 35"	106° 17' 46"			22° 26' 39"	106° 25' 12"	22° 27' 46"	106° 22' 58"	F-48-45-B
quốc lộ 4A	KX	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 27' 39"	106° 25' 51"							F-48-45-B
xóm Bản Cậm	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 26' 00"	106° 26' 27"							F-48-45-B
xóm Bản Dám	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 28' 11"	106° 24' 39"							F-48-45-B
Bản Và	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 28' 26"	106° 25' 32"							F-48-45-B
xóm Bó Pha	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 28' 26"	106° 25' 32"							F-48-45-B
đồi Cánh Lò	SV	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 27' 38"	106° 26' 34"							F-48-45-B
Kéo Lừa	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 24' 43"	106° 23' 53"							F-48-45-B
khau Khuổi Vàng	SV	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 25' 09"	106° 23' 47"							F-48-45-B
xóm Lũng Buốt	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 25' 58"	106° 23' 59"							F-48-45-B
núi Lũng Hòm	SV	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 26' 18"	106° 23' 54"							F-48-45-B
Lũng Láng	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 28' 09"	106° 24' 16"							F-48-45-B
xóm Lũng Mòn	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 28' 09"	106° 24' 16"							F-48-45-B
xóm Lũng Siuoy	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 27' 50"	106° 24' 46"							F-48-45-B
xóm Nà Cốc	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 26' 55"	106° 25' 13"							F-48-45-B
xóm Nà Danh	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 26' 27"	106° 26' 27"							F-48-45-B
xóm Nà Keng	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 27' 22"	106° 24' 21"							F-48-45-B
xóm Nà Linh	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 26' 33"	106° 24' 03"							F-48-45-B
xóm Nà Ngải	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 26' 27"	106° 26' 27"							F-48-45-B
xóm Nà Shông	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 25' 44"	106° 24' 52"							F-48-45-B
xóm Nà Vàng	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 27' 05"	106° 24' 22"							F-48-45-B
cầu Nà Vàng	KX	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 26' 43"	106° 24' 57"							F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Phai Kéo	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 26' 38"	106° 24' 56"					F-48-45-B
suối Pò Bừa	TV	xã Lê Lai	H. Thạch An			22° 25' 57"	106° 24' 35"	22° 25' 49"	106° 25' 02"	F-48-45-B
xóm Pú Nho	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 26' 13"	106° 27' 12"					F-48-45-B
Sàng Kheo	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 27' 41"	106° 23' 18"					F-48-45-B
Sộc Sọ	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 27' 20"	106° 24' 48"					F-48-45-B
đồi Bà Kha Trại	SV	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 24' 19"	106° 27' 53"					F-48-45-B
đồi Bà Mạy Lềm	SV	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 22' 18"	106° 28' 06"					F-48-45-B
núi Bà Mạy Sảng	SV	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 22' 00"	106° 28' 06"					F-48-45-B
Đông Mu	DC	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 24' 29"	106° 28' 34"					F-48-45-B
núi Lũng Mu	SV	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 25' 06"	106° 28' 32"					F-48-45-B
xóm Nà Niếng	DC	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 24' 14"	106° 27' 25"					F-48-45-B
xóm Nà Nura	DC	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 23' 39"	106° 28' 12"					F-48-45-B
xóm Nà Tậu 1	DC	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 24' 00"	106° 28' 30"					F-48-45-B
xóm Nà Tậu 2	DC	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 24' 09"	106° 28' 16"					F-48-45-B
xóm Siễn Ngoại	DC	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 22' 32"	106° 28' 40"					F-48-45-B
xóm Siễn Nội	DC	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 23' 00"	106° 28' 36"					F-48-45-B
núi Tắc Xi	SV	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 24' 27"	106° 29' 10"					F-48-45-B
Bản Cờ	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 29' 39"	106° 07' 37"					F-48-45-A
Bản Cọ	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 30' 39"	106° 08' 23"					F-48-33-C
xóm Bióc Lương (Bióc Lương)	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 28' 06"	106° 13' 47"					F-48-45-A
núi Bióc Lương (Bióc Lương)	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 30' 06"	106° 12' 57"					F-48-33-C
núi Cạm Tém	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 32' 28"	106° 11' 27"					F-48-33-C
xóm Chông Cá	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 30' 36"	106° 09' 23"					F-48-33-C
khu Dãy	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 30' 18"	106° 07' 17"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
khau Động	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 31' 13"	106° 09' 33"							F-48-33-C
xóm Khau Siểm	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 28' 17"	106° 07' 30"							F-48-45-A
xóm Khuổi Áng	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 31' 33"	106° 10' 17"							F-48-33-C
Khuổi Bải	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 31' 48"	106° 09' 43"							F-48-33-C
núi Khuổi Bải	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 32' 08"	106° 09' 44"							F-48-33-C
khau Lìn	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 33' 03"	106° 13' 52"							F-48-33-C
núi Mây Mọc	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 29' 17"	106° 07' 09"							F-48-45-A
sông Minh Khai	TV	xã Minh Khai	H. Thạch An					22° 30' 23"	106° 10' 59"	22° 33' 49"	106° 12' 44"	F-48-33-C
khau Mực	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 30' 39"	106° 13' 52"							F-48-33-C
Nà Đải	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 29' 20"	106° 10' 48"							F-48-45-A
xóm Nà Đổng	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 32' 11"	106° 11' 14"							F-48-33-C
xóm Nà Ké	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 29' 52"	106° 10' 50"							F-48-45-A
xóm Nà Lặng	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 30' 49"	106° 11' 03"							F-48-33-C
xóm Nà Sèn	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 31' 27"	106° 11' 18"							F-48-33-C
xóm Nặm Cáp	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 30' 53"	106° 13' 08"							F-48-33-C
nặm Nặm Cưng	TV	xã Minh Khai	H. Thạch An					22° 29' 41"	106° 08' 30"	22° 30' 23"	106° 10' 59"	F-48-33-C
xóm Nặm Tân	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 29' 22"	106° 11' 50"							F-48-45-A
nặm Nặm Tân	TV	xã Minh Khai	H. Thạch An					22° 29' 30"	106° 07' 38"	22° 29' 41"	106° 08' 30"	F-48-45-A
Pắc Cưng	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 30' 23"	106° 10' 58"							F-48-33-C
xóm Pắc Duốc	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 32' 57"	106° 12' 29"							F-48-33-C
khau Phưóc	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 32' 41"	106° 10' 49"							F-48-33-C
núi Pích Ca	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 33' 09"	106° 13' 14"							F-48-33-C
khau Tàu	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 29' 53"	106° 07' 38"							F-48-45-A
khau Xiểm	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 28' 51"	106° 07' 49"							F-48-45-A
núi Bàn Pò	SV	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 25' 34"	106° 10' 27"							F-48-45-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
Khu Bon	SV	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 28' 59"	106° 09' 10"							F-48-45-A
núi Cổng Trời	SV	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 25' 56"	106° 06' 55"							F-48-45-A
Đổng Xiển	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 24' 18"	106° 06' 18"							F-48-45-A
Khuổi Âu	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 25' 39"	106° 09' 33"							F-48-45-A
xóm Khuổi Chốt	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 27' 05"	106° 10' 59"							F-48-45-A
Khuổi Deng	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 26' 29"	106° 06' 33"							F-48-45-A
Khuổi Khảm	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 24' 37"	106° 07' 44"							F-48-45-A
Khuổi Khiếp	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 25' 23"	106° 11' 16"							F-48-45-A
xóm Khuổi Kiếng	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 24' 17"	106° 10' 18"							F-48-45-A
Khuổi Phát	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 24' 18"	106° 08' 25"							F-48-45-A
Khuổi Thòm	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 25' 26"	106° 06' 10"							F-48-45-A
xóm Lũng Phải	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 27' 42"	106° 06' 40"							F-48-45-A
núi Lũng Phải	SV	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 27' 53"	106° 06' 46"							F-48-45-A
Khu Bon Mu	SV	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 27' 07"	106° 12' 35"							F-48-45-A
xóm Nà Bân	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 27' 28"	106° 10' 27"							F-48-45-A
xóm Nà Cánh	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 26' 08"	106° 11' 29"							F-48-45-A
xóm Nà Cọn	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 28' 51"	106° 10' 36"							F-48-45-A
xóm Nà Dân	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 24' 17"	106° 11' 09"							F-48-45-A
suối Nà Dân	TV	xã Quang Trọng	H. Thạch An			22° 27' 28"	106° 07' 45"	22° 27' 47"	106° 09' 36"			F-48-45-A
xóm Nà Mu	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 28' 14"	106° 10' 15"							F-48-45-A
xóm Nà Phạc	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 28' 04"	106° 08' 51"							F-48-45-A
xóm Nà Pọc	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An									F-48-45-A
xóm Nà Púng	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 24' 19"	106° 06' 43"							F-48-45-A
xóm Nậm Dạng	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 26' 31"	106° 09' 03"							F-48-45-A
núi Nậm Dạng	SV	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 27' 15"	106° 08' 44"							F-48-45-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Phiêng Un	DC	xã Thái Cường	H. Thạch An	22° 29' 47"	106° 19' 05"							F-48-45-B
xóm Tầm Táng	DC	xã Thái Cường	H. Thạch An									
xóm Bản Muồng	DC	xã Thị Ngán	H. Thạch An	22° 31' 26"	106° 24' 47"							F-48-33-D
xóm Cấn Nưa	DC	xã Thị Ngán	H. Thạch An	22° 30' 20"	106° 24' 55"							F-48-33-D
xóm Cấn Tấu	DC	xã Thị Ngán	H. Thạch An	22° 30' 37"	106° 24' 03"							F-48-33-D
bản Cầu	DC	xã Thị Ngán	H. Thạch An	22° 31' 58"	106° 24' 10"							F-48-33-D
Khuổi In	DC	xã Thị Ngán	H. Thạch An	22° 30' 32"	106° 25' 44"							F-48-33-D
núi Lũng Mò	SV	xã Thị Ngán	H. Thạch An	22° 29' 40"	106° 25' 41"							F-48-45-B
núi Lũng Mu	SV	xã Thị Ngán	H. Thạch An	22° 30' 51"	106° 25' 56"							F-48-33-D
núi Lũng Sắng	SV	xã Thị Ngán	H. Thạch An	22° 30' 51"	106° 23' 36"							F-48-33-D
Lũng Ván	DC	xã Thị Ngán	H. Thạch An	22° 31' 32"	106° 25' 40"							F-48-33-D
bản Muồng	DC	xã Thị Ngán	H. Thạch An	22° 29' 41"	106° 26' 03"							F-48-45-B
xóm Nà Rá	DC	xã Thị Ngán	H. Thạch An									
xóm Rổng Nả	DC	xã Thị Ngán	H. Thạch An									
xóm Tát Sắng	DC	xã Thị Ngán	H. Thạch An	22° 29' 41"	106° 26' 03"							F-48-45-B
suối Tát Sắng	TV	xã Thị Ngán	H. Thạch An					22° 29' 12"	106° 26' 23"	22° 29' 23"	106° 26' 11"	F-48-45-B
xóm Bản Luồng	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An									
xóm Bản Nằng	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 29' 26"	106° 28' 23"							F-48-45-B
xóm Cốc Bao	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An									
núi Giã Vải	SV	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 29' 22"	106° 27' 41"							F-48-45-B
xóm Ka Liêng	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 30' 16"	106° 28' 36"							F-48-33-D
khuau Khau Giồng	SV	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 30' 12"	106° 28' 04"							F-48-33-D
xóm Khưa Đì	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An									
đồi Khưa Đì	SV	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 28' 10"	106° 28' 57"							F-48-45-B
suối Khuổi Cải	TV	xã Thụy Hùng	H. Thạch An					22° 28' 19"	106° 27' 10"	22° 28' 52"	106° 27' 20"	F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Khuổi Cáp	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 28' 40"	106° 30' 27"							F-48-46-A
súoi Khuổi Khao	TV	xã Thụy Hùng	H. Thạch An					22° 29' 50"	106° 26' 12"	22° 30' 24"	106° 27' 44"	F-48-45-B; F-48-33-D
núi Lũng Lại	SV	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 28' 49"	106° 28' 22"							F-48-45-B
núi Lũng Pèo	SV	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 29' 13"	106° 31' 25"							F-48-45-B
xóm Nà Ến	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An									F-48-46-A
Nà Lít	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 29' 26"	106° 28' 23"							F-48-45-B
Pác Nặm	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 28' 00"	106° 28' 44"							F-48-45-B
núi Pịa Chang	SV	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 29' 23"	106° 26' 53"							F-48-45-B
Phia Nhọt	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 29' 37"	106° 30' 09"							F-48-46-A
đồi Pịa Nhọt	SV	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 29' 33"	106° 29' 18"							F-48-45-B
Sông Nặc	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 29' 51"	106° 26' 42"							F-48-45-B
xóm Sông Siền	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 28' 47"	106° 27' 08"							F-48-45-B
xóm Bản Cẩu	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 25' 42"	106° 19' 56"							F-48-45-B
súoi Bản Cẩu	TV	xã Trọng Con	H. Thạch An					22° 25' 35"	106° 20' 26"	22° 24' 53"	106° 21' 02"	F-48-45-B
xóm Bản Chang	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 26' 26"	106° 22' 11"							F-48-45-B
khau Bó Quặng	SV	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 24' 37"	106° 20' 41"							F-48-45-B
xóm Cạm Kháng	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 26' 05"	106° 19' 33"							F-48-45-B
Cốc Xá	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 23' 09"	106° 23' 36"							F-48-45-B
súoi Cốc Xá	TV	xã Trọng Con	H. Thạch An					22° 24' 35"	106° 23' 19"	22° 23' 11"	106° 23' 40"	F-48-45-B
khau Hai	SV	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 23' 17"	106° 20' 48"							F-48-45-B
khau Kéo	SV	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 24' 33"	106° 21' 57"							F-48-45-B
Khau Phạ	SV	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 22' 17"	106° 20' 56"							F-48-45-B
xóm Khuổi Kện	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 28' 31"	106° 20' 17"							F-48-45-B
Khuổi Nà	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 22' 27"	106° 20' 55"							F-48-45-B
xóm Khuổi Nghiệp	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 24' 14"	106° 21' 05"							F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
Khuổi Vinh	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 26' 05"	106° 21' 54"							F-48-45-B
Khuổi Vinh	TV	xã Trọng Con	H. Thạch An									F-48-45-B
Mông Xá	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 25' 24"	106° 20' 40"							F-48-45-B
xóm Nà Cà	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 25' 36"	106° 20' 20"							F-48-45-B
Nà Chí	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 24' 37"	106° 21' 08"							F-48-45-B
xóm Nà Lặng	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 26' 23"	106° 21' 49"							F-48-45-B
suối Nà Lặng	TV	xã Trọng Con	H. Thạch An									F-48-45-B
xóm Nà Ngải	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 23' 16"	106° 21' 41"							F-48-45-B
Nà Nhàn	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 22' 18"	106° 21' 28"							F-48-45-B
Nà Phai	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 23' 42"	106° 21' 26"							F-48-45-B
xóm Nà Pì	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 25' 20"	106° 23' 01"							F-48-45-B
suối Nà Pì	TV	xã Trọng Con	H. Thạch An									F-48-45-B
xóm Nà Vải	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 22' 05"	106° 22' 48"							F-48-45-B
xóm Pò Lài	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 27' 30"	106° 21' 19"							F-48-45-B
khau Tào	SV	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 24' 29"	106° 20' 11"							F-48-45-B
khuổi Xá	TV	xã Trọng Con	H. Thạch An									F-48-45-B
núi Nà Phạc	SV	xã Văn Trinh	H. Thạch An	22° 29' 38"	106° 23' 35"							F-48-45-B
xóm Bó Đường	DC	xã Văn Trinh	H. Thạch An	22° 28' 34"	106° 24' 32"							F-48-45-B
xóm Cốc Ngườm	DC	xã Văn Trinh	H. Thạch An	22° 29' 32"	106° 24' 59"							F-48-33-D
Khuá Pát	DC	xã Văn Trinh	H. Thạch An	22° 31' 15"	106° 21' 41"							F-48-45-B
xóm Lũng Chi	DC	xã Văn Trinh	H. Thạch An	22° 29' 51"	106° 24' 08"							F-48-45-B
xóm Lũng Dìn	DC	xã Văn Trinh	H. Thạch An	22° 29' 13"	106° 24' 32"							F-48-45-B
xóm Lũng Hảy	DC	xã Văn Trinh	H. Thạch An	22° 28' 42"	106° 22' 51"							F-48-45-B
Lũng It	DC	xã Văn Trinh	H. Thạch An	22° 30' 35"	106° 21' 59"							F-48-33-D
xóm Lũng Mẩn	DC	xã Văn Trinh	H. Thạch An	22° 30' 57"	106° 22' 25"							F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Lũng Rì	DC	xã Văn Trinh	H. Thạch An	22° 29' 13"	106° 22' 37"					F-48-45-B
xóm Lũng Xồm	DC	xã Văn Trinh	H. Thạch An	22° 28' 46"	106° 24' 11"					F-48-45-B
xóm Nà Ấng	DC	xã Văn Trinh	H. Thạch An	22° 29' 12"	106° 23' 53"					F-48-45-B
Nà Ít	DC	xã Văn Trinh	H. Thạch An	22° 28' 54"	106° 23' 50"					F-48-45-B
hang Nà Mọc	TV	xã Văn Trinh	H. Thạch An							F-48-33-D
xóm Nà Ôn	DC	xã Văn Trinh	H. Thạch An	22° 30' 13"	106° 22' 45"					F-48-45-B
xóm Phạc Siến	DC	xã Văn Trinh	H. Thạch An	22° 29' 40"	106° 23' 16"					F-48-32-B+20-D; F-48-33-A+21-C
đường tỉnh 204	KX	TT. Thông Nông	H. Thông Nông			22° 47' 45"	105° 59' 20"	22° 47' 15"	106° 00' 03"	F-48-32-B+20-D
xóm Bản Viêng	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông	22° 47' 19"	105° 59' 27"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Ca	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông	22° 47' 04"	105° 59' 12"					F-48-32-B+20-D
súoi Dẻ Rào	TV	TT. Thông Nông	H. Thông Nông			22° 47' 46"	105° 59' 33"	22° 46' 29"	105° 59' 38"	F-48-32-B+20-D
xóm Đoàn Kết	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông							F-48-32-B+20-D
phố Hàng Tháng	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông	22° 47' 02"	105° 58' 47"					
xóm Liên Cơ	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông							F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Pằng	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông	22° 47' 34"	105° 58' 21"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Quang	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông	22° 46' 43"	105° 58' 55"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Vịt	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông	22° 47' 16"	105° 58' 49"					F-48-32-B+20-D
đồi Mạ Cái	SV	TT. Thông Nông	H. Thông Nông	22° 47' 20"	105° 59' 38"					F-48-32-B+20-D
Nà Leng	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông	22° 47' 38"	105° 59' 25"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Rằng	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông	22° 46' 18"	105° 59' 03"					F-48-32-B+20-D
xóm Pác Ca	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông							
núi Ràng Mu	SV	TT. Thông Nông	H. Thông Nông	22° 47' 40"	105° 58' 45"					F-48-32-B+20-D
bản Bua	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông	22° 42' 58"	105° 57' 19"					F-48-32-D
xóm Bua Hạ	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông	22° 43' 21"	105° 58' 17"					F-48-32-D
xóm Bua Thượng	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Cháo Ún	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 44' 19"	105° 58' 50"					F-48-32-D
xóm Cốc Mỵ	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 43' 31"	105° 59' 10"					F-48-32-D
núi Cốc Ngựa	SV	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 43' 31"	105° 57' 13"					F-48-32-D
núi Đồng Phán	SV	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 42' 51"	105° 57' 35"					F-48-32-D
xóm Giã Vải	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 43' 18"	105° 59' 17"					F-48-32-D
xóm Hoan Bua	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 42' 36"	105° 57' 46"					F-48-32-D
xóm Kéo Nóng	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 43' 38"	105° 59' 01"					F-48-32-D
Kha Ma	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 43' 32"	106° 00' 20"					F-48-33-C
Kính Hạ	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 42' 11"	105° 59' 08"					F-48-32-D
xóm Kính Thượng	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 42' 08"	105° 58' 25"					F-48-32-D
xóm Khuổi Heo	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 43' 33"	105° 58' 53"					F-48-32-D
suối Khuổi Heo	TV	xã Bình Lăng	H. Thông Nông			22° 43' 35"	105° 57' 58"	22° 43' 19"	105° 59' 12"	F-48-32-D
Ki Chảo	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 44' 18"	105° 59' 46"					F-48-32-D
xóm Lạn Hạ	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông							
Lũng Giàng	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 44' 06"	105° 58' 53"					F-48-32-D
Lũng Hoan Phán	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 43' 02"	105° 58' 12"					F-48-32-D
Lũng Lạn	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 43' 53"	106° 00' 27"					F-48-33-C
xóm Lũng Luông	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 43' 55"	105° 59' 05"					F-48-32-D
Lũng Tao	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 42' 44"	105° 59' 44"					F-48-32-D
Lũng Thốc	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 44' 10"	105° 58' 18"					F-48-32-D
Pán Á	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 43' 42"	105° 59' 53"					F-48-32-D
Phia Rải	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 42' 52"	105° 56' 55"					F-48-32-D
xóm Thương Tả	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 42' 52"	105° 59' 10"					F-48-32-D
xóm Tổng Páng	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 43' 37"	105° 58' 09"					F-48-32-D
xóm Tổng Puồng	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 43' 21"	105° 57' 39"					F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Bò Thầu	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 14"	105° 53' 36"							F-48-32-B+20-D
xóm Khau Dưa	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 53' 52"	105° 51' 45"							F-48-32-B+20-D
súoi Khau Dưa	TV	xã Cần Nông	H. Thông Nông			22° 53' 54"	105° 51' 32"	22° 53' 39"	105° 52' 48"			F-48-32-B+20-D
súoi Khau Dưa	TV	xã Cần Nông	H. Thông Nông			22° 53' 39"	105° 51' 32"	22° 53' 39"	105° 52' 48"			F-48-32-B+20-D
Khuổi Sỏi	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 27"	105° 52' 10"							F-48-32-B+20-D
súoi Khuổi Sỏi	TV	xã Cần Nông	H. Thông Nông			22° 53' 54"	105° 51' 53"	22° 54' 41"	105° 53' 06"			F-48-32-B+20-D
Lũng Giàng	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 11"	105° 51' 18"							F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Rỳ	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 56' 05"	105° 53' 26"							F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Sườn	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 55' 14"	105° 51' 53"							F-48-32-B+20-D
Lũng Vai	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 53' 35"	105° 54' 07"							F-48-32-B+20-D
xóm Nà Ca	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 53' 54"	105° 53' 52"							F-48-32-B+20-D
xóm Nà Cuồn	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 03"	105° 53' 01"							F-48-32-B+20-D
xóm Nà Ến	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 19"	105° 54' 00"							F-48-32-B+20-D
xóm Nà Rài	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 12"	105° 53' 44"							F-48-32-B+20-D
xóm Nà Rào	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 53' 59"	105° 53' 36"							F-48-32-B+20-D
núi Nà Tênh	SV	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 55' 11"	105° 51' 23"							F-48-32-B+20-D
xóm Nặm Đông	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 41"	105° 53' 09"							F-48-32-B+20-D
xóm Nặm Dưa	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 35"	105° 53' 56"							F-48-32-B+20-D
Nặm Hùm	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 51"	105° 51' 51"							F-48-32-B+20-D
dãy núi Nặm Hùm	SV	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 48"	105° 50' 52"							F-48-32-B+20-D
núi Nặm Hùm	SV	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 32"	105° 51' 30"							F-48-32-B+20-D
xóm Ngườm Quốc	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 53' 54"	105° 52' 49"							F-48-32-B+20-D
xóm Phía Rặc	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 55"	105° 53' 24"							F-48-32-B+20-D
xóm Phiêng Pán	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 53' 22"	105° 53' 11"							F-48-32-B+20-D
thung lũng Rì	SV	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 55' 06"	105° 53' 22"							F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
lũng Suối	SV	xã Cản Nông	H. Thông Nông	22° 55' 06"	105° 51' 24"						F-48-32-B+20-D	
xóm Thua Bó	DC	xã Cản Nông	H. Thông Nông	22° 53' 05"	105° 51' 53"						F-48-32-B+20-D	
đường tỉnh 204	KX	xã Cản Yên	H. Thông Nông					22° 54' 32"	105° 55' 49"		F-48-32-B+20-D	
xóm Bản Ái	DC	xã Cản Yên	H. Thông Nông									
xóm Bản Gải	DC	xã Cản Yên	H. Thông Nông	22° 54' 31"	105° 54' 42"						F-48-32-B+20-D	
xóm Bản Ngầm	DC	xã Cản Yên	H. Thông Nông	22° 53' 56"	105° 56' 05"						F-48-32-B+20-D	
sườn Bản Ngầm	TV	xã Cản Yên	H. Thông Nông									
Bó Chà	DC	xã Cản Yên	H. Thông Nông	22° 53' 11"	105° 55' 39"						F-48-32-B+20-D	
xóm Bó Rằng	DC	xã Cản Yên	H. Thông Nông	22° 55' 04"	105° 54' 27"						F-48-32-B+20-D	
Cải Đồng	DC	xã Cản Yên	H. Thông Nông	22° 53' 52"	105° 55' 22"						F-48-32-B+20-D	
Đồn biên phòng Cản Yên	KX	xã Cản Yên	H. Thông Nông					22° 54' 54"	105° 54' 27"		F-48-32-B+20-D	
núi Chơ Cũ	SV	xã Cản Yên	H. Thông Nông	22° 54' 04"	105° 55' 47"						F-48-32-B+20-D	
xóm Dẻ Coóc	DC	xã Cản Yên	H. Thông Nông	22° 53' 01"	105° 55' 24"						F-48-32-B+20-D	
xóm Đồng Có	DC	xã Cản Yên	H. Thông Nông									
xóm Ka Rỉnh	DC	xã Cản Yên	H. Thông Nông	22° 53' 47"	105° 54' 46"						F-48-32-B+20-D	
Keng Lòi	DC	xã Cản Yên	H. Thông Nông	22° 54' 19"	105° 55' 57"						F-48-32-B+20-D	
Ki Chà	DC	xã Cản Yên	H. Thông Nông	22° 52' 52"	105° 54' 43"						F-48-32-B+20-D	
xóm Lũng Bùng	DC	xã Cản Yên	H. Thông Nông	22° 52' 42"	105° 54' 13"						F-48-32-B+20-D	
xóm Lũng Khoang	DC	xã Cản Yên	H. Thông Nông	22° 53' 55"	105° 54' 31"						F-48-32-B+20-D	
xóm Lũng Khuông	DC	xã Cản Yên	H. Thông Nông	22° 55' 23"	105° 54' 53"						F-48-32-B+20-D	
Lũng Muồng	DC	xã Cản Yên	H. Thông Nông	22° 55' 32"	105° 54' 53"						F-48-32-B+20-D	
Lũng Pủ	DC	xã Cản Yên	H. Thông Nông	22° 54' 37"	105° 55' 33"						F-48-32-B+20-D	
Mỏ Luồng	DC	xã Cản Yên	H. Thông Nông	22° 54' 51"	105° 54' 24"						F-48-32-B+20-D	
xóm Nà Đồng	DC	xã Cản Yên	H. Thông Nông	22° 52' 56"	105° 55' 47"						F-48-32-B+20-D	
thung lũng Nà Khau Siếm	SV	xã Cản Yên	H. Thông Nông	22° 56' 18"	105° 54' 22"						F-48-32-B+20-D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Nà Lũng	DC	xã Cản Yên	H. Thông Nông	22° 55' 40"	105° 54' 55"							F-48-32-B+20-D
Na Mu	DC	xã Cản Yên	H. Thông Nông	22° 55' 38"	105° 54' 19"							F-48-32-B+20-D
xóm Nà Páng	DC	xã Cản Yên	H. Thông Nông	22° 53' 44"	105° 55' 15"							F-48-32-B+20-D
cầu Nà Páng	KX	xã Cản Yên	H. Thông Nông			22° 53' 40"	105° 55' 49"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Phạc	DC	xã Cản Yên	H. Thông Nông	22° 53' 52"	105° 56' 11"							F-48-32-B+20-D
Nà Rài	DC	xã Cản Yên	H. Thông Nông	22° 54' 11"	105° 54' 46"							F-48-32-B+20-D
xóm Nà Thín	DC	xã Cản Yên	H. Thông Nông	22° 54' 34"	105° 54' 32"							F-48-32-B+20-D
sông Nà Thín	TV	xã Cản Yên	H. Thông Nông			22° 56' 33"	105° 53' 59"	22° 52' 43"	105° 56' 04"			F-48-32-B+20-D
thung lũng Nà Toàn	SV	xã Cản Yên	H. Thông Nông	22° 55' 55"	105° 54' 45"							F-48-32-B+20-D
xóm Nà Vài	DC	xã Cản Yên	H. Thông Nông	22° 55' 38"	105° 54' 19"							F-48-32-B+20-D
sườn Nặm Đồng	TV	xã Cản Yên	H. Thông Nông			22° 54' 30"	105° 54' 47"	22° 54' 29"	105° 54' 28"			F-48-32-B+20-D
Pá Rã	DC	xã Cản Yên	H. Thông Nông	22° 55' 11"	105° 55' 24"							F-48-32-B+20-D
xóm Phia Đén	DC	xã Cản Yên	H. Thông Nông	22° 53' 59"	105° 56' 29"							F-48-32-B+20-D
Sóc Sinh	DC	xã Cản Yên	H. Thông Nông	22° 53' 06"	105° 54' 52"							F-48-32-B+20-D
cầu Tả Chia	KX	xã Cản Yên	H. Thông Nông			22° 54' 32"	105° 54' 47"					F-48-32-B+20-D
đường tỉnh 204	KX	xã Đa Thông	H. Thông Nông			22° 47' 45"	105° 59' 20"	22° 50' 25"	105° 57' 04"			F-48-32-B+20-D; 33-A+21-C
xóm Bắc Đại	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 27"	105° 59' 09"							F-48-32-B+20-D
xóm Bản Chang	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 59"	105° 58' 22"							F-48-32-B+20-D
xóm Bản Giảng	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 44"	105° 58' 11"							F-48-32-B+20-D
xóm Bản Ruồm	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 50' 03"	105° 57' 22"							F-48-32-B+20-D
sườn Bản Ruồm	TV	xã Đa Thông	H. Thông Nông			22° 49' 57"	105° 57' 21"	22° 49' 09"	105° 57' 51"			F-48-32-B+20-D
xóm Bó Bùa	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 28"	105° 57' 03"							F-48-32-B+20-D
Cầu Xum	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 25"	105° 55' 47"							F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Cuối	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 49' 33"	105° 59' 54"							F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Khuyết	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 49' 45"	105° 56' 54"							F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Đà Sa	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 26"	105° 58' 43"						F-48-32-B+20-D	
xóm Khuổi Mò	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 28"	106° 00' 53"						F-48-33-A+21-C	
núi Khuổi Mò	SV	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 47' 34"	105° 58' 07"						F-48-32-B+20-D	
sườn Khuổi Ngựa	TV	xã Đa Thông	H. Thông Nông			22° 49' 44"	105° 59' 08"	22° 48' 12"	105° 58' 56"		F-48-32-B+20-D	
xóm Lũng Đầy	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông									
núi Lũng Đầy	SV	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 12"	105° 57' 27"						F-48-32-B+20-D	
Lũng Đuồm	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 09"	105° 56' 47"						F-48-32-B+20-D	
xóm Lũng Hoàng	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông									
xóm Lũng Khánh	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 50' 14"	106° 00' 15"						F-48-33-A+21-C	
xóm Lũng Lừa	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 47' 56"	106° 01' 56"						F-48-33-A+21-C	
Lũng Pán	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 49' 25"	105° 56' 25"						F-48-32-B+20-D	
xóm Lũng Rý	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 48"	105° 56' 14"						F-48-32-B+20-D	
xóm Lũng Tân	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 47' 58"	105° 57' 21"						F-48-32-B+20-D	
đèo Mã Quỳnh	SV	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 03"	106° 02' 07"						F-48-32-B+20-D	
núi Mai Chưông	SV	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 47' 52"	105° 58' 32"						F-48-32-B+20-D	
xóm Nà Khau	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 42"	105° 58' 51"						F-48-32-B+20-D	
xóm Nà Ngâm	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 51"	106° 00' 33"						F-48-33-A+21-C	
Nà Ngán	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 47' 50"	106° 00' 48"						F-48-33-A+21-C	
xóm Nà Pá	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông									
xóm Nà Pài	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 49' 30"	105° 57' 46"						F-48-32-B+20-D	
xóm Nà Thóm	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông									
xóm Pác Ngâm	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 49' 20"	105° 55' 11"						F-48-32-B+20-D	
Phía Toọc	KX	xã Đa Thông	H. Thông Nông									
xóm Phía Viêng	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 49' 00"	106° 00' 57"						F-48-33-A+21-C	
núi Pù Páng	SV	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 05"	105° 59' 32"						F-48-32-B+20-D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Rế Rào	TV	xã Đa Thông	H. Thông Nông			22° 49' 57"	105° 57' 56"	22° 47' 46"	105° 59' 33"	F-48-32-B+20-D
núi Tân Hạ	SV	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 47' 55"	105° 57' 12"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Páng	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông							
suối Dẻ Rào	TV	xã Lương Can	H. Thông Nông							F-48-32-B+20-D
xóm Đồng Mây	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 15"	106° 02' 00"			22° 46' 29"	106° 02' 17"	F-48-33-A+21-C
xóm Gặm Dầu	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 44' 58"	106° 01' 32"					F-48-33-C
núi Kéo Vụng	SV	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 20"	105° 59' 33"					F-48-32-B+20-D
xóm Khuổi Xóm	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông							
xóm Lăng Can	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 21"	106° 01' 22"					F-48-33-A+21-C
Lũng Đầy	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 44' 20"	106° 00' 28"					F-48-33-C
Lũng Nhùng	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 44' 18"	106° 01' 03"					F-48-33-C
xóm Lũng Pán	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông							
Lũng Riềm	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 23"	105° 59' 17"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Chia	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 43"	106° 00' 27"					F-48-33-A+21-C
Nà Diều	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 53"	105° 59' 55"					F-48-32-B+20-D
Nà Đổng	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 42"	106° 00' 04"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Pía (Nà Pịa)	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 18"	106° 00' 09"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Sai	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 46' 01"	105° 59' 48"					F-48-32-B+20-D
Nà Tậu	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 50"	106° 02' 04"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Tiều	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông							
xóm Nà Việt	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 21"	106° 00' 46"					F-48-33-A+21-C
Pác Piáo	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 10"	105° 59' 39"					F-48-32-B+20-D
xóm Pác Thín - Lũng Đầy	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông							
núi Thín Phán	SV	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 46' 46"	106° 02' 32"					F-48-33-A+21-C
đường tỉnh 204	KX	xã Lương Thông	H. Thông Nông			22° 50' 25"	105° 57' 04"	22° 52' 43"	105° 56' 05"	F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bản Giế	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông							F-48-32-B+20-D
Bản Lịch	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 50' 54"	105° 57' 04"					
xóm Bản Rịch	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông							
Bó Kiến	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 51' 23"	105° 56' 54"					F-48-32-B+20-D
xóm Cẩn Thôm	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông							
xóm Đồng Chia	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 51' 52"	105° 56' 19"					F-48-32-B+20-D
xóm Giế	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 52' 02"	105° 56' 33"					F-48-32-B+20-D
núi Giế Gà	SV	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 51' 36"	105° 57' 09"					F-48-32-B+20-D
xóm Lón Phìn	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 51' 12"	105° 53' 48"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Có	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 53' 14"	105° 57' 58"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Đầy	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông							
xóm Lũng Khoen	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông							
xóm Lũng Kiến	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 51' 26"	105° 55' 43"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Nấp	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông							
xóm Lũng Pèo	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông							
xóm Lũng Po	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 51' 51"	105° 55' 18"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Rịch	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 50' 37"	105° 56' 18"					F-48-32-B+20-D
Lũng Sùng	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 52' 00"	105° 58' 17"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Toàn	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 51' 00"	105° 58' 28"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Tôm	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông							
xóm Lũng Tỷ	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 52' 35"	105° 52' 13"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Vai	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 53' 39"	105° 58' 32"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Ke	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông							
xóm Nà Tôm	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 50' 42"	105° 57' 37"					F-48-32-B+20-D
Nậm Táo	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 49' 59"	105° 59' 41"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nội Phan	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 50' 21"	105° 59' 05"					F-48-32-B+20-D
Phan Nọc	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 50' 19"	105° 57' 56"					F-48-32-B+20-D
xóm Rắc Rạy	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 49' 55"	105° 55' 22"					F-48-32-B+20-D
sông Rẻ Rào	TV	xã Lương Thông	H. Thông Nông			22° 52' 45"	105° 56' 01"	22° 49' 57"	105° 57' 56"	F-48-32-B+20-D
xóm Tả Bốc	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 50' 48"	105° 55' 55"					F-48-32-B+20-D
xóm Tênh Khoang	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 52' 53"	105° 57' 26"					F-48-32-B+20-D
núi Thua Bó	SV	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 52' 52"	105° 52' 25"					F-48-32-B+20-D
xóm Trà Dù	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 50' 39"	105° 53' 09"					F-48-32-B+20-D
xóm Bó Mọc	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 48' 22"	105° 53' 55"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Phát	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông							
Kéo Than	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 47' 56"	105° 55' 47"					F-48-32-B+20-D
Lũng Khẩu	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 48' 25"	105° 54' 48"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Nặm	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông							
xóm Lũng Nhùng	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 46' 18"	105° 57' 27"					F-48-32-B+20-D
Lũng Phiêng	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 48' 53"	105° 54' 31"					F-48-32-B+20-D
Lũng Phục	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 48' 42"	105° 55' 04"					F-48-32-B+20-D
Lũng Tó	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 47' 35"	105° 56' 54"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Vắn	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 45' 47"	105° 58' 32"					F-48-32-B+20-D
núi Lũng Xi Tùng	SV	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 49' 27"	105° 52' 26"					F-48-32-B+20-D
Mản Hạ	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 46' 48"	105° 56' 56"					F-48-32-B+20-D
Mản Thượng	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 46' 51"	105° 56' 25"					F-48-32-B+20-D
xóm Nặm Ngựa	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 47' 32"	105° 54' 55"					F-48-32-B+20-D
Ngưôm Nặm	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 49' 00"	105° 54' 03"					F-48-32-B+20-D
núi Ốc Phẫu	SV	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 47' 06"	105° 55' 46"					F-48-32-B+20-D
núi Phất Phìn	SV	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 47' 15"	105° 54' 16"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Phiêng Pục	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông									F-48-32-B+20-D
Phùng Lũng	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 50' 03"	105° 52' 58"							F-48-32-B+20-D
núi Phùng Lũng	SV	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 50' 15"	105° 52' 35"							F-48-32-B+20-D
Ràng Khiêu	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 48' 03"	105° 54' 17"							F-48-32-B+20-D
xóm Tân Hạ	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 47' 26"	105° 57' 25"							F-48-32-B+20-D
xóm Tấn Hầu	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông									F-48-32-B+20-D
Tận Thín	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 47' 18"	105° 56' 33"							F-48-32-B+20-D
xóm Tân Thượng	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 47' 33"	105° 55' 59"							F-48-32-B+20-D
núi Thôm Cán	SV	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 46' 10"	105° 56' 57"							F-48-32-B+20-D
xóm Thượng Hạ	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông									F-48-32-D
xóm Găng Thượng Hạ	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 43' 16"	105° 56' 25"							F-48-32-D
xóm Bản Đơ (Bản Đầu)	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 44' 40"	105° 57' 13"							F-48-32-D
xóm Bản Tơ (Bản Tầu)	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 44' 12"	105° 56' 20"							F-48-32-D
suối Cầu Pền	TV	xã Thanh Long	H. Thông Nông			22° 43' 22"	105° 56' 25"	22° 43' 56"	105° 56' 28"			F-48-32-D
núi Cốc Tầm	SV	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 44' 27"	105° 56' 02"							F-48-32-D
núi Cốc Toòng	SV	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 46' 18"	105° 56' 24"							F-48-32-B+20-D
núi Kéng Truong	SV	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 45' 56"	105° 57' 05"							F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Chùm	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 45' 23"	105° 57' 19"							F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Vây	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 44' 01"	105° 57' 22"							F-48-32-D
xóm Mường Mẩn	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 44' 45"	105° 56' 03"							F-48-32-D
xóm Nà Hầu	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 45' 37"	105° 57' 09"							F-48-32-B+20-D
suối Pắc Chảo	TV	xã Thanh Long	H. Thông Nông			22° 44' 21"	105° 55' 37"	22° 43' 56"	105° 56' 28"			F-48-32-D
núi Phía Lác	SV	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 45' 30"	105° 57' 43"							F-48-32-B+20-D
núi Phía Sấn	SV	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 43' 40"	105° 56' 36"							F-48-32-D
xóm Sóc Lạn	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 45' 17"	105° 56' 51"							F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Tắc Tè	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 45' 46"	105° 56' 21"						F-48-32-B+20-D	
xóm Tấn Phụng	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 44' 20"	105° 57' 59"						F-48-32-D	
xóm Táp Ná	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 44' 30"	105° 58' 51"						F-48-32-D	
núi Thảm Cán	SV	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 46' 10"	105° 56' 56"						F-48-32-B+20-D	
xóm Bản Chang	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 55' 21"	105° 56' 40"						F-48-32-B+20-D	
xóm Bản Đơ (Bản Đầu)	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông									
Cốc Càng	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 54' 44"	105° 56' 36"						F-48-32-B+20-D	
xóm Cốc Lại	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 54' 32"	105° 57' 12"						F-48-32-B+20-D	
xóm Keng Lòi	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 54' 03"	105° 57' 00"						F-48-32-B+20-D	
xóm Khuổi Rệp	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 55' 38"	105° 55' 24"						F-48-32-B+20-D	
xóm Lũng Chi	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 53' 16"	105° 56' 19"						F-48-32-B+20-D	
núi Lũng Chi	SV	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 53' 31"	105° 56' 16"						F-48-32-B+20-D	
xóm Lũng Gà	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 54' 03"	105° 57' 07"						F-48-32-B+20-D	
Lũng Ngầm	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 53' 16"	105° 56' 40"						F-48-32-B+20-D	
đáy núi Lũng Nhảm	SV	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 54' 20"	105° 58' 20"						F-48-32-B+20-D	
Lũng Tinh	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 54' 54"	105° 56' 02"						F-48-32-B+20-D	
núi Lũng Vai	SV	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 55' 21"	105° 58' 06"						F-48-32-B+20-D	
xóm Lũng Vải	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 54' 56"	105° 55' 40"						F-48-32-B+20-D	
thung lũng Mười	SV	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 55' 31"	105° 56' 56"						F-48-32-B+20-D	
xóm Nà Lìn	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 55' 12"	105° 56' 34"						F-48-32-B+20-D	
suối Nà Rì	TV	xã Vị Quang	H. Thông Nông			22° 56' 26"	105° 56' 39"	22° 54' 55"	105° 56' 32"		F-48-32-B+20-D	
xóm Nà So	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 55' 36"	105° 56' 40"						F-48-32-B+20-D	
xóm Phía Búng	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 55' 57"	105° 56' 45"						F-48-32-B+20-D	
núi Phía Búng	SV	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 56' 20"	105° 57' 03"						F-48-32-B+20-D	
Phía Hoàng	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 55' 53"	105° 56' 20"						F-48-32-B+20-D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Phía Nội	SV	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 56' 14"	105° 56' 04"						F-48-32-B+20-D	
đáy núi Pò Minh	SV	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 53' 33"	105° 57' 40"						F-48-32-B+20-D	
xóm Sam Kha	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 54' 22"	105° 58' 03"						F-48-32-B+20-D	
núi Thiêng Nưa	SV	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 55' 16"	105° 58' 02"						F-48-32-B+20-D	
A Lin	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 46' 36"	105° 52' 25"						F-48-32-B+20-D	
xóm Bó Rọc	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 46' 42"	105° 54' 57"						F-48-32-B+20-D	
núi Can Phó	SV	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 48' 30"	105° 51' 55"						F-48-32-B+20-D	
xóm Chọc Mòn	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 46' 18"	105° 55' 36"						F-48-32-B+20-D	
núi Cốc Khê	SV	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 46' 54"	105° 55' 46"						F-48-32-B+20-D	
xóm Cốc Lũng	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 47' 00"	105° 54' 15"						F-48-32-B+20-D	
xóm Cốc Trà	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 45' 59"	105° 54' 26"						F-48-32-B+20-D	
Kéo Bao	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 47' 34"	105° 53' 08"						F-48-32-B+20-D	
xóm Khao Hạ	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông									
xóm Khao Thượng	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 46' 44"	105° 55' 45"						F-48-32-B+20-D	
Lũng Giăng	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 45' 43"	105° 52' 20"						F-48-32-B+20-D	
Lũng Mùng	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 46' 02"	105° 55' 21"						F-48-32-B+20-D	
xóm Nặm Cốp	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 45' 43"	105° 55' 45"						F-48-32-B+20-D	
xóm Ngâm Vạng	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông									
núi Phạt Phìn	SV	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 47' 15"	105° 54' 16"						F-48-32-B+20-D	
núi Pù Cút	SV	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 48' 20"	105° 51' 24"						F-48-32-B+20-D	
xóm Vải Thai	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 48' 26"	105° 52' 18"						F-48-32-B+20-D	
tổ dân phố 1	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh									
tổ dân phố 2	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh									
tổ dân phố 3	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh									
đường tỉnh 205	KX	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh			22° 49' 08"	106° 19' 26"	22° 52' 38"	106° 19' 14"		F-48-33-B	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
đường tỉnh 210	KX	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh					22° 49' 45"	106° 18' 58"	22° 49' 45"	106° 19' 17"	F-48-33-B
đường tỉnh 211	KX	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh					22° 49' 48"	106° 19' 19"	22° 51' 02"	106° 20' 09"	F-48-33-B
xóm Bản Hia	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 52' 16"	106° 19' 35"							F-48-33-B
cầu Bản Hia	KX	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 52' 22"	106° 19' 20"							F-48-33-B
xóm Bản Khun	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 49' 51"	106° 20' 06"							F-48-33-B
cầu Bản Lang	KX	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 51' 25"	106° 19' 10"							F-48-33-B
xóm Bản Lang - Nà Mương	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 51' 15"	106° 19' 04"							F-48-33-B
xóm Cốc Cáng	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 50' 34"	106° 19' 59"							F-48-33-B
xóm Cốc Khoác	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 50' 07"	106° 19' 36"							F-48-33-B
xóm Háng Páo	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 51' 35"	106° 19' 14"							F-48-33-B
núi Kéo Lọc	SV	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 52' 27"	106° 17' 31"							F-48-33-B
đèo Kéo Sắn	SV	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 51' 02"	106° 20' 09"							F-48-33-B
đồi Khau Săng	SV	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 49' 49"	106° 20' 31"							F-48-33-B
Khuổi Phắc (Khuổi Phắc)	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 50' 12"	106° 20' 02"							F-48-33-B
núi Lũng Cuối	SV	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 51' 20"	106° 20' 03"							F-48-33-B
xóm Nà Đổng	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 51' 55"	106° 19' 13"							F-48-33-B
xóm Nà Khoang	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 49' 50"	106° 19' 20"							F-48-33-B
xóm Nà Quan	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh									
xóm Nà Rạo	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 50' 16"	106° 19' 39"							F-48-33-B
xóm Nà Thầu	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 49' 20"	106° 19' 20"							F-48-33-B
núi Pài Nhũng	SV	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 51' 53"	106° 19' 51"							F-48-33-B
suối Phai Can	TV	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh			22° 52' 08"	106° 18' 50"	22° 52' 26"	106° 19' 19"			F-48-33-B
xóm Pò Khao	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh									
xóm Pò Rẫy	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 51' 35"	106° 18' 56"							F-48-33-B
Tổng Lương	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 49' 34"	106° 20' 12"							F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Tổng Mông	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 50' 58"	106° 19' 17"					F-48-33-B
súối Trà Lĩnh	TV	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh			22° 51' 27"	106° 19' 08"	22° 49' 08"	106° 19' 27"	F-48-33-B
cầu Trà Lĩnh	KX	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 49' 48"	106° 19' 22"					F-48-33-B
cửa khẩu Trà Lĩnh	KX	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 52' 25"	106° 19' 19"					F-48-33-B
đường tỉnh 205	KX	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh			22° 45' 57"	106° 20' 10"	22° 49' 08"	106° 19' 26"	F-48-33-B
xóm Bản Líp	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 47' 50"	106° 20' 10"					F-48-33-B
xóm Bản Pát 1	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 46' 43"	106° 20' 17"					F-48-33-B
xóm Bản Pát 2	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 47' 13"	106° 20' 17"					F-48-33-B
xóm Đồng Có	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 48' 30"	106° 19' 08"					F-48-33-B
xóm Đồng Giải	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 47' 29"	106° 19' 47"					F-48-33-B
xóm Đồng Khảm	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 48' 48"	106° 19' 45"					F-48-33-B
xóm Đồng Vực	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 48' 24"	106° 19' 40"					F-48-33-B
Kéo Nạc	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 49' 01"	106° 19' 26"					F-48-33-B
xóm Khuổi Luông	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 48' 48"	106° 19' 13"					F-48-33-B
súối Khuổi Rì	TV	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh			22° 47' 18"	106° 20' 53"	22° 46' 35"	106° 21' 09"	F-48-33-B
xóm Lũng Hang - Lũng Mườì	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 48' 25"	106° 18' 40"					F-48-33-B
Lũng Ong	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 47' 10"	106° 18' 45"					F-48-33-B
miếu Nà An	KX	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh							
Nà Ma	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 47' 09"	106° 18' 25"					F-48-33-B
xóm Nà Rài	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 48' 14"	106° 19' 58"					F-48-33-B
xóm Nà Rỳ	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 48' 43"	106° 20' 06"					F-48-33-B
xóm Nà Ý	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 48' 39"	106° 19' 33"					F-48-33-C
xóm Phía Đeng - Lũng Mẩn	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 47' 50"	106° 18' 46"					F-48-33-B
xóm Pò Gọt	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 47' 51"	106° 19' 47"					F-48-33-B
xóm Pò Luông	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 48' 59"	106° 20' 15"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Thâm Sa	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 49' 14"	106° 18' 57"						F-48-33-B	
suối Thâm Tùng	TV	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh			22° 46' 07"	106° 20' 42"	22° 46' 35"	106° 18' 19"		F-48-33-B	
lũng Thảng Hoi	SV	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 46' 41"	106° 17' 51"						F-48-33-B	
xóm Thang Sập	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 47' 16"	106° 19' 25"						F-48-33-B	
xóm Tổng Sống	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh									
sông Trà Lĩnh	TV	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh			22° 49' 08"	106° 19' 27"	22° 46' 34"	106° 18' 25"		F-48-33-B	
đường tỉnh 210	KX	xã Cô Mù	H. Trà Lĩnh			22° 53' 27"	106° 13' 51"	22° 51' 02"	106° 17' 03"		F-48-34-B; F-48-33-A+21-C	
xóm Bản Tăm	DC	xã Cô Mù	H. Trà Lĩnh	22° 51' 27"	106° 16' 21"						F-48-33-B	
xóm Bó Hoạt	DC	xã Cô Mù	H. Trà Lĩnh	22° 52' 57"	106° 14' 20"						F-48-33-A+21-C	
xóm Cô Mù	DC	xã Cô Mù	H. Trà Lĩnh	22° 52' 13"	106° 15' 17"						F-48-33-B	
xóm Cô Tô A	DC	xã Cô Mù	H. Trà Lĩnh								F-48-33-B	
xóm Cô Tô B	DC	xã Cô Mù	H. Trà Lĩnh								F-48-33-A+21-C	
núi Cốc Toong	SV	xã Cô Mù	H. Trà Lĩnh	22° 51' 47"	106° 15' 22"						F-48-33-B	
núi Đán Khao	SV	xã Cô Mù	H. Trà Lĩnh	22° 51' 05"	106° 16' 06"						F-48-33-B	
núi Dấu Nà	SV	xã Cô Mù	H. Trà Lĩnh	22° 53' 33"	106° 14' 26"						F-48-33-A+21-C	
núi Lũng Kim	SV	xã Cô Mù	H. Trà Lĩnh	22° 52' 16"	106° 15' 42"						F-48-33-B	
núi Lũng Nhũng	SV	xã Cô Mù	H. Trà Lĩnh	22° 51' 52"	106° 16' 30"						F-48-33-B	
núi Lũng Phước	SV	xã Cô Mù	H. Trà Lĩnh	22° 52' 41"	106° 14' 00"						F-48-33-A+21-C	
núi Lũng Riềm	SV	xã Cô Mù	H. Trà Lĩnh	22° 52' 25"	106° 13' 39"						F-48-33-A+21-C	
núi Lũng Sáng	SV	xã Cô Mù	H. Trà Lĩnh	22° 51' 31"	106° 14' 45"						F-48-33-A+21-C	
núi Lũng Tạc	SV	xã Cô Mù	H. Trà Lĩnh	22° 52' 04"	106° 14' 00"						F-48-33-A+21-C	
xóm Lũng Táo	DC	xã Cô Mù	H. Trà Lĩnh	22° 52' 07"	106° 16' 30"						F-48-33-B	
đáy núi Nà Chiu	SV	xã Cô Mù	H. Trà Lĩnh	22° 51' 49"	106° 16' 00"						F-48-33-B	
núi Thông Lý	SV	xã Cô Mù	H. Trà Lĩnh	22° 53' 13"	106° 14' 46"						F-48-33-A+21-C; F-48-33-B	
suối Thông Lý	TV	xã Cô Mù	H. Trà Lĩnh			22° 53' 27"	106° 13' 56"	22° 51' 01"	106° 17' 02"			

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Vạc Khoang	DC	xã Cổ Mười	H. Trà Lĩnh	22° 52' 24"	106° 14' 47"					F-48-33-A+21-C
Chi Tổng	DC	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh							
xóm Đán Khao - Pắc Tinh	DC	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 48' 56"	106° 16' 24"					F-48-33-B
núi Hối Lũng	SV	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 46' 43"	106° 17' 19"					F-48-33-B
núi Hưng Rì	SV	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 48' 47"	106° 14' 07"					F-48-33-A+21-C
núi Linh	SV	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 47' 39"	106° 16' 43"					F-48-33-B
xóm Lũng Cườm	DC	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 48' 11"	106° 17' 14"					F-48-33-B
núi Lũng Đeng	SV	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 48' 25"	106° 17' 22"					F-48-33-B
núi Lũng Khuẩn	SV	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 49' 17"	106° 15' 56"					F-48-33-B
xóm Lũng Mù - Lũng Tháy	DC	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 47' 30"	106° 17' 21"					F-48-33-B
xóm Lũng Nhùng - Đổng Đeng	DC	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 48' 23"	106° 15' 12"					F-48-33-B
xóm Lũng Pán	DC	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 48' 48"	106° 16' 42"					F-48-33-B
xóm Lũng Rươi - Lũng Vuộc	DC	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 47' 40"	106° 15' 34"					F-48-33-B
xóm Lũng Rỳ - Khôn Rà	DC	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 49' 02"	106° 15' 14"					F-48-33-B
núi Lũng Thá	SV	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 47' 22"	106° 16' 11"					F-48-33-B
núi Lũng Thá	SV	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 47' 53"	106° 16' 13"					F-48-33-B
xóm Lũng Tổ - Lũng Rặt	DC	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 48' 09"	106° 15' 46"					F-48-33-B
núi Lũng Y	SV	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 48' 19"	106° 15' 41"					F-48-33-B
xóm Phia Đeng -Lũng Quyn	DC	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 48' 36"	106° 17' 33"					F-48-33-B
đường tỉnh 210	KX	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh		22° 49' 45"	106° 18' 58"	22° 41' 02"	106° 17' 03"		F-48-33-B
xóm Bản Lòa	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 50' 26"	106° 18' 35"					F-48-33-B
xóm Bản Mặc	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 50' 49"	106° 17' 40"					F-48-33-B
núi Đán	SV	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 50' 32"	106° 17' 46"					F-48-33-B
xóm Đông Rìa	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 51' 07"	106° 18' 40"					F-48-33-B
xóm Giộc Đăm	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 50' 02"	106° 18' 24"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Khâu Hân	SV	xã Quang Hân	H. Trà Lĩnh	22° 50' 41"	106° 18' 45"							F-48-33-B
xóm Khâu Phải	DC	xã Quang Hân	H. Trà Lĩnh	22° 51' 12"	106° 17' 51"							F-48-33-B
súoi Khuổi Luông	TV	xã Quang Hân	H. Trà Lĩnh			22° 52' 10"	106° 17' 14"	22° 51' 19"	106° 18' 48"			F-48-33-B
núi Lũng Vường	SV	xã Quang Hân	H. Trà Lĩnh	22° 49' 33"	106° 17' 57"							F-48-33-B
xóm Lũng Dặc - Lũng Quang	DC	xã Quang Hân	H. Trà Lĩnh									
núi Lũng Dế	SV	xã Quang Hân	H. Trà Lĩnh	22° 50' 15"	106° 16' 57"							F-48-33-B
xóm Lũng Hoài	DC	xã Quang Hân	H. Trà Lĩnh	22° 48' 49"	106° 18' 09"							F-48-33-B
núi Lũng Hoài	SV	xã Quang Hân	H. Trà Lĩnh	22° 49' 01"	106° 17' 51"							F-48-33-B
núi Lũng Nhùng	SV	xã Quang Hân	H. Trà Lĩnh	22° 51' 25"	106° 16' 48"							F-48-33-B
Lũng Púa	DC	xã Quang Hân	H. Trà Lĩnh	22° 49' 50"	106° 17' 02"							F-48-33-B
xóm Nà Pò	DC	xã Quang Hân	H. Trà Lĩnh	22° 49' 53"	106° 17' 45"							F-48-33-B
xóm Niếng Đơ (Niếng Đầu)	DC	xã Quang Hân	H. Trà Lĩnh	22° 49' 05"	106° 18' 17"							F-48-33-B
xóm Niếng Noọc	DC	xã Quang Hân	H. Trà Lĩnh									
xóm Pò Dò - Lũng Nặm	DC	xã Quang Hân	H. Trà Lĩnh									
xóm Pò Khoang	DC	xã Quang Hân	H. Trà Lĩnh	22° 49' 52"	106° 18' 42"							F-48-33-B
xóm Pò Mán	DC	xã Quang Hân	H. Trà Lĩnh	22° 49' 43"	106° 18' 28"							F-48-33-B
xóm Rông Búa	DC	xã Quang Hân	H. Trà Lĩnh									
Rông Rắc	DC	xã Quang Hân	H. Trà Lĩnh	22° 50' 29"	106° 17' 28"							F-48-33-B
núi Sam Sậu	SV	xã Quang Hân	H. Trà Lĩnh	22° 52' 05"	106° 17' 22"							F-48-33-B
xóm Thín Phong	DC	xã Quang Hân	H. Trà Lĩnh	22° 51' 43"	106° 17' 03"							F-48-33-B
súoi Thổng Lý	TV	xã Quang Hân	H. Trà Lĩnh			22° 51' 01"	106° 17' 02"	22° 49' 32"	106° 18' 59"			F-48-33-B
xóm Vững Bền	DC	xã Quang Hân	H. Trà Lĩnh	22° 49' 44"	106° 18' 50"							F-48-33-B
đường tỉnh 211	KX	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh			22° 49' 36"	106° 22' 36"	22° 50' 03"	106° 26' 47"			F-48-33-B
sông Bắc Vọng	TV	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh			22° 50' 53"	106° 24' 40"	22° 49' 21"	106° 26' 37"			F-48-33-B
xóm Bản Chang	DC	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 48' 57"	106° 24' 47"							F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bân Ga - Rừng Khuất	DC	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 49' 23"	106° 24' 55"					F-48-33-B
xóm Bân Ngần	DC	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 49' 39"	106° 23' 49"					F-48-33-B
xóm Búng Ó	DC	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 50' 43"	106° 24' 43"					F-48-33-B
núi Cắm Chông	SV	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 50' 02"	106° 22' 58"					F-48-33-B
xóm Cốc Chì	DC	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 49' 49"	106° 23' 49"					F-48-33-B
núi Cốc Phát	SV	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 50' 17"	106° 23' 41"					F-48-33-B
núi Động Mèo	SV	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 50' 30"	106° 25' 40"					F-48-33-B
xóm Lạn Trên - Lạn Dưới	DC	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 49' 07"	106° 23' 30"					F-48-33-B
núi Lũng Báng	SV	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 49' 38"	106° 22' 59"					F-48-33-B
xóm Lũng Ngựa	DC	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh							
Nga Ham	DC	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 49' 16"	106° 26' 19"					F-48-33-B
xóm Ngà Tư Mỏ - Tằng Giường	DC	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 49' 26"	106° 24' 21"					F-48-33-B
xóm Pác Rinh - Kéo Hào	DC	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 50' 46"	106° 23' 10"					F-48-33-B
núi Rừa	SV	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 50' 37"	106° 22' 46"					F-48-33-B
xóm Sác Hạ	DC	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh							
xóm Sác Thượng - Cốc Đưa	DC	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 50' 16"	106° 25' 26"					F-48-33-B
xóm Bó Khôn	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 51' 23"	106° 13' 20"					F-48-33-A+21-C
xóm Cả Páng	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 50' 47"	106° 13' 16"					F-48-33-A+21-C
xóm Lạc Hiện	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 49' 33"	106° 13' 56"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Báng	SV	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 48' 37"	106° 13' 15"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Cuối	SV	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 50' 23"	106° 15' 44"					F-48-33-B
xóm Lũng Cuối - Rừng Hồng	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 50' 35"	106° 15' 04"					F-48-33-B
xóm Lũng Đăn	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 50' 39"	106° 12' 55"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Hoài	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 50' 35"	106° 16' 35"					F-48-33-B
xóm Lũng Khoen	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 49' 14"	106° 13' 03"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Lũng Luông	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 50' 03"	106° 15' 00"						F-48-33-B	
xóm Lũng Nà	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 51' 02"	106° 14' 59"						F-48-33-A+21-C	
xóm Lũng Nặm	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 50' 42"	106° 14' 16"						F-48-33-A+21-C	
núi Lũng Pản	SV	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 49' 51"	106° 15' 56"						F-48-33-B	
núi Lũng Pục	SV	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 50' 09"	106° 14' 15"						F-48-33-A+21-C	
núi Lũng Rọc	SV	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 51' 04"	106° 14' 20"						F-48-33-A+21-C	
núi Lũng Săng	SV	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 51' 07"	106° 15' 13"						F-48-33-B	
xóm Lũng Xôm	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 50' 24"	106° 13' 39"						F-48-33-A+21-C	
núi Lũng Xôm	SV	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 50' 00"	106° 13' 20"						F-48-33-A+21-C	
xóm Nặm Hoằm	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 49' 24"	106° 15' 37"						F-48-33-B	
núi Thảng Nà	SV	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 48' 33"	106° 12' 52"						F-48-33-A+21-C	
quốc lộ 3	KX	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh			22° 42' 58"	106° 21' 15"	22° 43' 11"	106° 19' 54"		F-48-33-D	
đường tỉnh 205	KX	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh			22° 43' 51"	106° 20' 06"	22° 45' 57"	106° 20' 10"		F-48-33-B,33-D	
xóm Bản Danh	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 45' 50"	106° 19' 09"						F-48-33-B	
xóm Bản Quang	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 45' 44"	106° 19' 35"						F-48-33-B	
xóm Cao Xuyên	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 43' 44"	106° 20' 40"						F-48-33-D	
xóm Cốc Phát	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 44' 06"	106° 20' 01"						F-48-33-D	
xóm Khau Rặc	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 44' 48"	106° 20' 27"						F-48-33-D	
núi Lũng Đầy	SV	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 45' 47"	106° 17' 27"						F-48-33-B	
xóm Lũng Đầy Dưới	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 45' 20"	106° 18' 20"						F-48-33-B	
xóm Lũng Đầy Trên - Lũng Tỳ	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 44' 54"	106° 18' 30"						F-48-33-D	
xóm Lũng Giang	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 44' 13"	106° 19' 22"						F-48-33-D	
núi Lũng Lặng	SV	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 45' 03"	106° 19' 59"						F-48-33-B	
xóm Lũng Riệc	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 45' 13"	106° 19' 23"						F-48-33-B	
núi Lũng Riệc	SV	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 45' 15"	106° 18' 51"						F-48-33-B	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Lũng Sập	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 44' 19"	106° 19' 55"						F-48-33-D	
xóm Lũng Táo	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 45' 40"	106° 18' 35"						F-48-33-B	
xóm Lũng Úc - Lũng Lặng	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 45' 38"	106° 20' 23"						F-48-33-B	
đèo Mã Phục	SV	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 43' 46"	106° 20' 06"						F-48-33-D	
núi Man Hoàng	SV	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 45' 18"	106° 21' 11"						F-48-33-B	
xóm Nhòm Nhèm	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 43' 03"	106° 20' 22"						F-48-33-D	
xóm Pắc Vầu	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 43' 17"	10° 62' 12"						F-48-33-D	
hồ Thăng Hen	TV	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 45' 38"	106° 17' 29"						F-48-33-B	
hồ Thăng Luồng	TV	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 46' 07"	106° 17' 29"						F-48-33-B	
sông Bắc Vọng	TV	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh			22° 53' 02"	106° 22' 50"	22° 50' 53"	106° 24' 40"		F-48-33-B	
xóm Bản Soa	DC	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 35"	106° 23' 45"						F-48-33-B	
Bản Thín	DC	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 09"	106° 22' 59"						F-48-33-B	
xóm Bình Chinh Dưới	DC	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 18"	106° 25' 37"						F-48-33-B	
xóm Bình Chinh Trên	DC	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 52' 09"	106° 25' 21"						F-48-33-B	
núi Cổ Rí	SV	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 31"	106° 24' 35"						F-48-33-B	
xóm Đông Cầm	DC	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh								F-48-33-B	
núi Khau Lướt	SV	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 50' 55"	106° 25' 32"						F-48-33-B	
xóm Kũng Kẹo	DC	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 52' 40"	106° 22' 47"						F-48-33-B	
núi Lũng Ái	SV	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 40"	106° 21' 35"						F-48-33-B	
xóm Lũng Lão	DC	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh									
xóm Lũng Nặm	DC	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 18"	106° 21' 42"						F-48-33-B	
Lũng Nặm Nưa	DC	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 36"	106° 21' 51"						F-48-33-B	
xóm Lũng Nạp	DC	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 50' 32"	106° 24' 14"						F-48-33-B	
xóm Lũng Phẫu	DC	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 52' 13"	106° 22' 24"						F-48-33-B	
núi Lũng Rười	SV	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 52' 13"	106° 24' 43"						F-48-33-B	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Thiến - Lũng Pầu	DC	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 52' 20"	106° 21' 57"					F-48-33-B
xóm Nà Đán	DC	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 47"	106° 23' 09"					F-48-33-B
súoi Nà Đán	TV	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh			22° 51' 01"	106° 22' 46"	22° 51' 31"	106° 21' 54"	F-48-33-B
xóm Nà Giốc	DC	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 52' 11"	106° 23' 26"					F-48-33-B
núi Nà Giốc	SV	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 52' 23"	106° 23' 41"					F-48-33-B
xóm Nà Hán	DC	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 26"	106° 22' 57"					F-48-33-B
súoi Nà Hán	TV	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh			22° 50' 59"	106° 22' 51"	22° 51' 48"	106° 23' 29"	F-48-33-B
xóm Pác Soa	DC	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 16"	106° 23' 48"					F-48-33-B
núi Pác Tây	SV	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 50' 49"	106° 22' 14"					F-48-33-B
núi Páo Năm	SV	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 52' 28"	106° 24' 59"					F-48-33-B
đồi Rì Trắng	SV	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 00"	106° 23' 38"					F-48-33-B
núi Thành Gà	SV	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 18"	106° 22' 13"					F-48-33-B
núi Thành Gà	SV	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 10"	106° 21' 34"					F-48-33-B
đường tỉnh 211	KX	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh			22° 51' 02"	106° 20' 09"	22° 49' 36"	106° 22' 36"	F-48-33-B
xóm Bản Khuổi - Lũng Rả	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 48' 27"	106° 22' 02"					F-48-33-B
Bản Mán	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 49' 25"	106° 21' 28"					F-48-33-B
núi Chang Răng	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 50' 00"	106° 21' 47"					F-48-33-B
xóm Đông Luồng	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 49' 09"	106° 21' 48"					F-48-33-B
thung lũng Hoài	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 50' 18"	106° 22' 08"					F-48-33-B
núi Keng Đuống	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 48' 32"	106° 23' 11"					F-48-33-B
núi Khau Sáng	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 48' 49"	106° 21' 56"					F-48-33-B
xóm Làn Hoài - Tơ Kéo (Lũng Hoài - Tầu Kéo)	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 49' 38"	106° 22' 09"					F-48-33-B
núi Lũng Giảo	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 48' 22"	106° 21' 13"					F-48-33-B
xóm Lũng Nọc	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh							
núi Lũng Rỉ	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 49' 08"	106° 22' 30"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Lũng Riềm	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 50' 36"	106° 21' 54"					F-48-33-B
xóm Lũng Tung	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 50' 55"	106° 20' 23"					F-48-33-B
xóm Mán Đơ (Mán Đầu)	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 49' 57"	106° 21' 24"					F-48-33-B
Mán Nọc	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 50' 29"	106° 21' 10"					F-48-33-B
xóm Máng	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 48' 54"	106° 21' 12"					F-48-33-B
thung lũng Mười	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 51' 07"	106° 20' 37"					F-48-33-B
núi Nà Giang	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 47' 47"	106° 21' 48"					F-48-33-B
núi Nà Giốc	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 49' 18"	106° 21' 55"					F-48-33-B
núi Nà Léch	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 49' 17"	106° 21' 27"					F-48-33-B
xóm Nà Léch - Nà Rường	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh							
xóm Nà Ngồn - Lũng Đơ (Nà Ngồn - Lũng Đầu)	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh							
núi Pác Mác	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 47' 47"	106° 23' 47"					F-48-33-B
xóm Súm Dưới - Lũng Coóng	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh							F-48-33-B
xóm Súm Trên	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh							F-48-33-B
đồi Tẻnh It	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 50' 02"	106° 21' 02"					F-48-33-B
đồi Tẻnh Nà	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 50' 25"	106° 20' 33"					F-48-33-B
tổ 1	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
tổ 2	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
tổ 3	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
tổ 4	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh	22° 50' 11"	106° 31' 41"					F-48-34-A
tổ 5	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
tổ 6	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
tổ 7	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
tổ 8	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
tổ 9	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm				Tọa độ điểm đầu				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
tổ 10	DC	T.T. Trung Khánh	H. Trùng Khánh									
tổ 11	DC	T.T. Trung Khánh	H. Trùng Khánh									
tổ 12	DC	T.T. Trung Khánh	H. Trùng Khánh									
tổ 13	DC	T.T. Trung Khánh	H. Trùng Khánh									
đường tỉnh 206	KX	T.T. Trung Khánh	H. Trùng Khánh			22° 49' 42"	106° 30' 45"	22° 50' 41"	106° 31' 45"			F-48-34-A
xóm Nậm Lìn	DC	T.T. Trung Khánh	H. Trùng Khánh									
xóm Thương Lý	DC	T.T. Trung Khánh	H. Trùng Khánh	22° 50' 17"	106° 31' 47"							F-48-34-A
đường tỉnh 206	KX	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh			22° 48' 49"	106° 30' 22"	22° 49' 42"	106° 30' 45"			F-48-34-A
xóm Bản Chang	DC	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh	22° 48' 55"	106° 29' 22"							F-48-33-B
xóm Cốc Chia	DC	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh	22° 48' 51"	106° 29' 08"							F-48-33-B
xóm Cốc Lại	DC	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh	22° 49' 16"	106° 29' 25"							F-48-33-B
đèo Keng Mạ	SV	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh	22° 48' 45"	106° 22' 02"							F-48-33-B
xóm Pác Đông	DC	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh									
xóm Pác Rao	DC	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh	22° 49' 16"	106° 30' 29"							F-48-34-A
xóm Pò Có	DC	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh	22° 49' 20"	106° 28' 33"							F-48-33-B
xóm Rằng Đin	DC	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh									
xóm Thằng Khé	DC	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh	22° 48' 39"	106° 32' 01"							F-48-34-A
xóm Thằng Quốc	DC	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh	22° 49' 01"	106° 31' 20"							F-48-34-A
Tỉnh Kha	DC	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh	22° 48' 42"	106° 32' 50"							F-48-34-A
xóm Bản Hâu	DC	xã Cao Thắng	H. Trùng Khánh	22° 47' 57"	106° 34' 00"							F-48-34-A
xóm Bản Luồng	DC	xã Cao Thắng	H. Trùng Khánh	22° 47' 11"	106° 34' 58"							F-48-34-A
xóm Bò Lành	DC	xã Cao Thắng	H. Trùng Khánh	22° 48' 01"	106° 35' 09"							F-48-34-A
xóm Bò Mạ	DC	xã Cao Thắng	H. Trùng Khánh	22° 48' 09"	106° 34' 37"							F-48-34-A
xóm Co Rược - Bản Vạng	DC	xã Cao Thắng	H. Trùng Khánh	22° 46' 22"	106° 34' 22"							F-48-34-A
xóm Đông Sầu - Phía Mạ	DC	xã Cao Thắng	H. Trùng Khánh	22° 46' 31"	106° 34' 37"							F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đổng Rìn	DC	xã Cao Thắng	H. Trùng Khánh	22° 48' 03"	106° 33' 16"					F-48-34-A
núi Khan Pung	SV	xã Cao Thắng	H. Trùng Khánh	22° 48' 48"	106° 34' 23"					F-48-34-A
xóm Lũng Gùng	DC	xã Cao Thắng	H. Trùng Khánh	22° 46' 24"	106° 32' 50"					F-48-34-A
xóm Nà Chi	DC	xã Cao Thắng	H. Trùng Khánh	22° 46' 51"	106° 34' 47"					F-48-34-A
núi Nà Gà	SV	xã Cao Thắng	H. Trùng Khánh	22° 48' 43"	106° 33' 50"					F-48-34-A
xóm Pác Bo	DC	xã Cao Thắng	H. Trùng Khánh	22° 47' 47"	106° 32' 52"					F-48-34-A
xóm Pác Lung	DC	xã Cao Thắng	H. Trùng Khánh	22° 46' 07"	106° 33' 33"					F-48-34-A
xóm Pác Ra - Lũng Nọi	DC	xã Cao Thắng	H. Trùng Khánh	22° 48' 17"	106° 34' 10"					F-48-34-A
xóm Pác Thương	DC	xã Cao Thắng	H. Trùng Khánh	22° 47' 37"	106° 34' 37"					F-48-34-A
núi Phia Đan	SV	xã Cao Thắng	H. Trùng Khánh	22° 47' 25"	106° 35' 53"					F-48-34-A
xóm Phia Lồm	DC	xã Cao Thắng	H. Trùng Khánh	22° 46' 54"	106° 34' 27"					F-48-34-A
đồi Phò Chiêu	SV	xã Cao Thắng	H. Trùng Khánh	22° 46' 00"	106° 33' 42"					F-48-34-A
xóm Pò Đon	DC	xã Cao Thắng	H. Trùng Khánh	22° 47' 50"	106° 33' 32"					F-48-34-A
xóm Pò Gáp	DC	xã Cao Thắng	H. Trùng Khánh	22° 46' 39"	106° 34' 15"					F-48-34-A
xóm Thương Nà	DC	xã Cao Thắng	H. Trùng Khánh	22° 47' 55"	106° 32' 51"					F-48-34-A
đường tỉnh 206	KX	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh			22° 49' 17"	106° 35' 44"	22° 50' 14"	106° 39' 24"	F-48-34-A
xóm Bản Háng	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 50' 16"	106° 38' 19"					F-48-34-A
xóm Bản Khái	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 56"	106° 38' 59"					F-48-34-A
xóm Bản Ruộc	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 50' 03"	106° 36' 26"					F-48-34-A
xóm Bản Thay	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 48' 13"	106° 39' 58"					F-48-34-A
xóm Boong Dưới	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 47' 56"	106° 38' 09"					F-48-34-A
xóm Boong Trên	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 48' 10"	106° 38' 46"					F-48-34-A
núi Chiêu Rác	SV	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 50' 28"	106° 39' 10"					F-48-34-A
xóm Chúc Bảo	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 02"	106° 37' 14"					F-48-34-A
xóm Đồng Đeng	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 51' 09"	106° 38' 21"					F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Đồng Long	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 48' 33"	106° 38' 24"						F-48-34-A	
xóm Đồng Môn	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 50' 50"	106° 39' 12"						F-48-34-A	
xóm Đồng Tâm	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 42"	106° 37' 36"						F-48-34-A	
núi Đồng Thiên	SV	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 44"	106° 39' 40"						F-48-34-A	
xóm Gò Ma	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 50' 44"	106° 38' 08"						F-48-34-A	
núi Huyền Chinh	SV	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 49"	106° 36' 02"						F-48-34-A	
xóm Kéo Hạng	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 44"	106° 38' 06"						F-48-34-A	
xóm Lũng Hoạt	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 51' 53"	106° 38' 29"						F-48-34-A	
xóm Lũng Nội	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 48' 45"	106° 36' 42"						F-48-34-A	
xóm Nà Mu	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 11"	106° 39' 06"						F-48-34-A	
xóm Nà Sơn	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 50' 07"	106° 37' 41"						F-48-34-A	
xóm Nà Tuy	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 50' 03"	106° 38' 38"						F-48-34-A	
núi Ngườm Pấp	SV	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 51' 20"	106° 38' 42"						F-48-34-A	
xóm Pác Mác	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 04"	106° 36' 50"						F-48-34-A	
xóm Phía Đeng	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 19"	106° 37' 09"						F-48-34-A	
xóm Phía Móc	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 50' 21"	106° 37' 44"						F-48-34-A	
núi Phía Quán	SV	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 44"	106° 36' 42"						F-48-34-A	
núi Pò Mèo	SV	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 48' 20"	106° 38' 16"						F-48-34-A	
xóm Pò Tấu	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 31"	106° 37' 44"						F-48-34-A	
sông Quây Sơn	TV	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh			22° 51' 15"	106° 39' 45"	22° 49' 58"	106° 36' 58"		F-48-34-A	
xóm Thanh Lâm	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 48' 38"	106° 37' 22"						F-48-34-A	
đường tỉnh 206	KX	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh			22° 51' 02"	106° 39' 49"	22° 51' 01"	106° 43' 47"		F-48-34-A	
xóm Bản Cải	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 50' 21"	106° 40' 45"						F-48-34-A	
xóm Bản Chang	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 52' 14"	106° 41' 16"						F-48-34-A	
xóm Bản Dít	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 51' 28"	106° 41' 11"						F-48-34-A	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Bản Giốc	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 51' 14"	106° 42' 08"							F-48-34-A
thác Bản Giốc	TV	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 51' 26"	106° 43' 14"							F-48-34-A
xóm Bản Gun - Khuổi Ky	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 51' 32"	106° 42' 15"							F-48-34-A
xóm Bản Nôm	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 52' 00"	106° 42' 05"							F-48-34-A
xóm Bản Nưa	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh									
xóm Bản Phang	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh									
xóm Bản Rạ	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh									
xóm Bản Thuôn	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh									
xóm Có Mường	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 51' 34"	106° 42' 38"							F-48-34-A
sưởi Gun	TV	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh			22° 50' 08"	106° 41' 26"	22° 51' 46"	106° 42' 22"			F-48-34-A
xóm Háng Hao	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh									
xóm Keo Nà	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh									
xóm Keo Nà	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 50' 55"	106° 40' 05"							F-48-34-A
núi Lũng Đeng	SV	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 52' 35"	106° 42' 14"							F-48-34-A
xóm Lũng Niếc	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 50' 38"	106° 43' 24"							F-48-34-A
xóm Lũng Phắc 1	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 52' 48"	106° 41' 22"							F-48-34-A
xóm Lũng Phắc 2	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh									F-48-34-A
xóm Lũng Phắc 3	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh									F-48-34-A
xóm Nà Đeng - Lũng Nọi	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 52' 22"	106° 41' 49"							F-48-34-A
động Ngao	SV	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	20° 50' 58"	106° 43' 08"							F-48-34-A
sông Quây Sơn	TV	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh			22° 51' 15"	106° 39' 45"	22° 51' 02"	106° 43' 20"			F-48-34-A
đường tỉnh 211	KX	xã Đình Minh	H. Trùng Khánh			22° 52' 31"	106° 35' 06"	22° 53' 18"	106° 35' 36"			F-48-34-A
xóm Bản Chang - Thang Nà	DC	xã Đình Minh	H. Trùng Khánh	22° 49' 08"	106° 32' 31"							F-48-34-A
xóm Bản Đà	DC	xã Đình Minh	H. Trùng Khánh	22° 49' 32"	106° 32' 13"							F-48-34-A
xóm Bình Lang	DC	xã Đình Minh	H. Trùng Khánh	22° 49' 51"	106° 33' 21"							F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Bó Đa - Khau Gát	DC	xã Đình Minh	H. Trùng Khánh	22° 49' 07"	106° 32' 56"							F-48-34-A
xóm Khưa Khảo	DC	xã Đình Minh	H. Trùng Khánh	22° 49' 43"	106° 32' 38"							F-48-34-A
xóm Khưa Nâu - Phía Sách	DC	xã Đình Minh	H. Trùng Khánh									
hang Ngườm Mạ	KX	xã Đình Minh	H. Trùng Khánh									
núi Phía Luồng	SV	xã Đình Minh	H. Trùng Khánh	22° 49' 13"	106° 31' 59"							F-48-34-A
đường tỉnh 211	KX	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh					22° 52' 31"	106° 35' 06"	22° 53' 18"	106° 35' 36"	F-48-34-A
xóm Bản Chang - Bản Giang	DC	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh	22° 52' 04"	106° 36' 23"							F-48-34-A
xóm Bản Luồng	DC	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh	22° 51' 11"	106° 36' 29"							F-48-34-A
xóm Bó Thốc	DC	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh									
núi Chông Mu	SV	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh	22° 53' 35"	106° 37' 00"							F-48-34-A
xóm Đồng Luồng - Chi Choi	DC	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh	22° 52' 42"	106° 36' 10"							F-48-34-A
xóm Giảng Gà	DC	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh									
xóm Giốc Giao	DC	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh	22° 50' 33"	106° 36' 39"							F-48-34-A
đền Hoàng Lục	KX	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh									F-48-34-A
xóm Lũng Nậm	DC	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh	22° 51' 25"	106° 37' 42"							F-48-34-A
xóm Nà Sa	DC	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh	22° 50' 45"	106° 36' 15"							F-48-34-A
xóm Nà Thoang	DC	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh	22° 51' 48"	106° 35' 51"							F-48-34-A
xóm Nộc Cu	DC	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh									
xóm Pác Gọn	DC	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh	22° 51' 19"	106° 35' 35"							F-48-34-A
núi Phía Lạng	SV	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh	22° 51' 14"	106° 37' 24"							F-48-34-A
sông Quây Sơn	TV	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh					22° 52' 36"	106° 35' 09"	22° 49' 58"	106° 36' 58"	F-48-34-A
xóm Ta Liêng - Hát Pan	DC	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh	22° 52' 23"	106° 35' 49"							F-48-34-A
núi Ta Mán	SV	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh	22° 51' 01"	106° 34' 53"							F-48-34-A
xóm Ta Nang	DC	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh	22° 52' 17"	106° 36' 10"							F-48-34-A
thủy điện Thông Cốt	KX	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh	22° 50' 07"	106° 36' 52"							F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Vườn Luông - Ta Mẩn	DC	xã Đinh Phong	H. Trùng Khánh	22° 52' 05"	106° 35' 39"						F-48-34-A	
xóm Bản Lũng - Táp Ná	DC	xã Đoài Cón	H. Trùng Khánh	22° 43' 23"	106° 32' 21"						F-48-34-C+D	
xóm Lũng Lo	DC	xã Đoài Cón	H. Trùng Khánh	22° 45' 03"	106° 30' 38"						F-48-34-A	
xóm Lũng Luông - Lũng Rì	DC	xã Đoài Cón	H. Trùng Khánh									
xóm Nà Quang	DC	xã Đoài Cón	H. Trùng Khánh	22° 45' 18"	106° 30' 26"						F-48-34-A	
núi Pác Mác	SV	xã Đoài Cón	H. Trùng Khánh	22° 43' 52"	106° 32' 20"						F-48-34-C+D	
xóm Pác Thán (Pài Nà)	DC	xã Đoài Cón	H. Trùng Khánh	22° 45' 01"	106° 30' 07"						F-48-34-A	
xóm Pò Gài	DC	xã Đoài Cón	H. Trùng Khánh	22° 45' 48"	106° 29' 52"						F-48-33-B	
núi Sa Ven	SV	xã Đoài Cón	H. Trùng Khánh	22° 42' 22"	106° 31' 55"						F-48-34-C+D	
núi Săng Cao	SV	xã Đoài Cón	H. Trùng Khánh	22° 45' 04"	106° 30' 11"						F-48-34-A	
xóm Sộc Hắc	DC	xã Đoài Cón	H. Trùng Khánh	22° 45' 43"	106° 30' 19"						F-48-34-A	
đường tỉnh 206	KX	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh			22° 46' 45"	106° 30' 23"	22° 48' 49"	106° 30' 22"		F-48-33-B	
xóm Cỏ Phương 1	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 47' 10"	106° 30' 17"						F-48-34-A	
xóm Cỏ Phương 2	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 47' 10"	106° 30' 17"						F-48-34-A	
xóm Đầu Cầu	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 47' 07"	106° 31' 06"						F-48-34-A	
núi Lũng Diên	SV	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 48' 18"	106° 29' 31"						F-48-33-B	
núi Lũng Mò	SV	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 48' 10"	106° 30' 09"						F-48-34-A	
xóm Lũng Nà	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 47' 41"	106° 29' 31"						F-48-33-B	
xóm Lũng Tung	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh								F-48-33-B	
xóm Nà Khiêu	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 52' 27"	106° 31' 57"						F-48-33-B	
xóm Nà Ngườm	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 47' 24"	106° 32' 10"						F-48-34-A	
xóm Nà Rầy 1	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 47' 02"	106° 31' 25"						F-48-34-A	
xóm Nà Rầy 2	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh								F-48-34-A	
xóm Nà Thia	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 51' 03"	106° 30' 27"						F-48-33-B	
núi Pác Hoang	SV	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 48' 00"	106° 31' 21"						F-48-34-A	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Pác Nà	SV	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 48' 39"	106° 30' 46"							F-48-34-A
núi Phia Đeng	SV	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 46' 51"	106° 30' 15"							F-48-34-A
xóm Sộc Khâm - Lũng Môn	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh									F-48-33-B
đường tỉnh 211	KX	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh					22° 50' 41"	106° 31' 45"	22° 51' 35"	106° 31' 01"	F-48-34-A
xóm Bản Mới	DC	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 50' 59"	106° 31' 45"							F-48-34-A
xóm Châm Che	DC	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 51' 06"	106° 33' 02"							F-48-34-A
xóm Đà Hoắc	DC	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 51' 36"	106° 31' 25"							F-48-34-A
núi Lũng Cao	SV	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 51' 31"	106° 28' 56"							F-48-33-B
núi Lũng Gấn	SV	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 52' 01"	106° 30' 30"							F-48-34-A
xóm Lũng Kít	DC	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 51' 50"	106° 31' 11"							F-48-34-A
núi Lũng Po	SV	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 52' 17"	106° 29' 34"							F-48-33-B
xóm Nà Gọn	DC	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 50' 59"	106° 31' 11"							F-48-34-A
xóm Nà Nôm	DC	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 50' 52"	106° 29' 41"							F-48-33-B
xóm Nậm Sum - Pác Thay - Tân Mẫu	DC	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 51' 36"	106° 30' 03"							F-48-34-A
núi Ngườm Bang	SV	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 50' 32"	106° 32' 51"							F-48-34-A
xóm Pác Chang	DC	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 51' 10"	106° 30' 14"							F-48-34-A
xóm Phia Gà	DC	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 51' 10"	106° 32' 15"							F-48-34-A
xóm Phia Hồng	DC	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 50' 42"	106° 30' 14"							F-48-34-A
núi Thua Khao	SV	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 51' 26"	106° 31' 58"							F-48-34-A
đường tỉnh 211	KX	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh					22° 49' 59"	106° 27' 28"	22° 50' 11"	106° 30' 51"	F-48-34-A; F-48-33-B
xóm Bản Giản	DC	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh									
xóm Đà Tiên	DC	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh	22° 49' 59"	106° 30' 01"							F-48-33-B
xóm Đông Đỏ	DC	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh	22° 51' 08"	106° 28' 28"							F-48-33-B
xóm Hiếu Lễ	DC	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh	22° 50' 26"	106° 29' 41"							F-48-33-B
núi Keng Đáy	SV	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh	22° 51' 51"	106° 28' 03"							F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Kéo Chưởng - Bản	DC	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh	22° 50' 31"	106° 29' 08"						F-48-33-B	
xóm Lũng Mòn	DC	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh									
suối Ngườm Ngâm	TV	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh									
xóm Pác Cuối	DC	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh	22° 50' 56"	106° 28' 59"						F-48-33-B	
Pác Ra	DC	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh	22° 51' 03"	106° 28' 53"						F-48-33-B	
xóm Phía Ngược	DC	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh	22° 50' 49"	106° 28' 00"						F-48-33-B	
đường tỉnh 211	KX	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh			22° 49' 59"	106° 27' 28"	22° 50' 03"	106° 26' 47"		F-48-33-B	
xóm Bản Chiến	DC	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 50' 16"	106° 27' 12"						F-48-33-B	
xóm Đồng Niềng	DC	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 51' 29"	106° 27' 06"						F-48-33-B	
xóm Kéo Tong	DC	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 50' 57"	106° 26' 27"						F-48-33-B	
núi Lũng Choang	SV	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 53' 13"	106° 25' 00"						F-48-33-B	
xóm Lũng Gia	DC	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 51' 10"	106° 26' 38"						F-48-33-B	
núi Lũng Kha	SV	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 52' 57"	106° 25' 34"						F-48-33-B	
xóm Lũng Răng	DC	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 51' 59"	106° 26' 45"						F-48-33-B	
núi Lũng Sung	SV	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 53' 22"	106° 25' 17"						F-48-33-B	
núi Nóc Mỏ	SV	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 51' 00"	106° 26' 37"						F-48-33-B	
xóm Pác Nà	DC	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 51' 03"	106° 27' 31"						F-48-33-B	
núi Pác Nặm	SV	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 51' 59"	106° 26' 13"						F-48-33-B	
suối Pác Nặm	TV	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh			22° 52' 25"	106° 25' 36"	22° 51' 25"	106° 27' 42"		F-48-33-B	
Páo Năm	DC	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 52' 27"	106° 25' 33"						F-48-33-B	
núi Phai Khoang	SV	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 50' 44"	106° 27' 04"						F-48-33-B	
xóm Răng Rang	DC	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 52' 14"	106° 26' 03"						F-48-33-B	
núi Thín Pẩu	SV	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 51' 45"	106° 26' 02"						F-48-33-B	
núi Cốc Chia	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 54' 11"	106° 28' 37"						F-48-33-B	
xóm Cốc Chia	DC	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 51' 03"	106° 28' 43"						F-48-33-B	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Giộc Khảm	DC	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 04"	106° 28' 31"					F-48-33-B
xóm Giộc Vung	DC	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 16"	106° 28' 46"					F-48-33-B
núi Khau Rung	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 07"	106° 29' 21"					F-48-33-B
núi Lũng Bằng	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 00"	106° 27' 44"					F-48-33-B
xóm Lũng Bằng	DC	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 43"	106° 27' 10"					F-48-33-B
xóm Lũng Chát	DC	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 40"	106° 26' 38"					F-48-33-B
núi Lũng Chi	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 54' 02"	106° 28' 15"					F-48-33-B
núi Lũng Choát	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 10"	106° 27' 52"					F-48-33-B
xóm Lũng Chuông	DC	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 52' 43"	106° 27' 41"					F-48-33-B
núi Lũng Chuông	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 33"	106° 27' 36"					F-48-33-B
núi Lũng Gà	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 52' 24"	106° 27' 33"					F-48-33-B
núi Lũng Po	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 52' 49"	106° 29' 14"					F-48-33-B
núi Lũng Quang	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 37"	106° 28' 26"					F-48-33-B
Lũng Riễn	DC	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 51"	106° 28' 35"					F-48-33-B
núi Lũng Tỷ	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 50"	106° 26' 53"					F-48-33-B
núi Nậm Thúm	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 57"	106° 27' 01"					F-48-33-B
xóm Pác Pô	DC	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 52' 27"	106° 28' 33"					F-48-33-B
xóm Pác Quan	DC	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 51' 59"	106° 28' 18"					F-48-33-B
núi Pải Làn	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 54' 08"	106° 26' 58"					F-48-33-B
đường tỉnh 213	KX	xã Ngọc Cón	H. Trùng Khánh			22° 54' 22"	106° 34' 06"	22° 56' 34"	106° 32' 00"	F-48-34-A
xóm Bó Hay - Pác Ngà	DC	xã Ngọc Cón	H. Trùng Khánh	22° 55' 40"	106° 32' 00"					F-48-34-A
xóm Bản Mải (Bản Miãi)	DC	xã Ngọc Cón	H. Trùng Khánh							
xóm Đông Xi	DC	xã Ngọc Cón	H. Trùng Khánh							
xóm Kéo Giáo	DC	xã Ngọc Cón	H. Trùng Khánh	22° 55' 06"	106° 33' 11"					F-48-34-A
xóm Khưa Hoi	DC	xã Ngọc Cón	H. Trùng Khánh	22° 55' 28"	106° 32' 28"					F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Lũng An	SV	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh	22° 55' 28"	106° 31' 51"						F-48-34-A	
núi Lũng Khuất	SV	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh	22° 55' 47"	106° 31' 04"						F-48-34-A	
núi Lũng Qua	SV	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh	22° 54' 29"	106° 32' 05"						F-48-34-A	
núi Lũng Thoang	SV	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh	22° 55' 15"	106° 34' 45"						F-48-34-A	
xóm Nà Giáo	DC	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh	22° 56' 13"	106° 31' 12"						F-48-34-A	
xóm Phía Mạ	DC	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh	22° 55' 36"	106° 32' 37"						F-48-34-A	
xóm Phía Muống	DC	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh	22° 56' 16"	106° 31' 51"						F-48-34-A	
xóm Phía Riềm	DC	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh	22° 54' 55"	106° 33' 01"						F-48-34-A	
núi Pồ Dao	SV	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh	22° 56' 28"	106° 30' 51"						F-48-34-A	
xóm Pồ Peo	DC	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh	22° 56' 03"	106° 32' 10"						F-48-34-A	
cửa khẩu Pồ Peo	KX	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh	22° 56' 32"	106° 32' 01"			22° 54' 18"	106° 33' 48"	22° 56' 52"	106° 30' 58"	F-48-34-A
sông Quây Sơn	TV	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh									
xóm Tật Bản	DC	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh									
núi Tôm Đeng	SV	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh	22° 54' 16"	106° 32' 22"							F-48-34-A
đường tỉnh 213	KX	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh					22° 53' 18"	106° 35' 36"	22° 54' 22"	106° 34' 06"	F-48-34-A
xóm Bão Nhòm	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 54' 13"	106° 34' 04"							F-48-34-A
xóm Đông Dưa - Pắc Thay - Pắc Páo	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 52' 37"	106° 34' 41"							F-48-34-A
xóm Đông Ởi	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 53' 28"	106° 34' 49"							F-48-34-A
Gàng Nọc	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 52' 56"	106° 34' 58"							F-48-34-A
núi Giang Mù	SV	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 54' 50"	106° 35' 24"							F-48-34-A
xóm Giộc Sầu	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 53' 51"	106° 33' 37"							F-48-34-A
xóm Giộc Sung	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 47' 33"	106° 28' 08"							F-48-33-B
núi Lũng Đắc	SV	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 53' 53"	106° 33' 14"							F-48-34-A
xóm Lũng Hoài	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 46' 32"	106° 27' 14"							F-48-33-B
xóm Lũng Lầu	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 48' 57"	106° 26' 02"							F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Nà Bai - Khả Mong - Làng Mới	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 48' 26"	106° 25' 23"							F-48-33-B
xóm Nà Gạch	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 51' 42"	106° 33' 24"							F-48-34-A
xóm Nà Lông	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 52' 01"	106° 33' 13"							F-48-34-A
hang Ngườm Hoài	KX	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh									F-48-34-A
xóm Nóng Trường	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 54' 16"	106° 35' 36"							F-48-34-A
Pắc Phiao	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 52' 22"	106° 34' 28"							F-48-34-A
xóm Pắc Thay	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 52' 44"	106° 34' 02"							F-48-34-A
Phia Thang	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh									
sông Quây Sơn	TV	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh			22° 52' 36"	106° 35' 09"	22° 54' 18"	106° 33' 48"			F-48-34-A
xóm Ta Nay	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 53' 00"	106° 34' 34"							F-48-34-A
xóm Thom Luông	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 51' 56"	106° 33' 43"							F-48-34-A
Thóm Luông	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 53' 24"	106° 34' 25"							F-48-34-A
đường tỉnh 206	KX	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh			22° 49' 25"	106° 33' 36"	22° 49' 17"	106° 35' 44"			F-48-34-A
xóm Bài Riêng	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh									
xóm Bản Piên	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh									
xóm Bản Quan	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 48' 56"	106° 35' 32"							F-48-34-A
xóm Bản Viết	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 48' 32"	106° 36' 06"							F-48-34-A
hồ Bản Viết	TV	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 47' 59"	106° 36' 20"							F-48-34-A
núi Bo Ngần	SV	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 47' 48"	106° 37' 40"							F-48-34-A
xóm Bó Thua Ma	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh									
xóm Co Báy	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 49' 56"	106° 34' 48"							F-48-34-A
xóm Đông Quan	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 49' 13"	106° 34' 30"							F-48-34-A
Lũng Hoài	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 48' 35"	106° 36' 31"							F-48-34-A
Lũng Luông	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 50' 50"	106° 34' 15"							F-48-34-A
xóm Nà Giốc - Pò Gài	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 49' 25"	106° 34' 47"							F-48-34-A

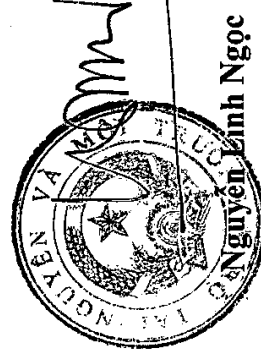
Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Nà Mẩn	DC	xã Phong Châu	H. Trưng Khánh	22° 50' 12"	106° 35' 19"							F-48-34-A
Nà Vựa	DC	xã Phong Châu	H. Trưng Khánh	22° 48' 46"	106° 35' 24"							F-48-34-A
xóm Pắc Cống	DC	xã Phong Châu	H. Trưng Khánh	22° 49' 22"	106° 35' 09"							F-48-34-A
Pắc Mác	DC	xã Phong Châu	H. Trưng Khánh	22° 49' 09"	106° 35' 47"							F-48-34-A
xóm Phía Bó	DC	xã Phong Châu	H. Trưng Khánh	22° 49' 53"	106° 33' 56"							F-48-34-A
xóm Tân Phong	DC	xã Phong Châu	H. Trưng Khánh	22° 47' 46"	106° 36' 21"							F-48-34-A
núi Bang Nặc	SV	xã Phong Nậm	H. Trưng Khánh	22° 52' 33"	106° 31' 51"							F-48-34-A
xóm Canh Cáp - Bãi Ban - Kéo Viếng	DC	xã Phong Nậm	H. Trưng Khánh	22° 52' 57"	106° 32' 09"							F-48-34-A
xóm Đà Bè	DC	xã Phong Nậm	H. Trưng Khánh	22° 54' 02"	106° 30' 31"							F-48-34-A
núi Đa Bè	SV	xã Phong Nậm	H. Trưng Khánh	22° 53' 46"	106° 30' 25"							F-48-34-A
xóm Giốc Man	DC	xã Phong Nậm	H. Trưng Khánh	22° 53' 09"	106° 31' 37"							F-48-34-A
xóm Gộc Rừng	DC	xã Phong Nậm	H. Trưng Khánh									
núi Keo Tăn	SV	xã Phong Nậm	H. Trưng Khánh	22° 52' 57"	106° 32' 42"							F-48-34-A
xóm Keo Viếng	DC	xã Phong Nậm	H. Trưng Khánh	22° 47' 33"	106° 28' 08"							F-48-33-B
núi Khan Mìn	SV	xã Phong Nậm	H. Trưng Khánh	22° 53' 37"	106° 32' 19"							F-48-34-A
núi Lũng Biên	SV	xã Phong Nậm	H. Trưng Khánh	22° 53' 58"	106° 29' 42"							F-48-33-B
núi Lũng Cỏ	SV	xã Phong Nậm	H. Trưng Khánh	22° 54' 09"	106° 30' 59"							F-48-34-A
xóm Lũng Đilăng	DC	xã Phong Nậm	H. Trưng Khánh	22° 53' 24"	106° 30' 40"							F-48-34-A
núi Lũng En	SV	xã Phong Nậm	H. Trưng Khánh	22° 54' 39"	106° 30' 31"							F-48-34-A
núi Lũng Lợi	SV	xã Phong Nậm	H. Trưng Khánh	22° 53' 01"	106° 30' 08"							F-48-34-A
núi Lũng Mẩn	SV	xã Phong Nậm	H. Trưng Khánh	22° 52' 37"	106° 30' 37"							F-48-34-A
núi Lũng Páo	SV	xã Phong Nậm	H. Trưng Khánh	22° 53' 36"	106° 29' 49"							F-48-33-B
núi Lũng Riển	SV	xã Phong Nậm	H. Trưng Khánh	22° 54' 01"	106° 29' 08"							F-48-33-B
núi Lũng Rừng	SV	xã Phong Nậm	H. Trưng Khánh	22° 53' 08"	106° 32' 20"							F-48-34-A
xóm Lũng Rý	DC	xã Phong Nậm	H. Trưng Khánh	22° 53' 12"	106° 29' 46"							F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Chang - Nà Hâu	DC	xã Phong Nặm	H. Trùng Khánh	22° 46' 32"	106° 27' 14"					F-48-33-B
xóm Nà Đơan - Đà Bút	DC	xã Phong Nặm	H. Trùng Khánh	22° 52' 27"	106° 32' 19"					F-48-34-A
xóm Nà Thông	DC	xã Phong Nặm	H. Trùng Khánh	22° 52' 50"	106° 31' 22"					F-48-34-A
xóm Ngườm Hoài	DC	xã Phong Nặm	H. Trùng Khánh							
xóm Pác Đông	DC	xã Phong Nặm	H. Trùng Khánh							
xóm Bản Coổng	DC	xã Thân Giáp	H. Trùng Khánh	22° 45' 11"	106° 32' 16"					F-48-34-A
xóm Bản Mang - Lũng Lác	DC	xã Thân Giáp	H. Trùng Khánh							
Đông Tâm	DC	xã Thân Giáp	H. Trùng Khánh							
xóm Nà Ké	DC	xã Thân Giáp	H. Trùng Khánh							
xóm Nà Ràn	DC	xã Thân Giáp	H. Trùng Khánh	22° 45' 21"	106° 31' 59"					F-48-34-A
xóm Ngườm Giang - Nà Noa - Khăm Gát	DC	xã Thân Giáp	H. Trùng Khánh	22° 45' 30"	106° 31' 03"					F-48-34-A
núi Pải Cài	SV	xã Thân Giáp	H. Trùng Khánh	22° 45' 36"	106° 34' 16"					F-48-34-A
Phò Tấu	DC	xã Thân Giáp	H. Trùng Khánh	22° 45' 06"	106° 33' 45"					F-48-34-A
xóm Pò Chang - Luộc Tấu	DC	xã Thân Giáp	H. Trùng Khánh							F-48-34-C+D
xóm Sộc Chằng	DC	xã Thân Giáp	H. Trùng Khánh	22° 45' 01"	106° 32' 32"					F-48-34-A
xóm Thông Lộc - Lũng Léch	DC	xã Thân Giáp	H. Trùng Khánh	22° 45' 03"	106° 31' 56"					F-48-34-C+D
xóm Thua Khuông	DC	xã Thân Giáp	H. Trùng Khánh	22° 44' 52"	106° 32' 20"					F-48-33-B; F-48-34-A
đường tỉnh 206	KX	xã Thông Huề	H. Trùng Khánh			22° 45' 14"	106° 27' 46"	22° 46' 45"	106° 30' 23"	F-48-33-B F-48-34-A
xóm Bản Cưởm	DC	xã Thông Huề	H. Trùng Khánh	22° 47' 33"	106° 28' 08"					F-48-33-B
xóm Bản Khuông	DC	xã Thông Huề	H. Trùng Khánh	22° 46' 32"	106° 27' 14"					F-48-33-B
núi Bấy Tiên	SV	xã Thông Huề	H. Trùng Khánh	22° 46' 35"	106° 29' 38"					F-48-33-B
xóm Cốc Chia	DC	xã Thông Huề	H. Trùng Khánh	22° 45' 55"	106° 28' 14"					F-48-33-B
xóm Cốc Rầy	DC	xã Thông Huề	H. Trùng Khánh	22° 45' 33"	106° 28' 36"					F-48-33-B
xóm Góc Riêng	DC	xã Thông Huề	H. Trùng Khánh	22° 48' 46"	106° 27' 16"					F-48-33-B
đèo Khau Liêu	SV	xã Thông Huề	H. Trùng Khánh	22° 45' 14"	106° 27' 46"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lũng Thân	SV	xã Thông Huệ	H. Trùng Khánh	22° 46' 25"	106° 28' 40"					F-48-33-B
núi Lũng Xóm	SV	xã Thông Huệ	H. Trùng Khánh	22° 46' 13"	106° 27' 46"					F-48-33-B
xóm Nà Ít	DC	xã Thông Huệ	H. Trùng Khánh	22° 46' 37"	106° 29' 26"					F-48-33-B
xóm Nà Keo	DC	xã Thông Huệ	H. Trùng Khánh	22° 48' 26"	106° 25' 23"					F-48-33-B
xóm Nà Thằng	DC	xã Thông Huệ	H. Trùng Khánh							
xóm Nậm Dọi	DC	xã Thông Huệ	H. Trùng Khánh	22° 48' 57"	10° 62' 62"					F-48-33-B
xóm Nậm Thùm	DC	xã Thông Huệ	H. Trùng Khánh	22° 46' 41"	106° 29' 53"					F-48-33-B
núi Thín Phán	SV	xã Thông Huệ	H. Trùng Khánh	22° 44' 36"	106° 28' 56"					F-48-33-D
xóm Thông Huệ 1	DC	xã Thông Huệ	H. Trùng Khánh	22° 46' 09"	106° 29' 33"					F-48-33-B
xóm Thông Huệ 2	DC	xã Thông Huệ	H. Trùng Khánh	22° 46' 12"	106° 29' 58"					F-48-34-A
sông Bắc Vọng	TV	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh			22° 49' 21"	106° 26' 37"	22° 46' 49"	106° 29' 08"	F-48-33-B
xóm Bản Gắn	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 47' 58"	106° 24' 33"					F-48-33-B
xóm Cốc Phay	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 46' 17"	106° 28' 12"					F-48-33-B
xóm Đồng Tâm	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 46' 32"	106° 27' 14"					F-48-33-B
núi Gốc Bưởi	SV	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 45' 49"	106° 27' 27"					F-48-33-B
xóm Hao Phò	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 46' 46"	106° 28' 44"					F-48-33-B
đèo Keng Mạ	SV	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 48' 44"	106° 28' 01"					F-48-33-B
xóm Kéo Hin	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 47' 33"	106° 28' 08"					F-48-33-B
núi Lũng Sao	SV	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 48' 59"	106° 27' 31"					F-48-33-B
Lũng Thân	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 48' 26"	106° 25' 23"					F-48-33-B
mỏ Măng Gan	SV	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh							F-48-33-B
xóm Nà Găng	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 48' 24"	106° 27' 38"					F-48-33-B
xóm Nà Luộc	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 47' 08"	106° 28' 48"					F-48-33-B
xóm Nà Phò	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 47' 50"	106° 25' 29"					F-48-33-B
hang Ngườm Hoài	SV	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh							F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hang Ngườm Mạ	SV	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh							F-48-33-B
núi Ngườm Phan	SV	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 47' 57"	106° 28' 32"					F-48-33-B
xóm Nưa Chang	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 47' 09"	106° 27' 57"					F-48-33-B
xóm Pác Loạn	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh							
xóm Pác Riêng	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 48' 46"	106° 27' 16"					F-48-33-B
núi Phác Khẩn	SV	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 47' 29"	106° 26' 47"					F-48-33-B
xóm Phía Phẳng	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh							
xóm Phò Phước	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh							
Rong Tháy	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 48' 18"	106° 25' 01"					F-48-33-B
xóm Tân Chung	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh							
xóm Tân Lập	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 47' 56"	106° 27' 58"					F-48-33-B
xóm Tục Lũng	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 48' 57"	106° 26' 02"					F-48-33-B

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Linh Ngọc

Nguyễn